

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, P. Phương Sài, TP Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại : 058.3820197 fax : 058.3821005

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở**

XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH – TN20

**Địa chỉ : thôn Thượng, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh,
tỉnh Khánh Hoà**

THÁNG 08 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HOÀ
-----o0o-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở

XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH – TN20

Địa chỉ : Thôn Thượng, Xã Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ



MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I . THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	3
1. Tên chủ cơ sở	3
2. Tên cơ sở	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
CHƯƠNG II . SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
CHƯƠNG III . KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	12
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	12
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	19
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại.....	20
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	21
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	21
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	24
8. các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	24
CHƯƠNG IV . NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	25
1. Nội dung đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đối với nước thải	25
2. Nội dung đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đối với khí thải	26
3. Nội dung đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	28
CHƯƠNG V . KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	29
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	29
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	29
CHƯƠNG VI . CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	30
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	30
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	30
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	31
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRAVỆ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	32
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	32
PHỤ LỤC BÁO CÁO	34

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ

- Địa chỉ văn phòng: 194-196 Trần Quý Cáp, P. Phương Sài, TP Nha Trang, Khánh Hoà

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Điện thoại: 0913466050 ; Fax: ;..... E-mail:

- Giấy đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 4200570999 đăng ký đầu ngày 10/09/2004, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/05/2015; Cơ quan cấp: phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

2. Tên cơ sở : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ – XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH – TN20

- Địa điểm cơ sở: thôn Thượng, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 634/QĐ-UBND ngày 20/03/2009.

- Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại : Công ty đăng ký chung cho tất cả các Chi nhánh trực thuộc Công ty mã số QLCTNH : 56.000161.Tx .

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B – theo khoản 2, Điều 9, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019.

- Tổng vốn đầu tư : **24.689.965.871 đồng.**

Được hình thành từ Dự án đầu tư Nhà máy gạch Diên Lâm do UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 371210000100 ngày 21/07/2008; Quyết định số 2648/SXD-QLKTQH ngày 05/09/2008 của Sở Xây dựng Khánh Hoà về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình; Thông báo số 282/TB-UBND ngày 27/06/2008 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc thoả thuận địa điểm lập Dự án đầu tư .

Thực hiện thi công xây dựng các hạng mục công trình theo đúng nội dung phê duyệt của Giấy phép xây dựng số 773/GPXD do Sở Xây dựng Khánh Hoà cấp ngày 02/04/2029.

Tiến độ thực hiện dự án :

- Tháng 08/2008 đến tháng 10/2008 : Hoàn thiện thủ tục về đất đai

- Tháng 10/2008 : Hoàn thiện hồ sơ phòng cháy chữa cháy

- Tháng 11/2008 đến tháng 02/2009 : Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch và thiết kế

- Tháng 03/2009 : Hoàn thiện hồ sơ môi trường

- Tháng 04/2009 : Cấp phép xây dựng

- Tháng 05/2009 đến tháng 04/2010 Thi công xây dựng các hạng mục công trình theo Giấy phép .

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Tháng 05/2010 đến tháng 06/2010 : Lắp đặt máy móc thiết bị
- Tháng 07/2010 đến tháng 12/2010 : Hoạt động thử nghiệm máy móc thiết bị, hiệu chỉnh, thay thế bảo hành đối với một số thiết bị không đạt yêu cầu.
- Tháng 01/2011 : Dự án chính thức đi vào hoạt động

2.1. Các hạng mục của cơ sở được trình bày trong bảng sau :

Bảng 1.1. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô
1	Nhà chứa đất	M ²	216
2	Nhà chứa than	M ²	288
3	Nhà bao che lò nung Tuynen	M ²	1.632
4	Nhà chế biến tạo hình	M ²	432
5	Nhà phơi gạch mộc	M ²	4.317
6	Nhà phơi sản phẩm mống	M ²	105
7	Văn phòng làm việc + Nhà nghỉ	M ²	378
8	Đường nội bộ, bãi thành phẩm lát bê tông	M ²	9.550
9	Cổng, tường rào bao che	M	905
10	Hệ thống cấp thoát nước tổng mặt bằng	M ²	7.560
11	Điện, động lực chiếu sáng	Hệ thống	01
12	Ống khói lò nung sấy Tuynen	Hệ thống	01
13	Hệ thống móng máy	Hệ thống	01
14	Nhà cơ khí	M ²	120
15	Nhà để xe + Nhà bảo vệ	M ²	143
16	Nhà vệ sinh công nhân + Đài nước	M ²	70
16	Bãi chứa đất	M ²	16.005

Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất của cơ sở

TT	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị tính	Quy mô
1	Thiết bị chế biến tạo hình Tuynen	Hệ	18 triệu viên QTC/năm
2	Hệ Lò nung sấy Tuynen	Hệ	18 triệu viên QTC/năm
3	Hệ máy nhào lọc thủy lực	Cái	02
4	Máy nhào đùn liên hợp hút chân không	Cái	01
5	Máy cán thô Φ 800x500	Cái	01

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

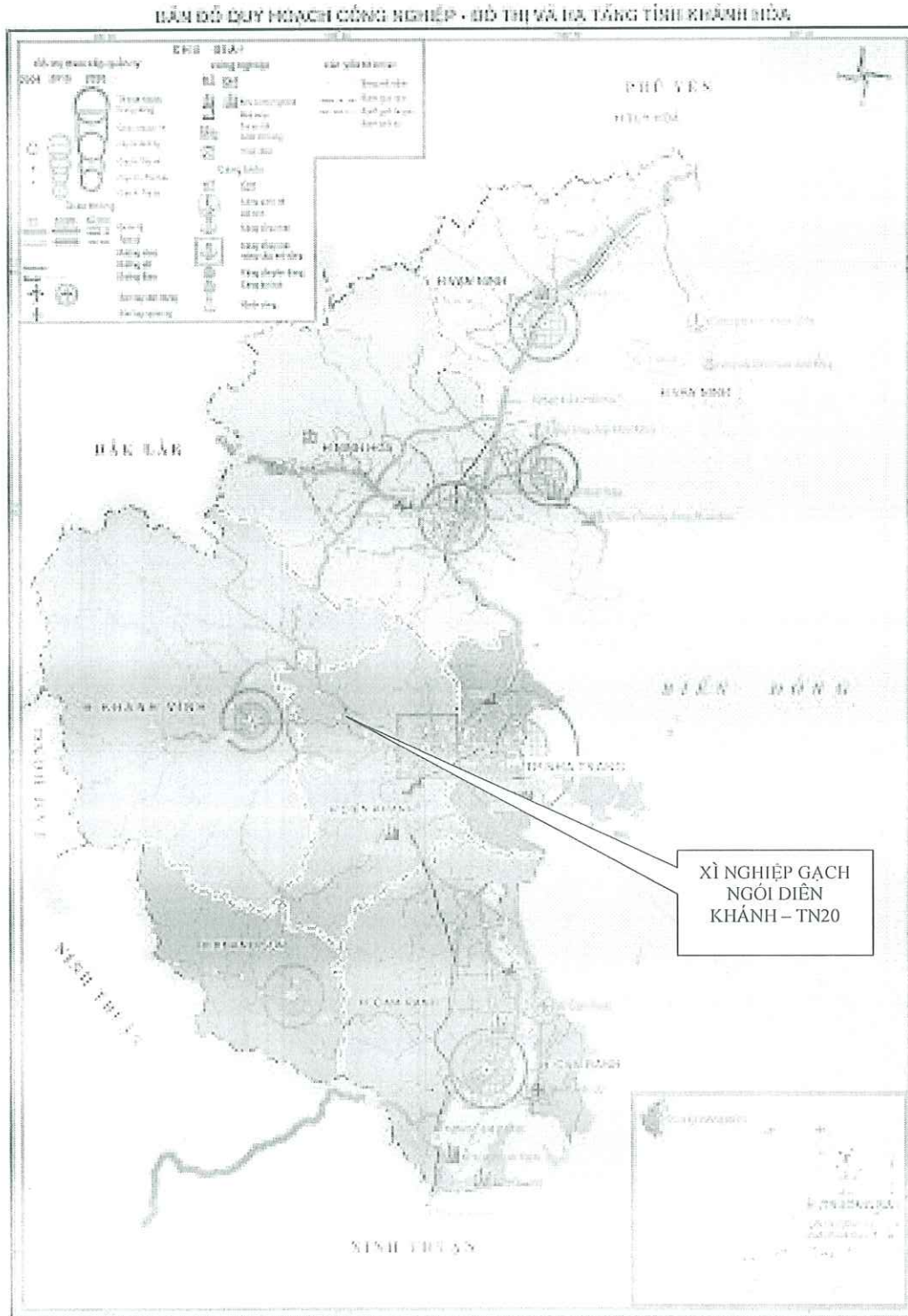
6	Máy cán mịn Φ 800x500	Cái	01
7	Máy cấp liệu thùng	Cái	01
8	Máy ép ngói 6 mặt	Cái	02
9	Trạm biến áp 630kVA	Cái	01
10	Xe ủi Komatsu D50P	Chiếc	01
11	Xe goòng	Chiếc	10
12	Máy phát điện	Cái	01
13	Xe nâng hàng Komatsu 25 tấn	Chiếc	01
14	Xe nâng hàng Mitsubishi 2.5 tấn	Chiếc	02

2.2. Vị trí của cơ sở :

Chi nhánh Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà – Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20 có tổng diện tích 33.255,9m², tọa lạc tại Hương lộ 39, thôn Thượng, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà

- Phía Bắc giáp đất màu và Suối Cạn
- Phía Nam giáp khu dân cư
- Phía Đông giáp Suối Cạn và đồi trọc
- Phía Tây giáp đường Hương lộ 39

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
VI TRÍ XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIỄN KHÁNH – TN20



3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: 18 triệu viên gạch ngói QTC/năm

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở - Quy trình sản xuất :

Gia công nguyên liệu và tạo hình sản phẩm :

Đất nguyên liệu được khai thác chở về nhà máy tập kết tại bãi chứa đất để ngâm ủ. Đất sét sau khi đã được ngâm ủ đủ thời gian phong hoá ít nhất từ 3-4 tháng mới đưa vào sản xuất .

Dùng máy ủi đưa đất từ nhà chứa xuống sàn máy cấp liệu thùng. Từ đây, nguyên liệu được cung cấp đều đặn cho máy nhào 2 trục qua băng tải cao su B600. Cùng với đất, than cao su hoặc than nhiệt điện (tro bay) cũng được cung cấp vào máy nhào qua băng tải than B500. Than trước khi đem pha được nghiền nhỏ (cỡ hạt $\leq 2\text{mm}$), sàng lọc bỏ các tạp chất. Lượng than pha vào đất có thể từ 70-100% lượng than cần thiết để nung chín sản phẩm. Máy nhào 2 trục sẽ làm nhiệm vụ nhào trộn đều than và đất. Hỗn hợp đất than được pha thêm nước để đảm bảo độ ẩm tạo hình.

Khi ra khỏi máy nhào lọc, hỗn hợp nguyên nhiên liệu được băng tải đưa đến máy cán mịn 1. Tại đây, chúng được cán nhuyễn và theo băng tải đến máy nhào lọc mở sàng cơ khí. Một lần nữa hỗn hợp được nhào trộn triệt để hơn bảo đảm sự đồng nhất tỷ lệ đất/than cho mọi viên gạch sau khi tạo hình.

Máy nhào lọc mở sàng cơ khí sẽ cung cấp tiếp cho máy cán mịn 2 qua băng tải B600. Máy cán mịn 2 với khe hở giữa 2 trục hẹp hơn sẽ gia luyện, chà xát, phá vỡ cấu trúc của đất, tăng thêm độ liên kết và độ dẻo của đất.

Qua máy cán mịn, hỗn hợp đất than được rơi thẳng xuống máy nhào đùn liên hợp có hút chân không. nhờ hai trục trong máy nhào đùn liên hợp, đất và than được nhào luyện lại đồng thời bổ sung thêm nước cho đủ độ ẩm tạo hình (nếu cần). Tiếp đến được cắt thành lát mỏng rơi xuống buồng chân không.

Qua buồng chân không, không khí được hút ra gần hết tạo cho đất có độ sít đặc, tăng mật độ, giảm sự biến dạng trong quá trình vận chuyển phơi sấy.

Sau đó qua máy đùn và được đẩy ra khỏi khuôn ép dưới dạng băng liên tục. Máy cắt tự động sẽ cắt các băng đất thành các viên gạch mọt có kích thước theo yêu cầu.

Phơi sấy gạch mọt:

Gạch mọt được đưa ra cảng phơi bằng các xe bàn chuyên dùng, được xếp thành từng lô thẳng hàng, tận dụng tối đa diện tích nhà phơi nhưng phải bảo đảm thông thoáng. Gạch khi đạt độ ẩm 12-14% được tập kết vào khu vực riêng sau đó được xếp lên xe goòng (mỗi goòng từ 3.000 đến 3.500 viên) và đưa vào hầm sấy Tuynen nhờ hệ thống tời điện và kích đẩy thuỷ lực. Sản phẩm mọt được sấy đến độ ẩm $\leq 6\%$ là có thể đưa vào nung.

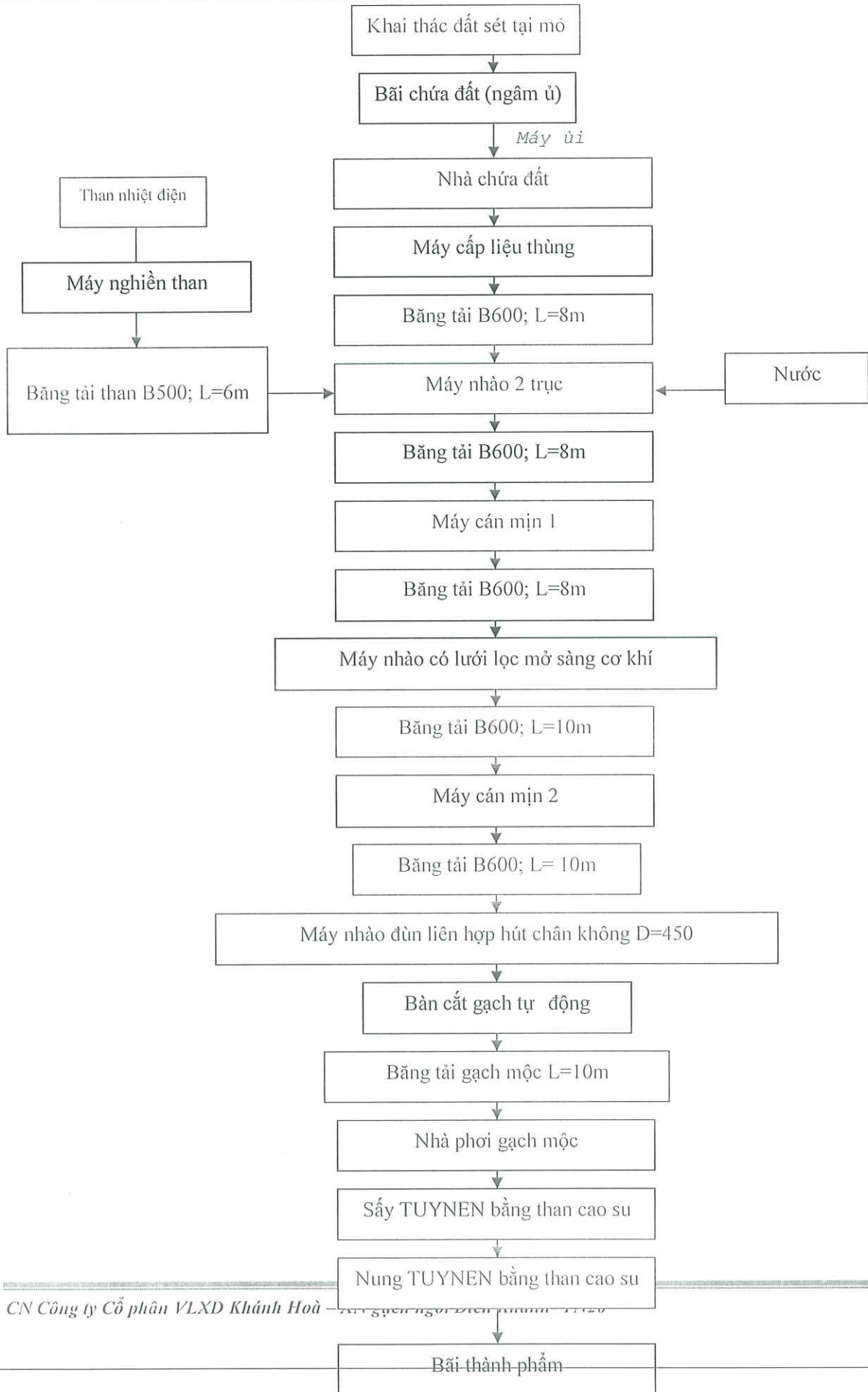
Nung bằng lò Tuynen:

Gạch mọt sau khi ra khỏi hầm sấy, được xe phà chuyển đến trước lò nung và đẩy vào lò nung bằng hệ thống kích thuỷ lực

Gạch sau khi được nung chín đưa ra khỏi lò nung, các xe goòng chứa gạch được vận chuyển đến vị trí ra lò, công nhân tiến hành dỡ xuống, phân loại và xếp ra bãi thành phẩm.

- Sơ đồ quy trình sản xuất

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường



3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của Chi nhánh Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà – Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20 là gạch rỗng đất; gạch đặc; ngói lợp các loại bằng đất sét nung .

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu

a. Nguyên liệu:

Nguyên liệu chính để sản xuất gạch là đất sét ở các xã Diên Thọ, Diên Lâm, Diên Xuân được tận thu từ công tác cải tạo đồng ruộng từ nhu cầu của bà con nông dân nhằm chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất màu, gò hoang, ruộng 01 vụ sang ruộng lúa 02 vụ tưới tiêu bằng hệ thống mương tự chảy.

Nguồn nguyên liệu được tận thu từ việc cải tạo đồng ruộng theo Phương án cải tạo được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt nhằm chuyển đổi đất sản xuất 1 vụ sang sản xuất lúa 02 vụ tưới tiêu tự chủ đáp ứng nhu cầu của bà con cũng như phù hợp với quy hoạch chung tại địa phương – nơi có ruộng nằm trong Phương án cải tạo đồng ruộng được duyệt - *Đính kèm Quyết định phê duyệt cải tạo đồng ruộng tại Diên Lâm năm 2023.*

* Các chỉ tiêu lý, hoá của nguồn đất sét như sau:

- Thành phần hạt và chỉ số dẻo:

	Thành phần hạt (%) theo cấp đường kính mm						Chỉ số dẻo D
	> 1	1-0,25	0,25-0,05	0,05-0,01	0,01-0,005	< 0,005	
Giá trị mẫu NT1	1,3	3	33	14	7	44	22
Giá trị mẫu NT1	1,7	3,2	37	16	7	38	19
Giá trị TB	1,5	3,1	35	15	7	41	20,5

- Trị số trung bình của chỉ số dẻo: D = 20,5. Nằm trong khoảng đất sét thuộc loại dẻo ($15 < D < 25$).

- Độ co không khí, độ co lửa – nhiệt độ kết khối – khoảng kết khối.

Giá trị	Co không khí	Co lửa	Độ co TP	Nhiệt độ kết khối	Khoảng kết khối
Cao nhất	4,3	5,5	9,0	1080 ⁰ C	-
Trung bình	4,0	4,5	8,8	1050 ⁰ C	280 ⁰ C
Thấp nhất	3,7	4,3	8,6	1000 ⁰ C	-

- Chỉ tiêu hoá của nguyên liệu:

Giá trị %	SiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	CaO	MgO	MKL	Na ₂ O	K ₂ O
Mẫu 1	53,33	25,02	6,06	1,52	0,06	11,05	0,48	1,35
Mẫu 2	57,42	21,25	6,22	1,68	0,60	9,73	0,52	1,75
T.Bình	55,37	23,13	6,14	1,6	0,6	10,39	0,5	1,55

Căn cứ vào giá trị hàm lượng các chất có trong đất sét cho thấy loại đất Nhà máy phù hợp thích hợp cho sản xuất gạch ngói.

Với công suất 18 triệu viên/năm, khối lượng đất sét nguyên liệu hàng năm đưa vào chế biến $32.400\text{m}^3/\text{năm}$ (đất sét rời)

b. Nhiên liệu:

- Nhiên liệu chính là than nhiệt và than cao su. Trong đó, than nhiệt điện (tro bay) dùng pha trộn trong gạch mộc được xếp tại ruột khối goòng, than cao su dùng pha trộn trong gạch mộc được xếp tại thành ngoài khối goòng và chôn đốt trên nóc lò. Nhiệt lượng bình quân của than nhiệt điện : 1.690Kcal/kg ; của than cao su : $4.500 - 6.000\text{Kcal/kg}$. Nhu cầu sử dụng hàng năm của Cơ sở khoảng 2.160 tấn.

Nguồn gốc than nhiệt điện (tro bay) : là phế thải phát sinh từ Nhà máy nhiệt điện của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắc Nông (DNI) do Công ty TNHH MTV Đặng Kiều (ĐK) đơn vị có chức năng mua thu gom cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu tái chế các sản phẩm khác. Trong đó, lượng tro bay có nhiệt lượng khoảng 2.000Kcal/kg Công ty TNHH MTV Đặng Kiều (ĐK) bán cho Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát theo hình thức than xỉ nhiệt. Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà mua lại tro, xỉ than nghiền này của Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát để sản xuất gạch Tuynen (pha trộn và đất theo tỷ lệ để tạo hình mộc) – *Kèm các hợp đồng cung ứng*

- Ngoài ra hàng năm Nhà máy còn cần dùng khoảng 8-9 tấn dầu Diesel bôi trơn và dùng cho máy ủi đào đất sản xuất.

4.2. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác

- Nước dùng cho sản xuất cũng như sinh hoạt được lấy từ nước máy do Trung tâm nước sạch nông thôn huyện Diên Khánh cung cấp (*kèm Hợp đồng cung ứng nước*). Nước được bơm theo đường ống về bể chứa cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

+ Nhu cầu nước cho sản xuất: $22\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Nhu cầu nước cho sinh hoạt: $1,2\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Nhu cầu tiêu thụ điện: Sử dụng trạm biến áp 630KVA cung cấp điện cho toàn bộ các thiết bị phục vụ sản xuất và điện chiếu sáng sinh hoạt. Nguồn điện lấy từ đường dây trung thế 22 KV chạy dọc phía trước nhà máy.

+ Nhu cầu điện dùng cho sản xuất bình quân : $720.000\text{kwh}/\text{năm}$

+ Nhu cầu điện dùng cho sinh hoạt bình quân : $3.230\text{kwh}/\text{năm}$

Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh Khánh Hoà Về mặt chủ trương chung, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 15/2000 QĐ-BXD ngày 24/07/2000 và Thủ Tướng Chính Phủ có Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 01/08/2001 về việc xoá bỏ các lò gạch thủ công xung quanh các đô thị đến năm 2010 và trên phạm vi cả nước đến năm 2015.

Dự án phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Dự án Nhà máy gạch Tuynen Diên Lâm tiền thân của Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20 được xây dựng trên quỹ đất phi nông nghiệp của Huyện Diên Khánh, bàn giao cho Doanh nghiệp xây dựng Nhà máy từ năm 2008. Dự án này phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Diên Khánh đến năm 2030 theo Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Diên Khánh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Với đặc điểm hoạt động của cơ sở thì ảnh hưởng của cơ sở đến mạch nước ngầm là không đáng kể .

- Nước trong quá trình sản xuất dùng để ngâm ủ đất nguyên liệu cho nên nguồn nước thải hầu như không có. Nước thải của cơ sở chủ yếu là nước mưa .
- Nước thải sinh hoạt phát sinh với số lượng rất ít do người lao động làm việc tại cơ sở là người địa phương. Lượng nước thải này đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 05 ngăn được xây âm dưới lòng đất. Định kỳ 03 tháng 01 lần Công ty thuê đơn vị đến thu gom và xử lý .
- Nước thải từ quá trình phun ẩm khu vực lò nung, sân bãi, đường nội bộ được bốc hơi nên không phát sinh nước thải .
- Về nhiên liệu nung đốt : theo quy trình sản xuất trước đây, Doanh nghiệp sử dụng than cám 6 nhập từ Quảng Ninh về nung đốt sản phẩm nhưng nay do nguồn than này ngày càng khan hiếm, giá nhập cao, cung cấp không ổn định cũng như chất lượng ngày càng giảm, nên Doanh nghiệp tìm nguồn thay thế khác . Hưởng ứng Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh xử lý , sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các Nhà máy nhiệt điện, hoá chất phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng. Tháng 08/2022, Công ty triển khai các Xí nghiệp sản xuất gạch Tuynen sử dụng thử nghiệm tro bay – xỉ than nhiệt điện mua từ Đồng Nai, pha trộn trong sản phẩm mộc (sản phẩm chưa nung đốt) ; đến năm 2023, sau khi xác định được nhiệt lượng của loại tro bay cần dùng cũng như quy trình sản xuất đã ổn định, các Xí nghiệp chính thức sử dụng tro bay từ nguồn

cung cấp ổn định .

- Nguồn gốc tro bay : là phế thải phát sinh từ Nhà máy nhiệt điện của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắc Nông (DNI) do Công ty TNHH MTV Đặng Kiều (ĐK) đơn vị có chức năng mua thu gom cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu tái chế các sản phẩm khác. Trong đó, lượng tro bay có nhiệt lượng khoảng 2.000Kcal/kg Công ty TNHH MTV Đặng Kiều(ĐK) bán cho Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát theo hình thức than xỉ nhiệt. Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà mua lại tro, xỉ than nghiền này của Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát để sản xuất gạch Tuynen (pha trộn và đất theo tỷ lệ để tạo hình mộc).
- Tro bay là phế thải tận thu từ các Nhà máy nhiệt điện nên quá trình nhập kho sẽ phát sinh bụi phát tán xung quanh Nhà máy. Để khống chế tình trạng này, khu vực kho sẽ bố trí bạt phủ, tưới nước chống bụi phát tán trong quá trình nhập kho cũng như đưa lên băng tải pha trộn đất trong sản xuất.
- Đối với than cao su : có mùi hôi đặc trưng nên nhà cung cấp phải xử lý mùi hôi mới được nhập kho; kho chứa được che kín hoàn toàn, loại than này dùng tra trên lò nên lượng nhập không đáng kể, chiếm 10-15% nhu cầu sử dụng của Nhà máy.

Bên cạnh đó, các nội dung đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường trước đây theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 20/03/2009 không thay đổi.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

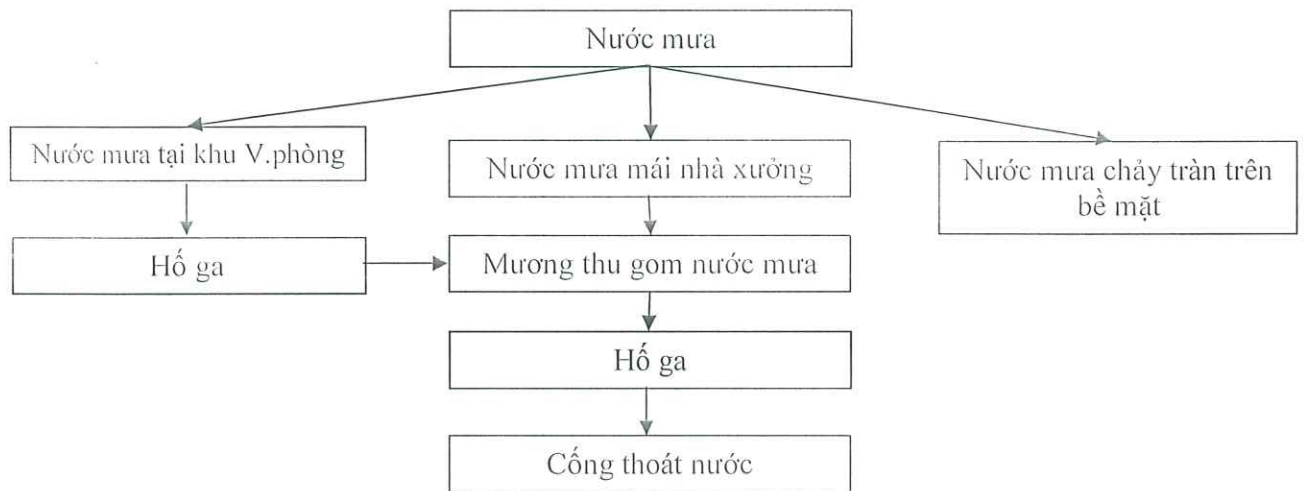
Lưu lượng nước mưa chảy tràn trung bình trên vùng diện tích của Xí nghiệp khoảng 270l/s (đối với mưa lớn) . Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo đất cát, rác, dầu mỡ và các tạp chất rơi vãi trên mặt đất .Nếu lượng nước mưa này không quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực đến nguồn nước mặt, nước ngầm và đời sống thủy sinh trong khu vực . Ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn như sau :

- Tổng nitơ (N)	:	0,5 – 1,5 mg/l
- Photpho (P)	:	0,004 – 0,03 mg/l
- Nhu cầu oxy hóa học (COD) :		10 – 20 mg/l
- Chất rắn lơ lửng (SS)	:	10 – 20 mg/l

So với nguồn chất thải khác, nước mưa chảy tràn khá sạch. Hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Hệ thống thu gom nước mưa bao gồm thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng; nước mưa chảy tràn trên sân bãi thành phẩm, đường nội bộ trong cơ sở . Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng như sau :

+ Nước mưa trên mái nhà xưởng, văn phòng và các công trình khác ... được thu gom theo các đường ống BTCT $\Phi 300$, $\Phi 400$ dẫn về mương thoát nước mưa được xây dựng bằng BTCT có tấm đan che dầy. Ống đầu nối trực tiếp với mương thoát nước trên bề mặt đường nội bộ .

+ Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương thoát nước BTCT rộng 0.3-0.4m, bố trí trên tổng mặt bằng nhà xưởng → bể gom (dung tích $3m^3$) → lưới chắn rác để giữ lại các cặn rác có kích thước lớn → bể lắng (dung tích $4,5m^3$) → bể thu nước thải sau lắng (dung tích $2m^3$), sau đó thải thẳng ra môi trường sau khi qua hệ thống hố ga .



1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt : Thành phần chủ yếu các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt bao gồm : các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh .

Lưu lượng nước thải : Người lao động làm việc tại Xí nghiệp chủ yếu là người địa phương, chế độ làm việc theo ca, hết giờ làm việc về nhà tắm rửa nên nhu cầu dùng nước của CBCNV trong Xí nghiệp nhỏ hơn so với nhu cầu sinh hoạt thực tế tại gia đình của người dân trong vùng .

Tổng số CBCNV bình quân tại Xí nghiệp : 50 người . Nhu cầu dùng nước trung bình của 1 người là 20 lít/ngày đêm nên lượng nước thải của 1 người bằng 80% lượng nước cấp (16lít/ngày đêm) . Như vậy, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Xí nghiệp : 50người x 16 lít = 800lít/ngày đêm (tương ứng $0,8m^3$ /ngày đêm) .

Tải lượng nước thải sinh hoạt : Dựa vào hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày sinh hoạt đưa vào môi trường (chưa xử lý) do Tổ chức Y Tế Thế Giới thiết lập có thể dự báo tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ nước thải sinh hoạt của người lao động tại Xí nghiệp như sau :

Tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý)

Stt	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)	Tải lượng (kg/mgày)
1	BOD ₅	45 – 54	2,25 – 2,70
2	COD	72 – 102	3,60 – 5,10
3	SS	70 – 145	3,50 – 7,25
4	Dầu mỡ phi khoáng	10 – 30	0,50 – 1,50
5	Tổng N	6 – 12	0,30 – 0,60
6	N-NH ₄	2,4 – 4,8	0,12 – 0,24
7	Tổng P	0,8 – 4,0	0,04 – 0,20

Do thời gian làm việc của Xí nghiệp là 01 ca (8giờ) nên tải lượng ô nhiễm ước tính khoảng 1/3 so với kết quả tính toán .

Nồng độ nước thải : Nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt được tính toán dựa trên tải lượng ô nhiễm, lưu lượng nước thải và hiệu suất xử lý của bể tự hoại .

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Stt	Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)		
		Không qua xử lý	Xử lý bằng bể tự hoại	QCVN 40:2010/BTNMT
1	BOD ₅	450 – 540	117 - 140	60
2	COD (dicronate)	720 – 1020	188 – 266	-
3	SS (chất rắn lơ lửng)	700 – 1450	182 – 378	120
4	Dầu mỡ phi khoáng	100 – 300	26 – 78	24
5	Tổng ni tơ (N)	60 – 120	15,7 – 31,2	-
6	Amoni (N-NH ₄)	24 – 48	6,25 – 12, 25	-
7	Tổng photpho (P)	8 – 40	2,09 – 10, 46	-

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt đã qua xử lý bằng bể tự hoại với Quy chuẩn cho thấy : nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại hầu hết các thông số tương đối đạt Quy chuẩn cho phép; nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại và sẽ được thu gom định kỳ 1 năm 1 lần do Cơ sở thuê đơn vị có chức năng để thực hiện .

Nước thải sản xuất : không phát sinh

Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt : nước thải từ nhà vệ sinh Xí nghiệp được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại với dung tích 05m³/bể (Xí nghiệp có 09 bể tự hoại cho 12 nhà vệ sinh), sau đó hàng năm thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý (Đính kèm bản vẽ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Đối với việc kiểm soát chất lượng của nước thải sinh hoạt : hiện tại nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua bể tự hoại 05 ngăn; sau khi xử lý nước sẽ được thu gom, xử lý nên việc lấy mẫu kiểm soát không thể thực hiện được ; đề nghị không kiểm soát chỉ tiêu này .

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải :

2.1. Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển (vận chuyển sản phẩm và nguyên liệu)

2.1.1. Bụi phát sinh từ quá trình nhập than nhiệt điện (tro bay) : Bình quân mỗi tháng, Cơ sở nhập khoảng 400-500 tấn. Mặc dù kho đã được phủ kín bạt nhưng quá trình bốc dỡ từ xe xuống kho vẫn phát tán bụi ra không khí xung quanh. Để hạn chế vấn đề này, lượng than chủ yếu nhập đầy kho vào mùa mưa, hạn chế số lượng phải nhập vào mùa khô; trong quá trình nhập kho, bộ phận kho sẽ phun sương xung quanh kho tránh phát tán bụi tro ra xung quanh Cơ sở .

2.1.2. Bụi phát sinh từ quá trình nhập kho đất nguyên liệu : Tùy theo điều kiện chất lượng đường xá, phương thức bốc dỡ và tập kết nguyên liệu, sản phẩm mà ô nhiễm phát sinh nhiều hay ít . Nồng độ bụi sẽ tăng cao trong những ngày khô, nắng gió. Bụi do nguyên liệu rơi vãi từ các bãi chứa cuốn theo gió phát tán vào không khí gây nên ô nhiễm cho các khu vực xung quanh . Một thực tế khách quan là ô nhiễm bụi trên đường vận chuyển và tập kết nguyên liệu rất phổ biến ở các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng . Thông thường giá trị hàm lượng bụi lơ lửng đo tại khu vực bãi chứa nguyên liệu thường cao hơn tiêu chuẩn không khí xung quanh nhiều lần (QCVN 26:2010/BTNMT quy định bụi $0,3\text{mg}/\text{m}^3$).

Khối lượng sét toi nguyên liệu cung ứng cho Xí nghiệp hoạt động bình quân khoảng $32.400\text{m}^3/\text{năm}$; với tỷ trọng đất sét là : $1,3\text{ tấn}/\text{m}^3$ như vậy lượng sét sử dụng trong một năm là 42.120 tấn tương đương 115 tấn đất sét/ngày .Khối lượng sản phẩm bình quân của Xí nghiệp là 18 triệu viên/ năm ; trong lượng trung bình của mỗi viên gạch là 1,4kg . Tổng khối lượng sản phẩm của Nhà máy ước tính : 25.200 tấn/năm tương đương 69,0 tấn/ngày .

T toàn bộ sản phẩm và nguyên liệu của Xí nghiệp được vận chuyển bằng xe tải có tải trọng 15 tấn dùng dầu diesel (hàm lượng lưu huỳnh 0,05%) . Như vậy số lượng xe ra vào Xí nghiệp khoảng 15 lượt/ngày .Quãng đường vận chuyển trung bình cho 01 lượt xe là 6km (khoảng cách từ Xí nghiệp đến vùng nguyên liệu) . Trên cơ sở đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập đối với loại xe tải sử dụng dầu DO có tải trọng từ 3,5 – 16 tấn thì tổng tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện vận chuyển đất thi công được ước tính :

Tải lượng các chất ô nhiễm trong không khí

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)	Tổng chiều dài tính toán (1000km/ngày)	Tải lượng trung bình ngày (kg/ngày)
1	Bụi	0,9	0,252	0,23
2	SO ₂	4,15 S	0,252	0,052
3	NO _x	14,4	0,252	3,63
4	CO	2,9	0,252	0,73
5	HC	0,8	0,252	0,20

Ghi chú : S là hàm lượng lưu huỳnh (%) trong dầu DO ; với S = 0,05

2.2. Khí thải HF từ đất sét nung :

Trong đất sét làm gạch ngói có chứa chất florua, khi nung nóng ở nhiệt độ cao (nhiệt độ nung trong lò tuynen từ 980 – 1200⁰C) sinh ra khí HF, SO₂ , NO₂,...Khí HF là một tác nhân ô nhiễm quan trọng , HF tan vô hạn trong nước tạo acid HF có nhiều tác hại đến cây trồng và vật nuôi , đặc biệt là đối với sức khỏe con người .

Đa số cây ăn quả rất nhạy với HF , khi tiếp xúc với nồng độ HF lớn hơn 0,002mg/m³ thì lá cây bị cháy đốm, tổn thương nặng dẫn đến rụng lá . (ngoại trừ một số cây là cà chua, hướng dương, măng tre,lúa) . Không khí bị ô nhiễm bởi HF và các hợp chất của florua gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh vật và sức khỏe con người . Các hợp chất florua gây ra bệnh fluorosis trên hệ xương và răng; khí HF gây kích thích da, mắt , niêm mạc, xung huyết mũi và xoang, phù phổi, tổn thương thần kinh ...

Theo kết quả phân tích chất lượng đất sét đưa vào sản xuất và tham khảo một số tài liệu khác về hàm lượng F⁻ trong đất sét dao động trong khoảng 166 – 175 g/tấn . Từ nhu cầu thực tế cho sản xuất là 32.400m³ đất sét/năm , với tỷ trọng của đất sét là 1.3tấn/m³, như vậy lượng đất sét sử dụng trong một năm là 42.120tấn tương đương 42.120tấn/năm x 170g/tấn = 7,16tấn(F⁻) năm . Theo nghiên cứu thực tế của Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và Bảo vệ môi trường thực tế chỉ 42% hàm lượng F⁻ trong đất chuyển thành dạng khí HF trong quá trình nung . Do đó lượng khí HF phát sinh trong quá trình sản xuất tại Xí nghiệp là 7,16 tấn/năm x 42% = 3,0 tấn/năm tương ứng 8,22kg/ngày hay 0,09g/s .

2.3. Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu :

Nhiên liệu Xí nghiệp sử dụng để nung đốt sản phẩm là than nhiệt điện có nhiệt lượng khoảng 1.690Kcal/kg (pha trong mộc) và than cao su có nhiệt lượng từ 4.500 - 6.000Kcal/kg (tra trên nóc goòng). Căn cứ theo định mức, với công suất 18 triệu viên/năm thì sản lượng than cần dùng trong năm là 2.160tấn /năm . Số ngày hoạt động của lò nung Tuynen là 330 ngày như vậy nhiên liệu tiêu hao 0,27tấn/h.

Dựa vào hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới và công suất bình quân của Xí nghiệp , có thể ước tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của lò nung Tuynen như sau :

Tải lượng ô nhiễm khí thải đối với lò đốt

Chất ô nhiễm	Hệ số Kg/tấn gạch	Tải lượng	
		Kg/h	g/s
Bụi	0,34A	1,87	0,52
SO ₂	3,65S	1,76	0,49
NO _x	0,0073	0,50	0,14
CO	0,0071	0,49	0,13
HF	-	0,32	0,09

Ghi chú : - S là % khối lượng lưu hình trong than cao su (S = 0,7%)
- A là % tro chứa trong than cao su (A = 8%)

Để tính nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải lò đốt dùng nhiên liệu than cao su , chúng tôi tính toán lưu lượng khí thải bằng công thức sau :

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

$$L = B \times [V_0^{20} + (\alpha - 1) V_0] \times (273 + t) / 273$$

- Trong đó :
- B : là lượng than đốt trong 1 giờ = 0,27 tấn = 270kg
 - V_0^{20} : khối sinh ra khi đốt 1kg than, lấy bằng 7,5m³/kg
 - α : là hệ số dư khí, lấy $\alpha = 1,3$
 - V_0 : lượng không khí cần để đốt 1kg than, lấy bằng 7,1m³/kg
 - t : nhiệt độ khói thải, lấy $t = 200^{\circ}C$

$$L = 270\text{kg/h} \times [7,5\text{m}^3/\text{kg} + (1,3 - 1) \cdot 7,1\text{m}^3/\text{kg}] \times (273 + 200) / 273$$

$$= 4.505\text{m}^3/\text{h} \text{ tương đương } 1,25\text{m}^3/\text{s}.$$

Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải được xác định như sau :

Chất ô nhiễm	Nồng độ tính ở điều kiện thực (mg/m ³)	Nồng độ tính ở điều kiện tiêu chuẩn (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (mg/m ³) KV = 1,2 ; Kp = 1
Bụi	249,73	-	200
SO ₂	234,7	406,06	500
NO ₂	66,69	115,38	850
CO	65,51	113,35	1000
HF	42,9	74,27	20

Ghi chú :
 - Nm³ : thể tích khí quy về điều kiện tiêu chuẩn.
 - TCVN QCVN 19:2009/BTNMT –Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải lò nung đốt tuynen với tiêu chuẩn khí thải QCVN 19:2009/BTNMT cho thấy : các chỉ tiêu ô nhiễm hầu hết đều nằm trong quy chuẩn cho phép; riêng Bụi theo tính toán vượt 0,25lần và lượng HF cao hơn gấp 2 lần. Hai chỉ tiêu này sau khi qua hệ thống xử lý khí thải bằng nước vôi trong ống khói sẽ giảm bớt nồng độ HF cũng như bụi tổng thải ra không khí qua ống khói cao 25m.

2.4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng :

Để ổn định điện cho hoạt động sản xuất, tại Xí nghiệp có sử dụng 01 máy phát điện công suất 150KvA . Khi chạy máy phát điện, mức tiêu thụ nhiên liệu khoảng 30kg dầu DO/h .

Dựa trên các hệ số tải lượng của Tổ chức Y Tế Thế giới (WHO) có thể tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện dự phòng như sau :

Chất ô nhiễm	Hệ số (kg/tấn)	Tải lượng	
		Kg/h	Mg/s
Bụi	0,71	0,021	5,83
SO ₂	20S	0,003	0,833
NO _x	9,62	0,289	80,28
CO	2,19	0,066	18,33

Thông thường quá trình đốt nhiên liệu lượng khí dư là 30% . Khi nhiệt độ khí thải là 200⁰C thì lượng khí thải khi đốt cháy 1kg dầu DO là 38m³ . Với định mức 30kg dầu DO/h đối

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

với máy phát điện dự phòng thì lưu lượng khí thải là $0,32\text{m}^3/\text{s}$.

Dựa vào lưu lượng khí thải (m^3/s) và tải lượng (g/s) ở trên ta có thể tính nồng độ của khí thải như sau :

Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/m^3)	Nồng độ (mg/Nm^3)	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (mg/m^3) KV = 1,2 ; Kp = 1
Bụi	18,2	-	240
SO ₂	2,6	4,5	600
NO ₂	250,8	434,54	696
CO	57,3	99,28	1200

Ghi chú : - Nm³ : Thể tích khí quy về điều kiện tiêu chuẩn .

- TCVN QCVN 19:2009/BTNMT – Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ .

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện với tiêu chuẩn khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT) cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép .

2.6. Các biện pháp xử lý khí thải :

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy .

- Tại khu vực bốc xếp sản phẩm đã lắp đặt thiết bị lọc bụi tay áo di động nhưng vẫn chưa giảm được lượng bụi phát sinh lơ lửng trong không khí . Công ty đã đầu tư hệ thống phun sương nên lượng bụi lơ lửng giảm thiểu đáng kể, kết quả kiểm soát mẫu đạt tiêu chuẩn cho phép .

- Trong quá trình vận chuyển nguyên liệu, Công ty gia cố , tưới nước đường đi nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển, tập kết nguyên liệu . Tại bãi tập kết đất, thường xuyên tưới nước ngâm ủ, đảm bảo độ ẩm của đất khi đưa vào sản xuất giảm lượng bụi phát sinh trong mùa nắng gió . Tại Nhà chứa than xây tường chắn hướng gió, phun sương than tạo độ ẩm trước khi xây để giảm thiểu bụi phát sinh . Ngoài ra, đối với các đầu xe vận chuyển áp dụng các biện pháp khống chế :

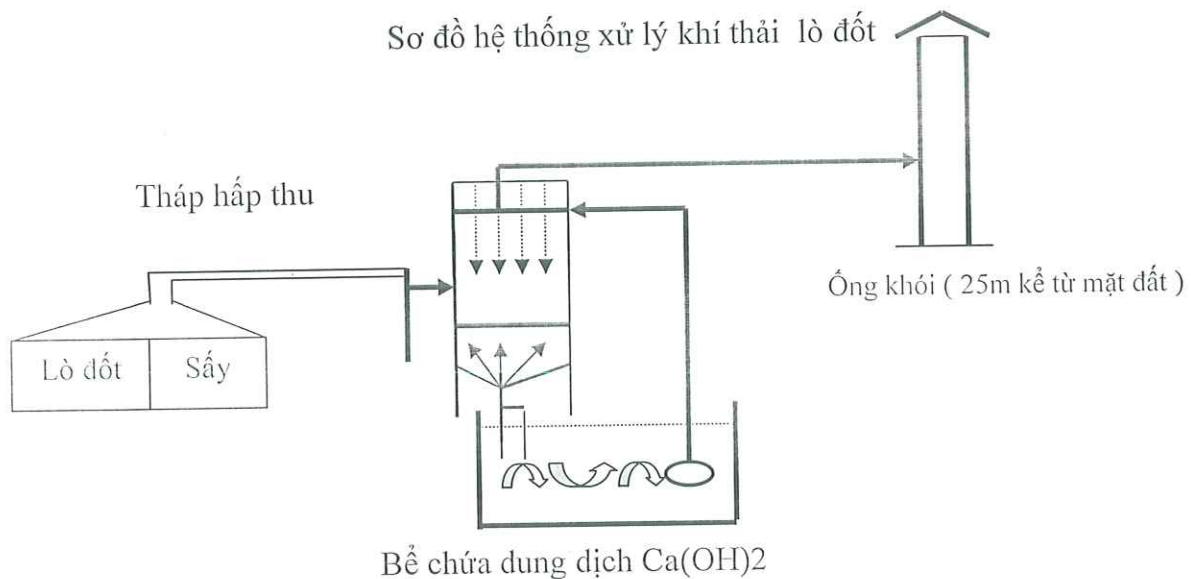
+ Tất cả các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường .

+ Điều phối xe vận chuyển hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông tại cơ sở trong cùng một thời điểm.

+ Xe chở đất cũng như gạch ngói được che đậy bằng bạt kín đảm bảo không vương vãi, phát sinh bụi trong quá trình di chuyển

- Sử dụng hệ thống quạt hút và ống khói cao 25 mét để phân tán khói lò. Do đặc điểm cấu tạo và nguyên lý làm việc của Lò nung Tuynen, quá trình cháy trong lò diễn ra ở môi trường oxy hóa triệt để . Hệ số dư không khí từ 1,5-2 lần, làm cho hàm lượng CO được chuyển hóa thành CO₂ , toàn bộ khói lò sau khi nung được phục vụ cho quá trình sấy. Điều đó đồng nghĩa với việc giảm phần lớn nồng độ bụi độc hại phát tán ra môi trường . Để giảm thiểu tác

động của khói lò tới môi trường lân cận, đơn vị đã lắp đặt thêm hệ thống xử lý thải trước khi phát thải ra bên ngoài.



- Hệ thống dẫn khí thải lò nung được lắp đặt bằng quạt hút có công suất lớn (quạt hút 12) đưa khí nóng từ lò nung sang hầm sấy, tận dụng nhiệt lượng sấy khô sản phẩm mộc nhằm làm giảm nhiệt lượng trong khí thải, đồng thời trong quá trình sấy sản phẩm mộc, một lượng hơi nước tỏa ra làm dung hòa và giảm đi một phần lượng chất ô nhiễm trong khí thải trước khi phát tán ra bên ngoài. Sau khi luân khí thải qua hầm sấy, dùng quạt hút có công suất lớn (quạt số 14) đưa khí thải vào ống khói xây bằng gạch có đường kính 3m, cao 25m. Với chiều cao này, khí thải thoát ra bên ngoài được các luồng gió làm phát tán nhanh trên không trung, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh Xi nghiệp.

- Về kiểm soát và khống chế mức độ ô nhiễm môi trường: Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với Trung tâm kiểm soát ô nhiễm môi trường Khánh Hoà kiểm soát các chỉ tiêu về tiếng ồn, bụi, không khí xung quanh và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất thoát ra từ ống khói với tần suất 01 quý/lần nhằm kiểm soát và khống chế mức độ ô nhiễm của không khí. Riêng việc kiểm soát và khống chế nồng độ HF trong khí thải lò nung là việc làm rất khó mà đến nay Công ty chưa thể thực hiện được. Nồng độ HF cao hay thấp phụ thuộc vào chất lượng đất sét đưa vào sản xuất nên Công ty không có biện pháp nào để khống chế.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn phát sinh tại cơ sở bao gồm chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất và chất thải rắn sinh hoạt.

3.1. Chất thải rắn sản xuất:

Chất thải rắn trong sản xuất là gạch vỡ trong quá trình xếp dỡ, phân loại, bốc xếp sản phẩm đi tiêu thụ, là các vật liệu trợ trong quá trình sản xuất như xỉ lò. Khối lượng phát sinh khoảng 1,5% công suất sản xuất khoảng 1,4 tấn/ngày đêm. Đối với loại chất thải này, Xi nghiệp tận dụng 30% để nghiền thành sa một phối trộn vào đất nhằm giảm độ co, phần còn lại tận dụng san lấp mặt bằng trong khu vực Xi nghiệp.

3.2. Chất thải rắn sinh hoạt :

Chất thải rắn sinh hoạt của CBCNV làm việc trong Xí nghiệp bao gồm : hộp giấy, bao nilon, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa ... Với số lao động bình quân tại Xí nghiệp 50 người; trung bình lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,1-0,3kg/người/ngày . Vậy, tổng lượng chất thải phát sinh bình quân khoảng 5kg – 15kg/ngày. Tại các tổ sản xuất cũng như khu vực Văn phòng, bố trí các thùng rác để thu gom chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày và tập kết tại vị trí trước cổng để Đơn vị thu gom rác thải tại địa phương vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.3. Thống kê chất thải rắn thông thường phát sinh bình quân hàng năm

- Chất thải rắn sinh hoạt

TT	CTRS	Khối lượng năm 2022(kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRS	Khối lượng năm 2021 (kg)
1	Rác thải sinh hoạt	330	Công ty Vệ sinh Môi trường Diên Khánh	216
	Tổng cộng	330		216

- Chất thải rắn sản xuất

TT	CTRS	Khối lượng năm 2022(tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRS	Khối lượng năm 2021 (tấn)
1	Chất thải phải xử lý : Gạch vỡ + xỉ than phải xử lý	257,85	San lấp mặt bằng bãi chứa thành phẩm	207,11

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu là cặn dầu nhớt bôi trơn được thay thế từ quá trình bảo trì máy móc thiết bị ; giẻ lau dính dầu trong quá trình sửa chữa bảo dưỡng; bình ắc quy hỏng thay ra từ máy ủi ; bóng đèn huỳnh quang hỏng . Tải lượng chất thải này không lớn, ước tính khoảng 0,1-0,2kg/ngày . Đây là chất thải độc hại, nhưng do tải lượng không lớn và nguồn phát sinh tập trung nên Công ty thu gom, phân loại theo mã quy định và tập kết tại kho chứa riêng biệt chờ xử lý chung cùng các đơn vị khác thuộc Công ty . Do số lượng phát sinh quá ít nên từ trước đến nay lượng rác thải nguy hại vẫn lưu kho, chưa xử lý lần nào.

- Thống kê chất thải nguy hại phát sinh hàng năm :

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2022 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2021(kg)
Giẻ lau	18 02 01	3,25	Tập kết tại kho chờ xử lý		2,6
Nhớt thải	17 02 03	75	Sử dụng cho xe goòng		60
Bóng neon huỳnh quang	16 01 06	0,25	Tập kết tại kho chờ xử lý		0,2
Tổng số lượng		78,5			62,8

- **Chất thải nguy hại được tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở :**

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương thức tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Nhớt thải	17 02 03	75	Châm bánh xe goòng xếp sản phẩm vào nung
Tổng số lượng		75	

Toàn bộ rác thải nguy hại còn lại, cơ sở thu gom và lưu trữ tại kho chất thải nguy hại có diện tích 25m² và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý .

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung :

Tiếng ồn và độ rung cũng là nguồn ô nhiễm không khí khá quan trọng và có thể gây ra các ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe của người lao động trực tiếp làm việc trong Xí nghiệp , khu vực dân cư xung quanh Xí nghiệp . Nguồn phát sinh ra tiếng ồn và độ rung từ việc vận hành máy móc thiết bị trong sản xuất . Tiêu chuẩn tiếng ồn trong khu dân cư là 60dB(A) vào ban ngày và 45-50dB(A) vào ban đêm ; trong khu vực sản xuất là 90dB(A) . Để khống chế tiếng ồn và độ rung khi vận hành máy móc thiết bị , Công ty đã thực hiện các biện pháp sau :

- Gia cố hệ thống móng máy, giảm thiểu độ rung khi vận hành .
- Lắp thiết bị giảm âm cho các máy có độ ồn cao .
- Lắp đệm chống rung cho máy nén khí, máy cán, máy chà, chân quạt ... chống mất cân bằng động gây ra ồn cao .
- Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị , thường xuyên bảo đảm độ bôi trơn khi máy móc vận hành nhằm giảm thiểu tiếng ồn .
- Trang bị bảo hộ lao động cho CBNCV làm việc trong khu vực như phông tai, quần áo, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ, kính chống bụi ... nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn cũng như các nguồn tác động khác đến sức khỏe người lao động .

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ :

* Phòng ngừa :

- Bố trí các vị trí đặt bình chữa cháy ở những nơi dễ xảy ra sự cố. Bố trí trụ nước cứu hoả tại các khu vực dễ xảy ra khi có sự cố cháy nổ xảy ra .
- Thiết lập các thiết bị và phương tiện chữa cháy hiệu quả. Tiến hành kiểm tra và sửa chữa định kỳ các hệ thống có thể gây cháy nổ; tổ chức luyện tập thường xuyên và hướng dẫn sử dụng các phương tiện PCCC nhằm hạn chế thiệt hại xảy ra khi có sự cố .
- Tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng chống cháy nổ cho người lao động, đặc biệt vào những tháng hè nắng nóng . Không hút thuốc lá và hoạt động phát sinh tia lửa điện tại các khu vực cấm, khu vực đặt bình ga .

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Đã thành lập đội PCCC bao gồm tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển chăm sóc khẩn cấp khi có tình huống cháy nổ xảy ra. Đội PCCC sẽ được thường xuyên huấn luyện, diễn tập theo phương án PCCC được phê duyệt.

*** Ứng phó sự cố cháy nổ :**

- Đội quản lý cơ sở phải thật bình tĩnh giải quyết tình huống; điện thoại số 114 để báo cho đội chữa cháy đến. Ngắt điện cô lập khu vực có khả năng cháy để tránh ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh. Có phương án di tản người đang có mặt tại cơ sở thật hợp lý, tránh trường hợp quá hỗn loạn, giẫm đạp lên nhau sẽ làm tình trạng tồi tệ hơn. Phải biết sử dụng và kích hoạt hệ thống chữa cháy cầm tay cũng như hệ thống chữa cháy tự động.

*** Kế hoạch ứng phó sự cố**

Giai đoạn của cơ sở	Loại sự cố có thể xảy ra	Biện pháp ứng phó	Trách nhiệm thực hiện
Vận hành	Sự cố cháy nổ	- Các MMTB làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao có hồ sơ theo dõi và kiểm định theo định kỳ - Nhiên liệu dễ cháy có kho tập kết riêng, thuận tiện cho việc chữa cháy khi có sự cố. - Các họng nước chữa cháy được bố trí đều khắp phạm vi Xí nghiệp. Phương tiện chữa cháy luôn kiểm tra thường xuyên đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.	Công ty và Xí nghiệp phối hợp thực hiện
	Sự cố sấm sét	- Lắp đặt hệ thống chống sét tại vị trí cao nhất trên mái nhà xưởng. - Lắp đặt hệ thống chống sét chung cho toàn bộ Xí nghiệp - Các thiết bị của hệ thống chống sét phải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.	Công ty và Xí nghiệp phối hợp thực hiện

6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải :

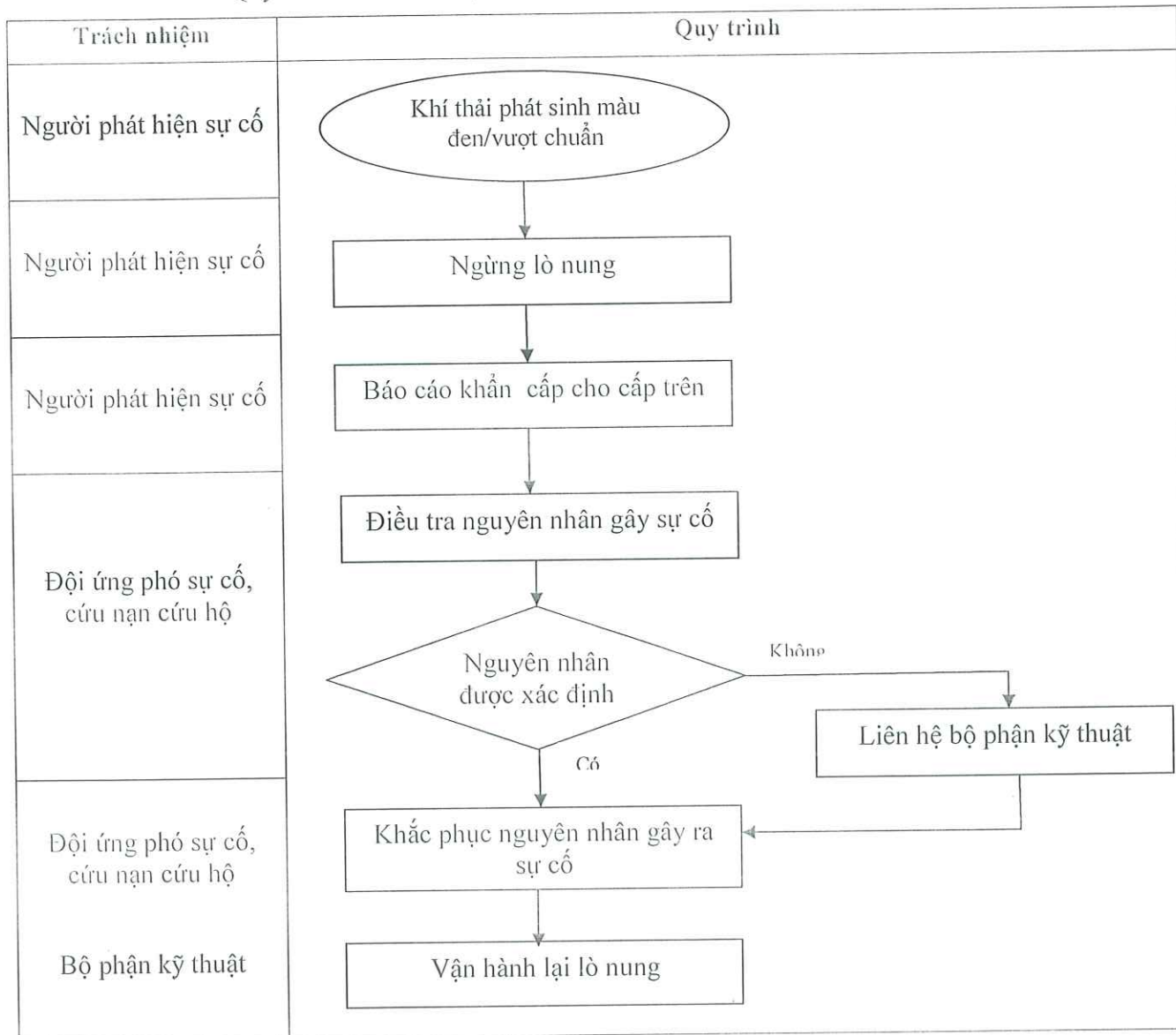
*** Đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố khí thải :**

Phân loại và đánh giá mỗi nguy xảy ra sự cố khí thải

Số TT	Nguồn phát sinh khí thải	Mỗi nguy ảnh hưởng môi trường	Nguyên nhân/kịch bản	Khối lượng có thể phát tán ra môi trường
1	Ống khói lò nung, hầm sấy tuynen	Phát sinh bụi khói, SO ₂ , NO ₂ , CO; HF vượt quy chuẩn môi trường	Quạt hút khí thải sang hầm sấy bị sự cố và thải khí thải vượt quy chuẩn ra ngoài môi trường	4.500m ³ /h
2	Máy phát điện	Phát sinh bụi khói, SO ₂ , NO ₂ , CO vượt quy chuẩn môi trường	Máy phát điện có sự cố kỹ thuật và thải khí thải vượt quy chuẩn ra ngoài môi trường	1.152m ³ /h

*** Quy trình ứng phó sự cố khí thải:**

Quy trình Phát sinh bụi khói, SO₂, NO₂, CO vượt quy chuẩn môi trường



Trường hợp người phát hiện sự cố không phải nhân viên kỹ thuật thì báo ngay cho nhân viên kỹ thuật để tắt lò nung/máy phát điện.

*** Kiểm tra, xác nhận thực tế:** Người tiếp nhận thông tin lập tức kiểm tra, xác nhận các thông tin bằng cách xác nhận với người thông báo hoặc trực tiếp xuống hiện trường. Các thông tin cần kiểm tra và xác nhận.

6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải :

- Nước thải sản xuất : không có
- Nước thải sinh hoạt : Phát sinh rất ít, và được thu gom lắng lọc chứa trong bể phốt âm đất (bể chứa tại các Nhà vệ sinh) và được thu gom xử lý hàng năm nên việc phát sinh sự cố hầu như không có.

6.3. Kế hoạch quản lý chất thải

Giai đoạn của cơ sở	Nguồn phát sinh chất thải	Loại chất thải và tổng lượng/lưu lượng	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến (tr.đ/năm)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
Vận hành	Chất thải rắn	- Gạch vỡ + xỉ lò : 31 tấn/tháng	Chôn lấp , san lấp mặt bằng	11	Xử lý hàng tháng	XN tự thực hiện
		- Rác thải sinh hoạt : 10kg/ngày	Thu gom tiêu hủy	04	Xử lý hàng ngày	XN tự thực hiện
	Chất thải nguy hại	- Bình ac quy thải : 09kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	2,5	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
		- Lọc dầu đã qua sử dụng thải : 0,3kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	1,0	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
		- Giẻ lau dính dầu thải : 2kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	3,0	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
		- Bóng điện huỳnh quang thải : 0,2kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	0,5	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
	Chất thải lỏng	- Nước thải sinh hoạt 0,8m ³ /ngày đêm	Xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn, và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý hàng năm	1,5	Thực hiện hàng ngày	XN tự thực hiện
		- Nước mưa chảy tràn	Thu gom, lắng rác dẫn vào hệ thống thoát nước chung	03	Thực hiện ngay khi có phát sinh	XN tự thực hiện

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường :

* Nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Nhiên liệu dùng cho nung đốt gạch ngói đất sét nung là than cám 6 có nguồn gốc từ Quảng Ninh.

* Nội dung thay đổi : Nhiên liệu dùng cho nung đốt gạch ngói đất sét nung là tro bay còn nhiệt lượng từ 1.500Kcal – 2.000Kcal (pha trong mộc) thu mua từ các Nhà máy nhiệt điện khu vực Bình Thuận và than cao su (tra trên nóc lò) thu mua từ các Nhà máy tái chế lốp xe ô tô.

* Lý do thay đổi nhiên liệu đốt :

- Hưởng ứng Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh xử lý , sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các Nhà máy nhiệt điện, hoá chất phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng.

- Lượng tro bay pha trong mộc sẽ giảm đi lượng đất sét tiêu hao trong sản phẩm, làm tăng hiệu quả cũng như tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản ngày càng khan hiếm.

- Nguồn tro bay và than cao su được cung cấp ổn định, kịp thời hơn so với than cám 6 Quảng Ninh; chi phí nhiên liệu rẻ hơn sẽ tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải :

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình sinh hoạt được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại công suất $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải : Bể chứa nước thứ 5 của hệ thống bể tự hoại 5 ngăn.
- Vị trí xả nước thải : được đơn vị chức năng thu gom xử lý theo định kỳ 1 năm/lần
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả thải cao nhất là $0,3\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Phương thức xả nước thải : nước thải từ quá trình vệ sinh của người lao động và khách hàng được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn. Nước thải sau quá trình xử lý lắng lọc được chảy vào bể chứa nước thứ 5 của hệ thống bể tự hoại 5 ngăn và được thu gom đưa đi xử lý .

1.3. Yêu cầu về môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải :

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải :

- Nước thải từ quá trình vệ sinh của người lao động và khách hàng được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn với dung tích $05\text{m}^3/\text{bể}$ (Xí nghiệp có 09 bể tự hoại cho 12 nhà vệ sinh), sau đó được đơn vị chức năng thu gom đưa đi xử lý .

- Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương thoát nước BTCT rộng 0.3-0.4m, bố trí trên tổng mặt bằng nhà xưởng → bể gom (dung tích 3m^3) → lưới chắn rác để giữ lại các cặn rác có kích thước lớn → bể lắng (dung tích $4,5\text{m}^3$) → bể thu nước thải sau lắng (dung tích 2m^3), sau đó thải thẳng ra môi trường sau khi qua hệ thống hố ga công cộng.

b. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải :

Đối với việc kiểm soát chất lượng của nước thải sinh hoạt : hiện tại nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua bể tự hoại 05 ngăn và được thu gom đưa đi xử lý nên việc lấy mẫu kiểm soát không thể thực hiện được ; đề nghị không kiểm soát chỉ tiêu này .

c. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường :

- Đơn vị chức năng Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải .

- Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này .

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình nung đốt sản phẩm .
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng .

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

a. Vị trí xả thải :

- + Nguồn số 01: Qua ống khói lò nung Tuynen cao 25m so với mặt đất .
- + Nguồn số 02: Môi trường xung quanh Cơ sở

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

- + Nguồn số 01: Lưu lượng xả thải 4.505m³/h
- + Nguồn số 02: Lưu lượng xả thải 1.152m³/h

c. Phương thức xả thải:

- + Nguồn số 01: Xả thải liên tục 24h/ngày đêm
- + Nguồn số 02: Xả thải gián đoạn, khi có phát sinh do mất điện.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; cụ thể như sau :

Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT; Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Tần suất quan trắc khí thải 06 tháng/lần. Nhưng chủ cơ sở triển khai 03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO ₂	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		
5	HF	mg/Nm ³	20		

2.3. Công trình, thiết bị thu gom xử lý khí thải :

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải :

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình nung đốt sản phẩm được dẫn qua khu vực sây tận thu một phần nhiệt lượng trong khí thải trước khi thu gom vào ống khói cao 25m so với mặt đất có lắp đặt hệ thống xử lý khí thải trước khi thoát ra bên ngoài.

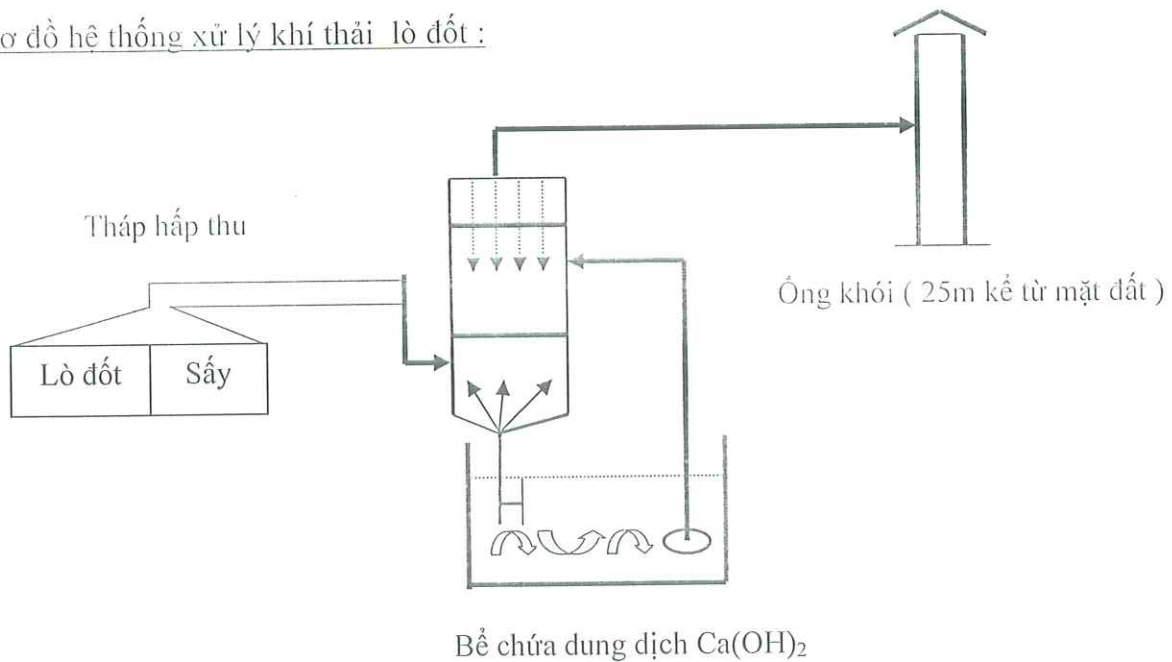
+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và thải ra

ngoài môi trường qua đường ống thải với đường kính D400mm, cao 3m.

b. Công trình, thiết bị xử lý khí thải :

- Hệ thống ống khói lò nung hầm sấy xây bằng gạch cao 25m.
- Hệ thống dẫn khí thải lò nung bằng quạt hút có công suất lớn (quạt hút số 12) đưa khí nóng từ lò nung sang hầm sấy, tận dụng nhiệt lượng sấy khô sản phẩm mộc nhằm làm giảm nhiệt lượng trong khí thải, đồng thời trong quá trình sấy sản phẩm mộc, một lượng hơi nước tỏa ra làm dung hòa và giảm đi một phần lượng chất ô nhiễm trong khí thải trước khi phát tán ra bên ngoài
- Sau khi luồng khí thải qua hầm sấy, dùng quạt hút có công suất lớn (quạt số 14) đưa khí thải vào ống khói xây bằng gạch có đường kính 3m, cao 25m. Với chiều cao này, khí khí thải thoát ra bên ngoài được các luồng gió làm phát tán nhanh trên không trung, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh Xí nghiệp .
- Để giảm thiểu tác động của khói lò tới môi trường lân cận , đơn vị đã lắp đặt thêm hệ thống xử lý thải trước khi phát thải ra bên ngoài.

Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò đốt :



- Tại khu vực bốc xếp sản phẩm đã lắp đặt thiết bị lọc bụi tay áo di động nhưng vẫn chưa giảm được lượng bụi phát sinh lơ lửng trong không khí . Cơ sở đã đầu tư hệ thống phun sương nên lượng bụi lơ lửng giảm thiểu đáng kể, kết quả kiểm soát mẫu đạt tiêu chuẩn cho phép .

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải :

Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

d. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường :

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý khí thải .

- Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này .

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung :

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn và độ rung từ việc vận hành máy móc thiết bị trong sản xuất mộc.

3.2. Vị trí phát sinh ra tiếng ồn, độ rung : Tại hệ thống dây chuyền chế biến gạch ngói bằng đất sét trước khi nung (sản phẩm mộc).

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau :

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức độ ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6giờ (dBA)		
1	70	55	Cơ sở triển khai 6 tháng/lần	Khu vực thông thường, xung quanh cơ sở

Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức độ ồn cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.4. Yêu cầu về môi trường đối với tiếng ồn, độ rung :

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung :

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn : Lắp thiết bị giảm âm cho các máy có độ ồn cao . Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị , thường xuyên bảo đảm độ bôi trơn khi máy móc vận hành nhằm giảm thiểu tiếng ồn . Trang bị bảo hộ lao động cho CBNCV làm việc trong khu vực như phôn tai, quần áo, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ, kính chống bụi ... nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn cũng như các nguồn tác động khác đến sức khỏe người lao động . Trồng cây xanh; tạo khoảng cách ly theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD để hạn chế tiếng ồn.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung : Gia cố hệ thống móng máy, giảm thiểu độ rung khi vận hành. Lắp đệm chống rung cho máy nén khí, máy cán, máy chà, chân quạt ... chống mất cân bằng động gây ra ồn cao. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn .

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường :

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung .

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải : Không phát sinh

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Kết quả quan trắc khí thải định kỳ tại Ống khói lò nung

(do Đơn vị tạm ngừng hoạt động từ 01/07/2022 đến 30/09/2023 nên thời gian ngừng hoạt động không triển khai kiểm soát ô nhiễm môi trường

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	28/04/2022	19/06/2022	13/12/2023	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	135	117,6	31,6	200
2	CO	mg/Nm ³	712,8	500,2	745,2	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	4,6	23,1	0	500
4	NO ₂	mg/Nm ³	9,2	5	7,9	850
5	HF	mg/Nm ³	0,23	0,22	0,15	20

Kết quả quan trắc định kỳ không khí xung quanh cơ sở

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	28/04/2022	19/06/2022	13/12/2023	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	65,6	65,6	61,8	70
2	Bụi (TSP)	µg/m ³	7	23	14	300
3	SO ₂	µg/m ³	14	21	7,3	350
4	NO ₂	µg/m ³	9	8	6,8	200
5	CO	µg/m ³	2.962	1.960	1.500	30.000

Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Không có

Theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án đã đi vào hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành sẽ không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

Dự án đã được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường năm 2009; đi vào hoạt động năm 2010 đến nay đã gần 15 năm; việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đã thực hiện trước khi nghiệm thu hạng mục Ống khói của dự án. Nay không thể thực hiện lại được vì hệ thống xử lý được lắp đặt trong lòng Ống khói của Cơ sở đang hoạt động.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

STT	Vị trí quan trắc	Số điểm quan trắc	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn so sánh	Tần suất
I Khí thải từ hoạt động sản xuất					
1	Tại ống khói	01	Bụi tổng cộng; SO ₂ ; NO _x ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	2 lần/năm
2	Tại máy phát điện	01	Bụi tổng cộng; SO ₂ ; NO _x ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	2 lần/năm
II Môi trường không khí xung quanh					
1	Tại khu vực tập kết sản phẩm	01	Bụi tổng cộng; SO ₂ ; NO ₂ ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	4 lần/năm
2	Tại khu vực chế biến tạo hình gạch mộc	01	Bụi tổng cộng; SO ₂ ; NO ₂ ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	4 lần/năm
3	Tại khu vực văn phòng Cơ sở	01	Bụi tổng cộng; SO ₂ ; NO ₂ ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	4 lần/năm
III Tiếng ồn, độ rung					
1	Tại khu vực chế biến tạo hình gạch mộc	01	Tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT	4 lần/năm
2	Tại khu vực tập kết sản phẩm	01	Tiếng ồn	QCVN 26:2009/BTNMT	4 lần/năm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

<i>IV</i>	<i>Chất thải rắn và chất thải nguy hại</i>			
1	Tại các khu vực phát sinh trong Cơ sở		Thống kê, phân loại và báo cáo theo quy định	Thực hiện ngay khi có phát sinh

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

STT	Chương trình giám sát	Tần suất	Kinh phí (VNĐ/năm)
1	Chi phí lấy mẫu quan trắc khí thải	2 lần/năm	<u>18.600.000</u>
	- Hàm lượng bụi tổng (Φ ống khói $\geq 300mm$)	2 lần/năm	10.400.000
	- CO	2 lần/năm	2.000.000
	- SO ₂	2 lần/năm	2.000.000
	- NO _x	2 lần/năm	2.000.000
	- HF*	2 lần/năm	2.200.000
2	Chi phí lấy mẫu quan trắc không khí xung quanh	4 lần/năm	<u>7.200.000</u>
	- Tổng bụi lơ lửng (TSP)	4 lần/năm	1.800.000
	- CO	4 lần/năm	1.800.000
	- SO ₂	4 lần/năm	1.800.000
	- NO ₂	4 lần/năm	1.800.000
3	Chi phí lấy mẫu quan trắc tiếng ồn	4 lần/năm	<u>800.000</u>
4	Chi phí lập báo cáo	1 lần/năm	<u>3.000.000</u>
5	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại	<u>5.000.000</u>
	Tổng cộng		34.600.000

Chương VII **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ** **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Từ năm 2022-2023 Cơ sở vẫn luôn chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường, không bị thanh tra trong quá trình hoạt động trong 2 năm .

Năm 2020 cơ sở có kiểm tra do Đoàn kiểm tra liên ngành của Công an môi trường phối hợp Sở Tài nguyên môi trường; UBND huyện Diên Khánh và UBND xã Diên Thọ

Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn kiểm tra nhắc nhở dọn vệ sinh, tăng cường tưới nước trong quá trình vận chuyển nguyên liệu đất sét vào Cơ sở để giảm thiểu bụi phát tán trong không khí; yêu cầu cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, lưu ý kiểm soát khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Chương VIII **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường .

Chủ cơ sở cam kết phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và đền bù thiệt hại khi xảy ra sự cố môi trường .

Chủ cơ sở cam kết không hoạt động vượt công suất so với Giấy phép môi trường được cấp.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt QCVN 40:2021/BTNMT .
- Khí thải tại Ống khói lò nung Tuynen, tại nguồn máy phát điện đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường .
- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong quá trình hoạt động của cơ sở .
- Cam kết thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và 2 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường .
- Chủ cơ sở sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong cơ sở, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường .
- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường .
- Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam .

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thật nếu có gì sai trái, chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật .

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà .
2. Bản sao giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà – Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh - TN20
3. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20; Quyết định cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Biên bản bàn giao và cắm mốc định vị .
4. Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được duyệt.
5. Hoá đơn tiền điện năm 2023
6. Hoá đơn tiền nước năm 2023
7. Sổ đăng ký chủ nguồn thải; Chứng từ chất thải nguy hại năm 2023
8. Kết quả quan trắc khái thải và môi trường không khí xung quanh năm 2022+2023
9. Bản vẽ mặt bằng tổng thể Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20
10. Hợp đồng cung ứng thanh nhiệt điện – tro bay

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4200570999

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 09 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ 10: ngày 21 tháng 05 năm 2015

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA CONSTRUCTION MATERIALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KCM

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 058. 3820197

Fax: 058. 3816329

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Thăm dò khoáng sản	0990
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch ngói nung	2392
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
5	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán than đá và nhiên liệu rắn khác. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan	4661
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Hướng dẫn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng	7210

STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn	5510

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 45.150.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ một trăm năm mươi triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 4.515.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/05/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 225023472

Ngày cấp: 24/11/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

1. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHA TRANG

Địa chỉ chi nhánh: 09 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-004

2. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HÒA - TN10

Địa chỉ chi nhánh: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-005

3. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HÒA TN25

Địa chỉ chi nhánh: thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999 - 001

4. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH

Địa chỉ chi nhánh: Km12 tỉnh lộ 2, thôn Sơn Thành, Xã Diên Thọ, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-002

5. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT ĐÁ CỖ GRANITE KHÁNH HÒA - KCM

Địa chỉ chi nhánh: Thôn Ninh Lâm, Xã Vạn Khánh, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-003

6. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA- XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH- TN 20

Địa chỉ chi nhánh: Thôn Thượng, Xã Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-006

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh



Nguyễn Thị Hà

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số Chi nhánh: 4200570999-006

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 01 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 22 tháng 02 năm 2013

1. Tên chi nhánh

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG KHÁNH HÒA- XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH- TN 20

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt: KCM

2. Địa chỉ

Thôn Thượng, Xã Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 058.3875875

Fax: 058.3875875

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch ngói đất sét nung	2392 (Chính)
2	Khai thác và chế biến khoáng sản; Mua bán vật liệu xây dựng; Mua bán than đá, xăng dầu; Xây lắp dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Chế tạo gia công các sản phẩm bằng kim loại(trừ máy móc, thiết bị); Chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

4. Thông tin về người đứng đầu chi nhánh

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/05/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 225023472

Ngày cấp: 24/11/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

5. Địa điểm kinh doanh trực thuộc

6. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA

Mã số doanh nghiệp: 4200570999

Địa chỉ trụ sở chính: Số 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam



Trương Minh Sơn

CHỨNG THỰC SƠ ĐỒ BÊN VỚI BAN CHỈNH
Số chứng thực..... Quyển số..... TP/CC-CT/SGT

Ngày..... tháng..... năm 20.....



Lữ Phúc Trí

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 634/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 20 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch tuynen Diên Lâm công suất 18 triệu viên/năm tại xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch tuynen Diên Lâm công suất 18 triệu viên/năm tại xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa họp ngày 25 tháng 12 năm 2008 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch tuynen Diên Lâm công suất 18 triệu viên/năm tại xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa bổ sung;

Theo đề nghị của Ông Mai Văn Thắng, Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Chủ tịch Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch tuynen Diên Lâm công suất 18 triệu viên/năm tại xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà (sau đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND huyện Diên Khánh về nội dung và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo bản sao quyết định phê duyệt. Phải niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án bản tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Lập kế hoạch chi tiết việc thi công từng giai đoạn của dự án; phương án thi công; mật độ ra vào của các loại xe chở đất, đá nguyên vật liệu xây dựng... trình UBND huyện Diên Khánh, UBND xã Diên Lâm để biết kiểm tra, giám sát.

2.3. Trong quá trình thi công, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất và nước khu vực dự án và khu vực xung quanh. Thu gom và xử lý chất thải rắn đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Tiến hành quan trắc môi trường theo đúng yêu cầu đặt ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.4. Trong quá trình triển khai các hoạt động thi công và vận hành thử nghiệm dự án nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường thì phải dừng ngay, lập phương án khắc phục và báo cáo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Diên Khánh, Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết.

2.5. Phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, nước thải sau khi xử lý phải đạt quy chuẩn QCVN 14:2008 (Cột B). Chất lượng không khí đạt tiêu chuẩn TCVN 5937:2005; TCVN 5938:2005; TCVN 5939:2005 (cột B). Độ ồn không vượt quá tiêu chuẩn TCVN 5949-1998.

2.6. Chủ dự án phải gửi văn bản báo cáo kế hoạch xây lắp kèm theo hồ sơ thiết kế chi tiết các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để theo dõi và kiểm tra.

2.7. Sau khi hoàn thành các công trình xử lý môi trường phải xây dựng kế hoạch vận hành thử nghiệm, báo cáo với UBND huyện Diên Khánh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để có kế hoạch kiểm tra, giám sát.

2.8. Thực hiện Chương trình giám sát môi trường đúng như trong Chương 6 (Mục 6.3. Chương trình giám sát môi trường) trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Việc giám sát khí thải giai đoạn hoạt động phải thực hiện giám sát tại vị trí ống khói lò nung. Cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có sự chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ Dự án;
- Sở TN & MT; KH & ĐT; XD;
- UBND huyện Diên Khánh;
- TT Tỉnh ủy (để báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lưu VP+HP.



Nguyễn Thị Thu Hồng





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00820/2023

- Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hòa
- Địa chỉ : 194 – 196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
- Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp Gạch ngói Diên Khánh – TN20; thôn Thượng, Diên Lâm, Diên Khánh, Khánh Hòa
- Thời gian thu mẫu : 13/12/2023
- Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
- Số lượng mẫu : 02 mẫu
- Ký hiệu mẫu : Xem phân kết quả thử nghiệm
- Ngày trả kết quả : 26/12/2023
- Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-23-0997	QCVN 19:2009/BTNMT (A)
1	Bụi tổng**(mg/Nm ³)	US.EPA Method 5	31,6	400
2	CO (mg/Nm ³)	Máy đo nhanh TESTO 350	745,2	1.000
3	SO ₂ (mg/Nm ³)		0	1.500
4	NO _x (tính theo NO ₂) (mg/Nm ³)		7,9	1.000
5	HF** (mg/Nm ³)	US.EPA Method 26	<0,15	50

Không khí xung quanh

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-23-0998	QCVN
1	Tiếng ồn (L _{Aeq} , dBA)	TCVN 7878-2:2018	61,8	70(++)
2	Bụi (TSP) (mg/Nm ³)	TCVN 5067:1995	14	300(+)
3	SO ₂ (mg/Nm ³)	TCVN 5971 : 1995	7,3	350(+)
4	NO ₂ (mg/Nm ³)	TCVN 6137:2009	6,8	200(+)
5	CO (mg/Nm ³)	HDCV 60	KPH MDL=1.500	30.000(+)

Ghi chú:

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (***) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ (Vimcertis 075)
4. Ký hiệu mẫu:

KS-KT-23-0997: Tại ống khói lò nung. Tọa độ: N: 12.2849091; E: 109.0128654

KS-KK-23-0998: Bên ngoài nhà máy. Tọa độ: N: 12.2835524; E: 109.0128486

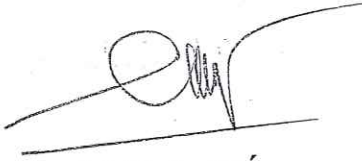
(+): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

(++): QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

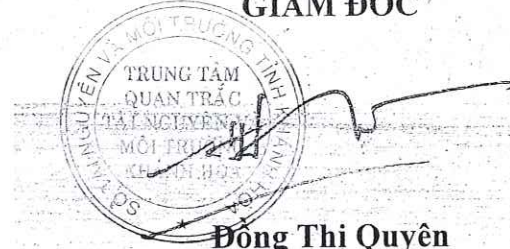
KPH: Không phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

Phó trưởng phòng Quan trắc



Lê Xuân Tiến

GIÁM ĐỐC



Đông Thị Quyên



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 99A Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
Tel: (0258) 3811026; Fax: (0258) 3811028



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 00345/2022

1. Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà
2. Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hoà
3. Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20; thôn Thượng, xã Diên Lâm, Diên Khánh, Khánh Hoà
4. Thời gian thu mẫu : 19/06/2022
5. Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
6. Số lượng mẫu : 02 mẫu
7. Ký hiệu mẫu : Xem phần kết quả thử nghiệm
8. Ngày trả kết quả : 30/06/2022
9. Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-21-0949	QCVN 19:2009/BTNMT (B)
1	Bụi tổng** (mg/Nm ³)	US.EPA Method 5	117,6	200
2	CO (mg/Nm ³)	Máy đo nhanh TESTO 350	500,2	1.000
3	SO ₂ (mg/Nm ³)		23,1	500
4	NO _x (tính theo NO ₂) (mg/Nm ³)		5,0	850
5	HF** (mg/Nm ³)	US.EPA Method 26	0,22	20

Không khí xung quanh

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-21-0950	QCVN
1	Tiếng ồn (L _{Aeq} , dBA)	TCVN 7878-2:2010	65,6	70 ⁽⁺⁺⁾
2	Bụi (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067:1995	23	300 ⁽⁺⁾
3	SO ₂ (µg/m ³)	TCVN 5971 : 1995	21	350 ⁽⁺⁾

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-21-0950	QCVN
4	NO ₂ (µg/m ³)	TCVN 6137:2009	8	200 ⁽⁺⁾
5	CO (µg/m ³)	HDCV 60	1.960	30.000 ⁽⁺⁾

Ghi chú:

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (***) Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ (Vimcerts 075)
4. Ký hiệu mẫu:
 KS-KT-21-0949: Tại ống khói lò nung
 KS-KK-21-0950: Bên ngoài nhà máy
 (+): QCVN 05:2013/BTNMT
 (++) : QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ

Trưởng phòng Quan trắc



Quách Thanh Thủy

GIÁM ĐỐC



Đông Thị Quyên



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 00273/2022

1. Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà
2. Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hoà
3. Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20; thôn Thượng, xã Diên Lâm, Diên Khánh, Khánh Hoà
4. Thời gian thu mẫu : 28/04/2022
5. Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
6. Số lượng mẫu : 02 mẫu
7. Ký hiệu mẫu : Xem phần kết quả thử nghiệm
8. Ngày trả kết quả : 10/05/2022
9. Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-20-0591	QCVN 19:2009/BTNMT (B)
1	Bụi tổng** (mg/Nm ³)	US.EPA Method 5	135	200
2	CO (mg/Nm ³)	Máy đo nhanh TESTO 350	712,8	1.000
3	SO ₂ (mg/Nm ³)		4,6	500
4	NO _x (tính theo NO ₂) (mg/Nm ³)		9,2	850
5	HF** (mg/Nm ³)	US.EPA Method 26	0,23	20

Không khí xung quanh

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-20-0592	QCVN
1	Tiếng ồn (L _{Aeq} , dBA)	TCVN 7878-2:2010	65,6	70(++)
2	Bụi (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067:1995	7	300(+)
3	SO ₂ (µg/m ³)	TCVN 5971 : 1995	14	350(+)

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-20-0592	QCVN
4	NO ₂ (µg/m ³)	TCVN 6137:2009	9	200 ⁽⁺⁾
5	CO (µg/m ³)	TQKT-YHLD-VSMT-2002	2.962	30.000 ⁽⁺⁾

Ghi chú:

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (**). Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
4. Ký hiệu mẫu:
 KS-KT-20-0591: Tại ống khói lò nung
 KS-KK-20-0592: Bên ngoài nhà máy
 (+): QCVN 05:2013/BTNMT
 (++) : QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ

Trưởng phòng Quan trắc



Quách Thanh Thủy

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đông Thị Quyên



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói tại
thôn Khánh Xuân, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản năm
2010;

Xét Phương án cải tạo đồng ruộng của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng
Khánh Hòa về việc đề nghị cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói tại thôn
Khánh Xuân, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số
94/STNMT-KSNKTTVBĐKH ngày 11 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói thôn
Khánh Xuân, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ
phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa tại phương án số 95/2022/PACT ngày
15/12/2022.

1. Diện tích khu vực cải đồng ruộng là 4,7 ha (47.047,5m²) được giới hạn
bởi các điểm khép góc từ M1 đến M55 (tọa độ các điểm khép góc khu vực xác
định theo Bình đồ hiện trạng tỷ lệ 1:1.000 do Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ
địa chính Ninh Hòa lập ngày 08/3/2022).

2. Độ sâu trung bình sau cải tạo: 0,7 m (so với bề mặt địa hình hiện trạng).

3. Khối lượng sét thu hồi: 42.484 m³.

4. Thời gian thực hiện cải tạo là 24 tháng, kể từ ngày ký quyết định này.

Điều 2. Phân công thực hiện như sau:

1. Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa có trách nhiệm:

- Thực hiện cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói theo đúng nội dung
Phương án cải tạo đồng ruộng đã được phê duyệt; thực hiện công tác bảo vệ môi
trường trong quá trình cải tạo; Thực hiện cải tạo theo hình thức cuốn chiếu.

- Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông (lập phương án vận chuyển cụ thể gửi UBND huyện Diên Khánh giám sát); Cam kết bồi hoàn kinh phí, tu sửa các tuyến đường bị hư hỏng do quá trình vận chuyển và thi công cải tạo.

- Thông báo kế hoạch cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diên Khánh và UBND xã Diên Lâm để thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Nghĩa vụ tài chính: kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Sau khi hoàn thành công tác cải tạo, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa có trách nhiệm bàn giao diện tích đất đã cải tạo, thực hiện xây dựng lại hệ thống kênh tưới, tiêu, đường giao thông nội bộ kết nối đồng bộ với hệ thống chung của khu vực; Phối hợp với UBND xã Diên Lâm chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

2. UBND huyện Diên Khánh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND xã Diên Lâm thực hiện kiểm tra, giám sát việc cải tạo đồng ruộng theo phương án đã được phê duyệt; xử lý nghiêm các vi phạm (nếu có); lập các lập thủ tục chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản và môi trường.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp UBND huyện Diên Khánh kiểm tra giám sát việc thực hiện, sử dụng nguồn vật liệu phù hợp với phương án và cam kết của Công ty; định kỳ hằng năm yêu cầu Công ty báo cáo khối lượng để tính toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Diên Khánh; Chủ tịch UBND xã Diên Lâm và Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: HS, VT, TL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thiệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 588/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói tại xứ
đồng Lỗ Da Trên, thôn Khánh Xuân và xứ đồng Xe, thôn Hạ, xã Diên Lâm,
huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Xét Phương án cải tạo đồng ruộng của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa về việc đề nghị cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói tại xứ đồng Lỗ Da Trên, thôn Khánh Xuân và xứ đồng Xe, thôn Hạ, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại công văn số 394/STNMT-KS ngày 23 tháng 01 năm 2019 và công văn số 744/STNMT-KS ngày 25 tháng 02 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói tại xứ đồng Lỗ Da Trên, thôn Khánh Xuân và xứ đồng Xe, thôn Hạ, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

1. Tổng diện tích khu vực cải tạo đồng ruộng là 99.413 m², tổng khối lượng sét thu hồi là 127.894 m³, gồm 02 khu vực:

- Xứ đồng Lỗ Da Trên: Diện tích khu vực cải tạo đồng ruộng là 18.691 m², được giới hạn bởi các điểm khép góc M1÷M39 (tọa độ các khép góc khu vực xác định theo Bản đồ địa hình hiện trạng khu đất, tỷ lệ 1:1.000 do Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ Địa chính Ninh Hòa đo vẽ và thành lập tháng 8 năm 2018); độ sâu cải tạo trung bình là 2,28 m (so với bề mặt địa hình hiện trạng); khối lượng sét gạch ngói thu hồi là 42.615 m³.

- Khu vực xứ đồng Xe: Diện tích khu vực cải tạo đồng ruộng là 80.452 m², được giới hạn bởi các điểm khép góc M176÷M235; M119÷M88 (tọa độ các khép góc khu vực xác định theo Bản đồ địa hình hiện trạng khu đất, tỷ lệ 1:1.000 do Công ty



TNHH Đo đạc và Dịch vụ Địa chính Ninh Hòa đo vẽ và thành lập tháng 8 năm 2018); độ sâu cải tạo trung bình là 1,06 m (so với bề mặt địa hình hiện trạng); khối lượng sét gạch ngói thu hồi là 85.279 m³.

2. Thời hạn cho phép cải tạo: 18 tháng, kể từ ngày ký quyết định này.

Điều 2. Phân công thực hiện như sau:

1. Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa có trách nhiệm:

- Thực hiện cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói theo đúng nội dung Phương án cải tạo đồng ruộng đã được phê duyệt; thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định;

- Thông báo kế hoạch cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói cụ thể cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diên Khánh và UBND xã Diên Lâm để thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát;

- Nộp các loại thuế, phí theo quy định và lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định;

- Sau khi hoàn thành công tác cải tạo, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa có trách nhiệm xây dựng lại hệ thống kênh tưới, tiêu, đường giao thông nội bộ kết nối đồng bộ với hệ thống chung của khu vực; Phối hợp với UBND huyện Diên Khánh và UBND xã Diên Lâm chính lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

2. UBND huyện Diên Khánh thực hiện kiểm tra, giám sát việc cải tạo đồng ruộng, san ủi trả lại mặt bằng theo đúng ranh giới, cao độ cho phép; giao đất cho các hộ dân để canh tác.

3. UBND xã Diên Lâm thực hiện kiểm tra, giám sát việc cải tạo đồng ruộng theo phương án đã được phê duyệt; lập thủ tục chính lý biên động hồ sơ địa chính; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diên Khánh thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản và môi trường.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh; Chủ tịch UBND xã Diên Lâm và Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục thuế tỉnh;
- Lưu: VT ~~10~~ 10



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Công Thiển

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

o0o

Đắk Nông, ngày 01 tháng 6 năm 2021

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 02/2021/HĐ/DNI-DK

Về việc thu mua, xử lý tro bay Nhiệt điện

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên A: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông (DNI)

- Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
- Điện thoại: 0261 222 6666
- Tài khoản: 112 000 177923 tại Vietinbank, Chi nhánh tỉnh Đắk Nông
- Mã số thuế: 6400348804
- Người đại diện: Ông Nguyễn Thành Luân Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B: Công ty TNHH MTV Đặng Kiều (DK)

- Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0981 970 771
- Mã số thuế: 6400432245
- Tài khoản số: 113601155777 tại Vietinbank, Chi nhánh tỉnh Đắk Nông
- Mã số thuế: 6400432245
- Người đại diện: Bà Đặng Thị Mỹ Kiều Chức vụ: Giám đốc

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

Điều 1: Nội dung Hợp đồng:

Bên A đồng ý giao cho bên B thu mua, xử lý khối lượng tro bay mà bên A thu gom từ nhà máy Nhiệt điện, Công ty Nhóm Đắk Nông - TKV (DNA) thải ra trong suốt quá trình vận hành của nhà máy. Mục đích của việc thu mua, xử lý để sản xuất ra các sản phẩm tái chế thân thiện với môi trường, đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 2: Số lượng, địa điểm giao nhận:

- Tro bay bên A cung cấp cho bên B được tính theo đơn vị tấn;
- Khối lượng được sẽ được mua bán cụ thể theo phiếu xuất tro bay do Công ty INHOM ĐẮK NÔNG -

TKV giao cho DNI, thu gom hàng ngày trong tháng;

- Khối lượng tro bay từ Nhà máy Nhiệt điện nêu trên được bên B thu mua, xử lý phải đảm bảo các quy định về an toàn môi trường.

- Địa điểm nhận tro bay: tại bãi tro bay của bên Bên B ở địa chỉ thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Bên B tự bố trí phương tiện để tiếp nhận, xử lý.

Điều 3. Thời gian, phương thức thực hiện:

3.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Khối lượng tro bay từ Nhà máy Nhiệt điện sẽ được DNI thu gom hàng ngày, sau đó vận chuyển đến vị trí tập kết của bên B. Thời gian thực hiện tương ứng với thời gian DNI ký kết với DNA thu gom, xử lý hoặc cho tới khi hai bên có thỏa thuận khác hoặc quyết toán, thanh lý Hợp đồng.

3.2. Phương thức thực hiện

Trong thời gian thu gom nêu trên, Bên B phải bố trí đầy đủ phương tiện thực hiện 03 ca/ngày liên tục, đảm bảo xử lý khối lượng tro bay từ Nhà máy Nhiệt điện phát sinh trong nhà máy Alumin mà bên A thu gom giao cho bên B.

Điều 4. Đơn giá Hợp đồng

4.1. Giá hợp đồng được dựa theo khối lượng thực tế DNI thu gom tại DNA và giao lại cho bên B thu mua, xử lý. Đơn giá thu mua cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thu mua, xử lý tro bay từ nhà máy Nhiệt điện	Tấn	TT	15.000	Khối lượng theo thực tế giao nhận

4.2. Khối lượng, giá trị thanh toán được xác định dựa trên khối lượng nghiệm thu theo thực tế thực hiện và đơn giá hợp đồng

4.3. Đơn giá Hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện nội dung công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng: toàn bộ chi phí, phí, lợi nhuận và tất cả các loại thuế theo đúng theo quy định của pháp luật.

4.4. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định. Trường hợp giá cả thị trường có biến động (ví dụ như giá xăng dầu biến động,...) thì hai bên cùng nhau thương thảo lại đơn giá này.

Điều 5. Nghiệm thu, thanh toán

5.1. Nghiệm thu

- Hàng tháng, trên cơ sở các phiếu cân hoặc phiếu xác nhận số chuyển vận chuyển, hai bên tiến hành nghiệm thu tổng khối lượng tro bay Nhà máy nhiệt điện do bên B thu mua, xử lý trong tháng, làm cơ sở xác định giá trị thanh toán giữa các bên.

5.2. Thanh toán:

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu trong vòng 10 (mười) ngày làm việc.

- Phương thức thanh toán: Thực hiện theo phương thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 6: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết;
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng);
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp tiền mặt cho bên A;
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết khi hợp đồng này hết hiệu lực.

Điều 7: Trách nhiệm của mỗi bên

7.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Tạo điều kiện cho bên B thu mua, xử lý khối lượng tro bay mà bên A thu gom tại nhà máy Nhiệt điện, công ty Nhôm Đắk Nông - TKV trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này.

7.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Trong suốt quá trình thực hiện, bên B cam kết không làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của bên A;

- Xử lý hết toàn bộ số lượng tro bay bên A giao;

- Cam kết tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các đơn vị xung quanh khu vực xử lý;

- Bên B tự chịu trách nhiệm về an ninh trật tự, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ liên quan đến nhân lực, thiết bị của bên B trong quá trình thực hiện theo Hợp đồng;

- Phương tiện vận tải bên B phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thu mua, xử lý, vận hành theo quy định;

- Khi có sự cố phát sinh cùng bên A lập biên bản, thống nhất biện pháp giải quyết, tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng;

- Chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật trong toàn bộ quá trình thu mua, xử lý khối lượng tro bay theo Hợp đồng này;

- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường, chịu hoàn toàn chi phí xử lý hậu quả nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, nếu cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm do hoạt động xử lý làm ô nhiễm môi trường, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm (chi phí xử phạt, trách nhiệm pháp lý).

Điều 8. Hiệu chỉnh bổ sung hợp đồng

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu một bên thấy rằng nội dung điều khoản nào đó của hợp đồng không còn phù hợp với thực tế thì bên đó có quyền đề xuất để hai bên xem xét thương thảo, làm cơ sở để hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng;

8.2. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng sẽ được thể hiện bằng phụ lục được hai bên ký kết. Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.

Điều 9. Bất khả kháng

9.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: sự cố thiên nhiên, chiến tranh, bạo

loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, ...;

9.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

Trừ khi có ý kiến của Bên A bằng văn bản, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

9.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Điều 10. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng

10.1. Khi một bên muốn tạm ngừng thực hiện hợp đồng thì bên đó phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nguyên nhân, lý do tạm ngừng cho bên kia và dự kiến thời gian tạm ngừng cũng như thời điểm tiếp tục thực hiện hợp đồng. Việc tạm ngừng như vậy (nếu có) sẽ không ảnh hưởng đến các quyền, nghĩa vụ khác của các bên, đồng thời các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện đối với những phần công việc của hợp đồng không bị ảnh hưởng bởi việc tạm ngừng.

10.2. Tạm ngừng quá lâu: Trường hợp quá 15 ngày mà các Bên không thể thống nhất được với nhau về các điều kiện để tiếp tục thực hiện hợp đồng thì bất kỳ bên nào cũng sẽ có quyền chấm dứt hợp đồng theo Điều 11 của hợp đồng.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

11.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Khi một bên không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được bên kia đồng ý gia hạn.
- b) Trường hợp tạm ngừng quá lâu theo Điều 10 của hợp đồng.
- c) Khi một bên bị phá sản, giải thể.

11.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Khoản 11.1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

11.3. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điểm c Khoản 11.1 Điều này, hai bên sẽ cùng nhau tiến hành thanh lý hợp đồng. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến phần việc của mình.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

12.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này hoặc do sự diễn giải về hợp đồng sẽ được Bên A và Bên B cố gắng giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên nguyên tắc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau;

12.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì trong thời gian tối đa là 60 ngày, bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc giải quyết tranh chấp ra tòa án. Tòa án được các bên lựa chọn là Tòa án kinh tế tỉnh Đắk Nông. Quyết định của Tòa án kinh tế tỉnh Đắk Nông là chung thẩm, buộc các bên phải thi hành.

Điều 13. Điều khoản chung

- Bất kỳ sự thay đổi hoặc điều chỉnh điều khoản nào trong bản hợp đồng này cũng phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản có chữ ký và đóng dấu của hai bên;

ĐẮK NÔNG

- Hợp đồng được thanh lý sau khi hai bên hoàn thành công việc và bên A đã thanh toán hết cho bên B;

- Hiệu lực Hợp đồng kể từ ngày ký;

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi các điều khoản trên đã thực hiện xong và có thoả thuận chấm dứt hợp đồng bằng văn bản giữa hai bên.



hiện trên chứng từ thanh toán.

- Chất lượng: Theo thỏa thuận của đại diện bên bán và bên mua.
- Đơn giá: Giá bán tại kho bãi: xỉ than 100.000đ/ tấn, xỉ than nghiền 250.000đ chưa bao gồm tiền vận chuyên và thuế giá trị gia tăng 10%.
- Bên A sẽ thanh toán tiền đầu khi bên B sắp xếp được xe lấy hàng tại kho bãi cho bên A theo từng chuyến hàng trong ngày.

Điều 2: ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- Địa điểm giao: tại kho bãi Thôn 13, xã Đắc Wer, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông. Bên B tự bố trí phương tiện để tiếp nhận, xử lý.
- Phương thức giao nhận: Qua tổng đo tấn trên xe dưới sự giám sát của đại diện bên mua và bên bán.

Điều 3: THANH TOÁN

Thời hạn thanh toán:

- Bên B sẽ thanh toán cho bên A 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi đo xong và thanh toán trước khi xe lăn bánh.
- Phương thức thanh toán: Tiền mặt.
- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Đảm bảo nguồn hàng để giao cho bên B theo đúng khối lượng và tiến độ của hai bên đã thỏa thuận.
- + Đảm bảo độ mịn theo đúng mẫu đã đưa cho bên mua.
- + Đảm bảo nhiệt trị.
- + Chất lượng than là xỉ than nghiền
- Thực hiện giao nhận xỉ than nghiền tại địa điểm giao nhận với bên mua.
- Đảm bảo cung cấp nguồn than hợp pháp.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của bên bán theo quy định của hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Thanh toán tiền hàng cho bên bán theo thỏa thuận trong hợp đồng này.
- Bên mua cam kết:
 - + Chỉ mua xỉ than nghiền để sử dụng vào sản xuất, kinh doanh đúng mục đích quy định pháp luật.
 - + Không mua xỉ than nghiền để đưa đi xuất khẩu.

Điều 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc thông báo cho nhau để cùng giải quyết, không bên nào tự sửa đổi, hủy bỏ hợp đồng, bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật
- Bất cứ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập văn bản và

11919400-

ÔNG TY TNHH
CÔNG MẠI DỊCH VỤ
HÀNG HƯNG PHÁT

TRANG - T.Y.

245-C

ÔNG TY
CÔNG MẠI DỊCH VỤ
HÀNG HƯNG PHÁT

T.Đ.P.

hai bên cùng xác nhận thì mới có hiệu lực. Nếu có tranh chấp trước hết phải thông qua thương lượng hòa giải đôi bên cùng có lợi.

- Nếu có xảy ra tranh chấp không tự hòa giải được thì sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Đắk Nông giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng buộc hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.
- Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hiệu lực hai bên không có tranh chấp gì coi như hợp đồng thanh lý.
- Hợp đồng này được thành lập 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

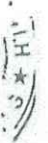


Đặng Mỹ Kiều

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Văn Đót



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Đắk Nông, ngày 1 tháng 7 năm 2022

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số 01

- Căn cứ theo HĐNT số 02/2021/HĐ đã ký ngày 15 tháng 9 năm 2021
- Căn cứ nhu cầu thực tế 2 bên

Chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (Bên A): CÔNG TY TNHH MTV ĐẶNG KIỀU

- Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0981 970 771
- Mã số thuế: 6400432245
- Tài khoản số: 113601155777 tại ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh tỉnh Đắk

Nông.

- Người đại diện: Bà Đặng Thị Mỹ Kiều Chức vụ: Giám đốc

Bên Mua (Bên B): CÔNG TY TNHH TM-DV NHẤT HÙNG PHÁT

- Địa chỉ: 2 Nguyễn Cao Luyện, Phường Phước Long, TP Nha Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại: 0903 534 757
- Mã số thuế: 4201919400
- Tài khoản số: 0001509512870 tại ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Khánh

Hòa.

- Người đại diện: Ông Vũ Văn Đót Chức vụ: Giám đốc

Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 01 về điều chỉnh giá xi than (xi khí hóa than) và xi than nghiền đối với hợp đồng đã ký số 02/2021/HĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 cụ thể như sau:

1 Điều chỉnh giá xi than (xi khí hóa than) từ 100.000đ/ tấn lên 170.000đ/ tấn.

2 Giá xi than nghiền từ 250.000đ/tấn lên 320.000đ/ tấn.

4 Bên A sẽ không thanh toán tiền dầu khí Bên B lấy hàng tại kho bãi Bên A.

4. Điều khoản chung:

4.1 Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định trong hợp đồng số: 02/2021/HĐ



4.2 Phụ lục hợp đồng được lập thành 2 bản, có nội dung & giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

4.3 Phụ lục này là 1 phần không thể tách rời của HĐNT số 01 và có giá trị kể từ ngày ký 01/07/2022

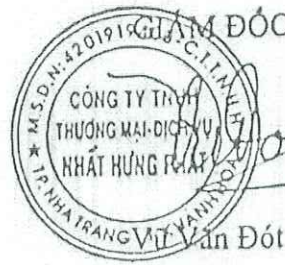
ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



Đăng Kiều Mỹ Kiều

ĐẠI DIỆN BÊN B



Giám Đốc
[Handwritten Signature]

Vân Đót



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 02 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ NĂM 2023

Số : 01.2023/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được ban hành ngày 14/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017.

- Căn cứ nhu cầu khả năng của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2023, tại Văn phòng Công ty CP VLXD Khánh Hòa, chúng tôi gồm có :

1. Bên bán : Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Nhất Hưng Phát (gọi tắt là bên A)

- Địa chỉ : 2 Nguyễn Cao Luyện, P.Phước Long, TP Nha Trang, Khánh Hòa.

- Mã số thuế : 4201919400

- Điện thoại : 0906 136 999

- Tài khoản : 0001509512870 NHTMCP Quân đội - CN Khánh Hòa.

- Do Ông Bùi Hạnh Phúc; Chức vụ : Giám đốc làm đại diện.

2. Bên mua : Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hòa (gọi tắt là bên B)

- Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, P.Phương Sài, Nha Trang, Khánh Hòa

- Mã số thuế : 4200570999

- Điện thoại : 02583 822 124 – 3820 197, Fax : 02583 816 329

- Tài khoản : 4700201005850 Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Khánh Hòa.

- Do Ông Nguyễn Văn Hoàng; Chức vụ : Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán Tro, xỉ than nghiền năm 2023 với các điều khoản cụ thể dưới đây :

Điều I : Số lượng, Chung loại, Chất lượng :

1. Chung loại : Tro, xỉ than nghiền.

2. Số lượng : Theo nhu cầu của bên B.

3. Chất lượng :

- Chất bốc : 4%-5%

- Nhiệt lượng : 1.600 kcal/kg – 2.000 kcal/kg

Điều II : Tiến độ, địa điểm, hình thức giao nhận.

1. Tiến độ giao hàng : Theo đặt hàng của bên B và được sự đồng ý của bên A.

2. Địa điểm, hình thức giao hàng : Bên A giao trên phương tiện vận chuyên của bên A, qua cân điện tử tại các kho của bên B, Kho bên nào bên đó chịu chi phí xếp dỡ.

Điều III : Giá cả và phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán.

1. Giá cả : Tùy thời điểm, theo thư báo giá của bên A.

Tro, xỉ than nghiền : 672.000 đồng/tấn.

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT; và cước vận chuyển đến kho bên mua, kho bên nào bên đó chịu chi phí xếp dỡ.

Đơn giá trên là đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi về giá thì bên bán báo giá cho bên mua và hai bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng. Nếu Bên B không thống nhất giá theo thư báo giá thì coi như hợp đồng này hết hiệu lực và Bên A không chịu trách nhiệm trong việc cung cấp lô hàng tiếp theo.

2. Hình thức thanh toán : Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng thì ngày thực tế thanh toán căn cứ trên ngày báo có của ngân hàng, thanh toán bằng tiền mặt thì ngày thực tế thanh toán là ngày ghi trên phiếu thu của bên A.

3. Thời hạn thanh toán :

Bên B thanh toán toàn bộ giá trị lô hàng trong vòng 20 ngày, kể từ ngày ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Nếu sau đó vì bất cứ lý do gì mà bên B chưa chuyển hết tiền, thì bên B phải trả thêm tiền lãi nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm chậm thanh toán đối với số tiền và thời gian chậm thanh toán, thời điểm tính lãi được tính từ ngày ghi trên hóa đơn. Trong trường hợp này bên A không chịu trách nhiệm về việc cung cấp lô hàng tiếp theo cho tới khi bên B chuyển hết số tiền còn nợ cho bên A.

Điều IV : Trách nhiệm các bên.

1. Bên bán : Chuẩn bị nguồn hàng, đảm bảo số lượng, tiến độ giao hàng. Tạo điều kiện cho bên mua nhận hàng được thuận lợi.

2. Bên mua : Tổ chức nhận hàng theo lịch đăng ký, thanh toán đúng như đã cam kết và đối chiếu hàng hóa, công nợ giữa hai bên.

Điều V : Cam kết chung.

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng. Mọi sửa đổi bổ sung nếu có được thể hiện bằng văn bản và được hai bên chấp nhận. Nếu có khó khăn gì hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên, không bên nào tự ý thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp hai bên đã nỗ lực nhưng không giải quyết được các tranh chấp xảy ra thì sẽ được giải quyết tại Toà án thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Phán quyết của cơ quan này có hiệu lực cuối cùng và hai bên có trách nhiệm thi hành. Mọi chi phí do bên thua kiện chịu.

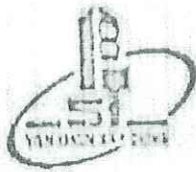
Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023. Khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên thực hiện xong trách nhiệm của mình và không có khiếu kiện gì thì hợp đồng xem như tự động được thanh lý.



Nguyễn Văn Hoàng



Bùi Hạnh Phúc



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
AM 11/30, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 04 3201 7499. Fax: 04 3201 7431
Website: www.vibst.vn • Email: vibst@vibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY CERTIFICATE OF CONFORMITY

No: 240/2018VKII

Chúng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

CÁT NGHIÊN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA XÂY DỰNG

Đơn vị sản xuất/ Manufactured by:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐÁK NÔNG.

Địa chỉ/ Address:

Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

Phù hợp với/ Conforms to: QCVN 16:2017/BXD

Phương thức đánh giá sự phù hợp/ Certification method:

Phương thức 5/ Method 5

Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

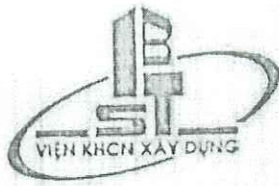
SAO Y BẢN CHÍNH
từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 đến ngày 04 tháng 10 năm 2021.
Ngày... 26 tháng... 10 năm... 2018



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Lương

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018





BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa: 51 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.33351197

Website: www.bst.vn - Email: vienkhoa@bst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

No: 141/2019VKH

Chứng nhận sản phẩm:

XỈ DÂY LỖ NHIỆT ĐIỆN ĐỐT THAN LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP.

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông.

Đơn vị phân phối: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông.

Phù hợp với: TCVN 12249:2018.

Phương thức đánh giá sự phù hợp:

Phương thức 1.

Giấy chứng nhận có giá trị: đối với xỉ dây lỗ tại chân silô của đơn vị sản xuất kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2019 đến ngày 18 tháng 7 năm 2020.

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2019



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Lương



BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội. Hotline: 0975.131656
Website: www.ibst.vn FB: www.facebook.com/hopchuan.hopquyIBST

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN



No: 125/2022VKH

Chứng nhận sản phẩm:

TRO BAY LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP.

Đơn vị sản xuất:

NHÀ MÁY ALUMIN NHÂN CƠ - CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV.

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Phù hợp với: **TCVN 12249:2018.**

Tro xi nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung.

Phương thức đánh giá sự phù hợp:

Phương thức 1.

Giấy chứng nhận có giá trị: đối với tro bay tại chân si lô, phân xưởng nhiệt điện của đơn vị sản xuất kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022 đến ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Được phép sử dụng dấu hợp chuẩn



Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Đinh Quốc Dân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh phúc

Số: 1993 /QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 05 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty CP Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà
thuê đất để xây dựng nhà máy gạch Tuynel Diên Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 về thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 404 /TTr-STN.MT ngày 25 tháng 11 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty CP Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà trụ sở tại số 194-196 đường Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang thuê 33.255,9 m² đất tại thôn Thượng, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh để xây dựng Nhà máy gạch Tuynel Diên Lâm.

Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày ký quyết định.

Ranh giới khu đất được xác định từ mốc M1 đến mốc M23 theo tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Diên Khánh xác nhận ngày 15/8/2008, tỷ lệ 1/1.000.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Ký hợp đồng thuê đất với Công ty CP Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà.
2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Diên Khánh, UBND xã Diên Lâm xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty CP Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà sử dụng.
3. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh:
 - Thông báo cho Công ty CP Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà nộp tiền thuê đất và phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;
 - Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty CP Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;
 - Thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Diên Khánh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công thương; Chi Cục trưởng Cục Thuế huyện Diên Khánh; Giám đốc Công ty CP Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà; Chủ tịch UBND xã Diên Lâm; Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Khánh Hoà và thủ trưởng các ngành, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./p

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ✓ - Lưu: VP, PH, CN, HgP, MN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 7.5.2.6.2.08. Quyển số SCT/BC
Ngày 22 tháng 2 năm 2008
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI

Nguyễn Chiên Thắng

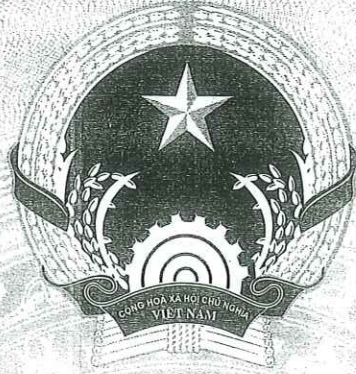


Hồng Chữ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hòa

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4200570999

Cấp ngày 10 tháng 9 năm 2004

Địa chỉ: 194-196 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, TP Nha Trang, Khánh Hòa



BA 171548

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: 09
b) Địa chỉ: thôn Thượng, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa
c) Diện tích: 33255,9m² (Ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi lăm phẩy chín mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng 33255,9, chung Không
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 05/12/2058
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú: Không

Nha Trang, ngày 28 tháng 4 năm 2010

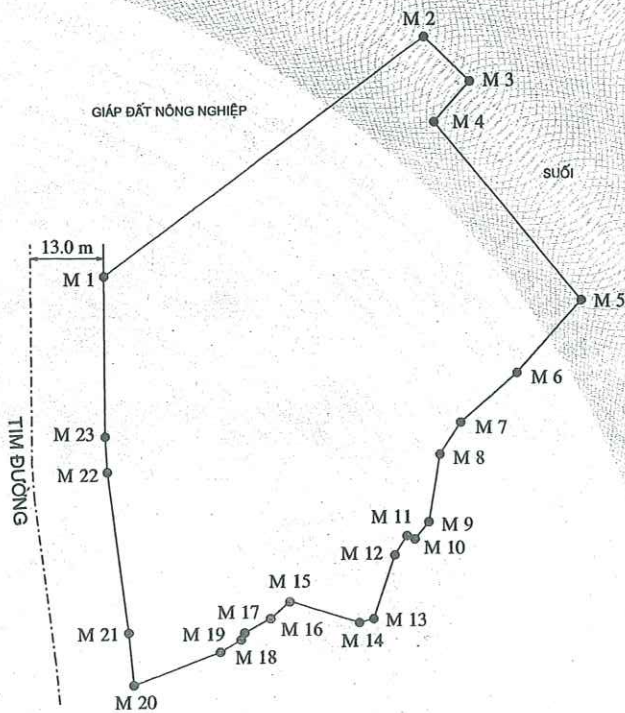
TM. UBND TỈNH KHÁNH HÒA

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ VÀ KHOẢNG CÁCH
(Hệ tọa độ VN - 2000)

Tên mốc	X (m)	Y (m)	S (m)
M1	1358687.89	582777.08	171.4
M2	1358789.96	582914.79	27.7
M3	1358770.80	582934.78	23.4
M4	1358753.35	582919.13	100.5
M5	1358676.57	582984.01	42.2
M6	1358645.25	582955.69	32.7
M7	1358623.89	582930.84	16.4
M8	1358610.25	582921.71	29.8
M9	1358580.82	582916.85	9.4
M10	1358573.56	582910.83	3.7
M11	1358574.91	582907.38	9.9
M12	1358566.58	582902.00	29.0
M13	1358539.08	582892.73	6.2
M14	1358537.57	582886.67	31.4
M15	1358547.08	582856.71	11.1
M16	1358539.55	582848.48	12.7
M17	1358533.54	582837.28	3.3
M18	1358530.58	582835.71	10.2
M19	1358525.21	582826.94	39.7
M20	1358510.94	582789.83	23.0
M21	1358533.85	582787.62	70.3
M22	1358603.53	582778.44	15.3
M23	1358618.81	582777.48	69.0
M24	1358687.89	582777.08	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Diên Khánh (Đ/c: Số 228 đường Lạc Long Quân, thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh) theo Hồ sơ số 000302./.</p>	<p>Ngày 08/9/2010</p> <p>KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p>NGUYỄN VĂN THỌNG</p> <p>NGUYỄN VĂN THỌNG</p>

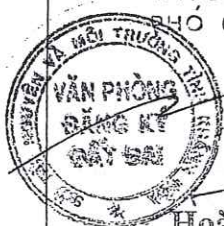

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 01

Tờ bản đồ số: 09

Số phát hành GCN: BA 171548

Số vào sổ cấp GCN: CT-00373

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 08/9/2010 theo hồ sơ số 000448.XC.002./.	Ngày 19/07/2017. KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC  <i>Hoàng Lê Linh</i>
<p>CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH</p> <p>Số chứng thực.....- 295 - 01.....Quyển số..... SCT/BS</p> <p>Ngày 29-05- 2019</p> <p>CÔNG CHỨNG VIÊN</p>  <i>Dặng Thị Như Hoa</i>	

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2012

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 56.000161.Tx
(Cấp lại)

I. Thông tin chung về chủ nguồn chất thải:

- Tên: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa.
- Địa chỉ: 194 – 196 Trần Quý Cáp, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: 058. 3 819 962 Fax: 058.3 821 005
- Tài khoản số: 4700201005850, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4200570999, Ngày cấp: 22/5/2012, Nơi cấp: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký 05 cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: CCBVMT, Nghi.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 56.000161.Tx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp lại ngày 17/9/2012)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

1.1. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25.

Địa chỉ: Km6, QL26, thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 620 668; Fax: 058.3 620 668

1.2. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10.

Địa chỉ: Km8, QL26, thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 620 371; Fax: 058.3 620 371

1.3. Tên: Công trường đá Tân Dân.

Địa chỉ : thôn Tân Dân, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 934 277; Fax: 058.3 934 277

1.4. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh.

Địa chỉ: Km12, Tỉnh lộ 2, thôn Sơn Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 786 667; Fax: 058.3 786 667

1.5. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20.

Địa chỉ: thôn Thượng, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 785 785; Fax: 058.3 785 785

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**2.1. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	12	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	6	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	3	16 01 06
Tổng cộng			427	

2.2. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng trung bình	Mã CTNH
----	---------------	------------	---------------------	---------

		tồn tại	(kg/năm)	
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
Tổng cộng			640	

2.3. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
Tổng cộng			640	

2.4. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
Tổng cộng			425	

2.5. Công trường đá Tân Dân:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
----	---------------	--------------------	------------------------------	---------

1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	12	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắcquy thải	Rắn	18	16 01 12
Tổng cộng			636	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

3.1. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
Tổng cộng			900

3.2. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
Tổng cộng			900

3.3. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
Tổng cộng			900

3.4. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	480
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	240
Tổng cộng			720

3.5. Công trường đá Tân Dân:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
----	---------------	--------------------	------------------------------

1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
Tổng cộng			900

4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở:

4.1. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

4.2. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

4.3. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

4.4. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

4.5. Công trường đá Tân Dân:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên trang bìa: “Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 56.000161.Tx do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lại ngày 17 tháng 9 năm 2012”) được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(DÙNG ĐỂ THU TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TNS
Số: 45806

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Kỳ: 3/2024 Từ ngày 26/2/2024 đến ngày 25/3/2024

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Mã số thuế: 4200700951

Địa chỉ: Tầng 5, nhà liên cơ số 85 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: (0258) 3560527

website: nuocnongthonkhanhhoa.vn

Tài khoản: 601.1000.029.6988 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa

4701201013004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang

Trạm quản lý cấp nước: Diên Xuân - Diên Lâm

Điện thoại: 0258.3706229

Mã Khách hàng: 45.2267.2

Tên Khách hàng: Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh - TN 20

Địa chỉ: Thôn Thượng - Diên Lâm - H.Diên Khánh - T.Khánh Hòa - Việt Nam

Mã số thuế:

Chi số đầu kỳ	Chi số cuối kỳ	Khoán (m ³)	Tiêu thụ (m ³)
64	103	0	39
Mục đích sử dụng	Số m ³ tiêu thụ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1. Sinh hoạt			
- SH1: Từ 01m ³ – 10m ³			
- SH2: Từ 11m ³ – 20m ³			
- SH3: Từ 21m ³ – 30m ³			
- Trên 30m ³			
2. Cơ quan HC, SN,CC			
3. Sản xuất vật chất, dịch vụ	39	9.047,62	352.857,14
Cộng	39		352.857
Thuế GTGT 5%			17.643
Tổng cộng tiền nước			370.500
Phí bảo vệ môi trường			
Tổng cộng tiền thanh toán			370.500
Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ngàn năm trăm đồng.			

Đơn vị bán hàng

Signature valid

Ký bởi: TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH
MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN KHÁNH HÒA

Ngày ký: 29/03/2024

(Tra cứu hóa đơn tại website <https://hddt.nuocnongthonkhanhhoa.vn>)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 17 tháng 01 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TLD

Số: 19

Đơn vị bán hàng: TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Mã số thuế: 4200700951

Điện thoại: (0258) 3560527

Địa chỉ: Tầng 5, nhà liên cơ số 85 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Số tài khoản: 601.1000.029.6988 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa

Tên Người mua/Đơn vị: Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh - TN 20

Mã số thuế:

Địa chỉ: Thôn Thượng - Diên Lâm, H.Diên Khánh - T.Khánh Hòa - Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

tại

STT	Tên Hàng hóa, Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6
1	Lắp đặt (BBNT 01/2024/TL/HDLĐ)	HD	1	1.458.333,00	1.458.333
Cộng tiền hàng					1.458.333
Thuế GTGT: 8%					116.667
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.575.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng.					

Đơn vị bán hàng

Signature valid

Ký bởi: TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH
MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN KHÁNH HÒA
Ngày ký: 17/01/2024

(Tra cứu hóa đơn tại website <https://hddt.nuocnongthonkhanhhoa.vn>), Mã tra cứu: 1912024K24TLD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày ..*17*.. tháng ..*01*.. năm 20*24*..



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Mã số khách hàng:

4	-	5	-	2	2	6	7	-	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

BÊN TIÊU THỤ NƯỚC: ..*XÍ NGHIỆP GAEN NGÔI DIỆN KHÁNH-TN20*..

ĐỊA CHỈ:*THÔN THÁNH - DIỆN LÂM*.....

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
TẦNG 5 - NHÀ LIÊN CƠ SỐ 85 (SỐ CŨ) - 1242 (SỐ MỚI) ĐƯỜNG 2/4- P.VẠN THẮNG - TP. NHA TRANG
ĐIỆN THOẠI: (0258) 3560527 - 3560351



4. Trường hợp Bên tiêu thụ nước không có nhu cầu sử dụng nước trong thời gian dài thì thông báo cho Bên cung cấp nước để có biện pháp quản lý hệ thống đường ống.

ĐIỀU 2. GIÁ NƯỚC

1. Thực hiện theo mức giá do UBND tỉnh Khánh Hòa qui định;

2. Trường hợp có thay đổi giá nước, Bên cung cấp nước sẽ có thông báo bằng văn bản đến UBND cấp xã hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về biểu giá và thời gian áp dụng giá mới. Giá nước mới chỉ áp dụng đối với lượng nước sử dụng kể từ thời điểm quyết định điều chỉnh giá của UBND tỉnh có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 3. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CUNG CẤP NƯỚC

1. Bên cung cấp nước có trách nhiệm cung cấp dịch vụ nước sạch cho Bên tiêu thụ nước đáp ứng nhu cầu về lưu lượng, đảm bảo chất lượng đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện các qui định trong hợp đồng. Được nhận tiền bồi thường thiệt hại do Bên tiêu thụ nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan gây ra theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

3. Được quyền từ chối cung cấp nước trong trường hợp Bên tiêu thụ nước vi phạm: qui chế quản lý nước, sử dụng nước phục vụ cho các mục đích khác đã đăng ký trong hợp đồng, đường ống, phụ kiện trước đồng hồ nước bị hư hỏng gây thất thoát nước nhưng bên tiêu thụ nước không đồng ý cho sửa chữa; không sử dụng nước liên tục trong vòng 12 tháng nhưng không thông báo hoặc liên lạc cho bên cung cấp nước và các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này; Bên cung cấp nước chỉ cung cấp nước trở lại khi Bên tiêu thụ nước thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định của hợp đồng và thanh toán các chi phí liên quan đến công tác đóng, mở nước theo quy định.

4. Được khai thác về kinh tế, kỹ thuật trên toàn bộ hệ thống cung cấp nước do mình quản lý từ ống tải đến trước đồng hồ của Bên tiêu thụ nước;

5. Cung cấp nước thường xuyên, liên tục (trừ trường hợp có sự cố) với chất lượng theo qui định của nhà nước;

6. Hướng dẫn Bên tiêu thụ nước bảo quản hệ thống đường ống, đồng hồ và các thiết bị sử dụng nước sạch;

7. Đối với các tuyến ống cấp nước do các hộ (nhóm hộ), cơ quan đã đầu tư, khi cần mở rộng cho các đối tượng có yêu cầu dùng nước thì các bên tự thỏa thuận về chi phí đã đầu tư trước. Nếu thỏa thuận không được thì Bên cung cấp nước phải chiết tính chi phí để làm cơ sở cho các đối tượng mới thanh toán lại cho các hộ (nhóm hộ), cơ quan đã đầu tư;

8. Định kỳ hàng tháng cử nhân viên trực tiếp đến ghi chỉ số đồng hồ và thu tiền nước của Bên tiêu thụ nước;

9. Định kỳ 5 năm/lần kể từ khi lắp đặt, Bên cung cấp nước sẽ phối hợp với Bên tiêu thụ nước thực hiện công tác kiểm định lại đồng hồ nước, các chi phí liên quan theo qui định do bên tiêu thụ nước thanh toán;

10. Trường hợp Bên cung cấp nước ghi sai chỉ số đồng hồ nước, tính toán hóa đơn sai cho Bên tiêu thụ nước hoặc sử dụng đồng hồ nước không đạt tiêu chuẩn theo quy định pháp luật dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn số tiền Bên tiêu thụ nước thực tế phải trả, Bên cung cấp nước phải trả cho Bên tiêu thụ nước khoản tiền đã thu thừa cộng với tiền lãi tính trên số tiền chênh lệch theo mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá

nhân của Ngân hàng mà Bên cung cấp nước có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán;

11. Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật.

12. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo của Bên tiêu thụ nước theo pháp luật hiện hành.

13. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

ĐIỀU 4. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN TIÊU THỤ NƯỚC

1. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về lưu lượng, đảm bảo về chất lượng dịch vụ;

2. Được quyền chuyển nhượng, sang tên hệ thống đường ống và đồng hồ đo nước cho đơn vị hoặc cá nhân khác phần do Bên tiêu thụ nước chịu chi phí đầu nối, sau khi đã thông báo, thanh toán đầy đủ các khoản nợ và được Bên cung cấp nước đồng ý;

3. Được quyền khiếu nại, tố cáo những việc làm sai về quản lý hệ thống đường ống, cung cấp nước không đảm bảo chất lượng, các khoản thu không đúng qui định;

4. Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn, sử dụng nước đúng mục đích;

5. Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

6. Tạo điều kiện để Bên cung cấp nước kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước;

7. Không được tháo, lắp sửa chữa đồng hồ và đường ống trước đồng hồ nước, không được phát triển hệ thống đường ống cho các hộ khác sử dụng phụ;

8. Không được dùng nước sạch của Bên cung cấp nước để kinh doanh lại (nếu không được sự chấp thuận của Bên cung cấp nước);

9. Không được lắp đặt máy bơm hút nước trực tiếp vào đường ống cung cấp nước, không sử dụng nước không qua đồng hồ;

10. Sử dụng nước phải qua đồng hồ nước; không được tự ý tháo gỡ niêm phong, không được điều chỉnh hoặc làm sai lệch kết quả đo đếm của đồng hồ nước dưới mọi hình thức. Khi phát hiện đồng hồ nước hư hỏng hoặc đo đếm không chính xác, nước không chảy, niêm chì bị đứt phải thông báo ngay cho Bên cung cấp nước để lập biên bản xác nhận và có biện pháp xử lý; không tự ý thay đổi hiện trạng, di dời vị trí lắp đặt đồng hồ nước và hệ thống đường ống nhánh trước đồng hồ khi chưa được sự đồng ý của Bên cung cấp nước. Trường hợp Bên tiêu thụ nước có nhu cầu di dời, cần liên hệ với Bên cung cấp nước để được hướng dẫn về trình tự, thủ tục, các chi phí liên quan đến việc di dời do Bên tiêu thụ nước thanh toán.

11. Trường hợp đồng hồ nước hoạt động không chính xác hoặc mặt số bị mờ không thể đọc được chỉ số thì Bên tiêu thụ nước phải chịu chi phí sửa chữa hoặc thay mới. Nếu trong thời hạn bảo hành, nếu đồng hồ nước bị hư do lỗi của sản xuất, Bên tiêu thụ nước phải thông báo cho Bên cung cấp nước để có hướng cùng xử lý.

12. Bồi thường thiệt hại cho Bên cung cấp nước khi vi phạm những điều khoản của Hợp đồng theo qui định pháp luật.

13. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

ĐƯỢC
HÀNH
CÓ PH
XÂY Đ
HÒA
GACH
ANH TH
T. KH

EN A
TÂN
SẠC
SIN
ƯỚC
HỒI
VQV

ĐIỀU 5. QUY ĐỊNH THANH TOÁN TIỀN NƯỚC TIÊU THỤ

1. Bên cung cấp nước phải có hóa đơn thu tiền nước hàng tháng theo qui định của Bộ Tài chính. Phí nước thải (nếu có) sẽ được thu hàng tháng cùng với tiền nước tiêu thụ theo qui định của UBND tỉnh;

2. Bên tiêu thụ nước phải thanh toán tiền nước tiêu thụ theo hóa đơn của Bên cung cấp nước bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam;

3. Định kỳ từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng, Bên cung cấp nước cử nhân viên đến địa điểm sử dụng nước của Bên tiêu thụ nước để thu tiền nước. Trường hợp Bên tiêu thụ nước chưa có điều kiện thanh toán ngay hoặc đi vắng Bên cung cấp nước sẽ thông báo bằng giấy báo thanh toán, qua điện thoại, tin nhắn, cho Bên tiêu thụ nước. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên cung cấp nước, Bên tiêu thụ nước có trách nhiệm đến thanh toán tại các Trạm quản lý công trình cấp nước hoặc chuyển khoản vào TK 601.10.00.029698.8 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Khánh Hòa. Sau thời hạn quy định trên, Bên tiêu thụ nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, Bên cung cấp nước sẽ gửi Thông báo ngưng cấp nước;

Sau 20 ngày kể từ ngày nhận Thông báo ngưng cấp nước nếu Bên tiêu thụ nước vẫn chưa thanh toán đủ tiền nước thì Bên cung cấp nước có quyền ngưng cung cấp nước mà không cần phải báo trước. Mọi chi phí liên quan đến việc đi lại và đóng mở nước, Bên tiêu thụ nước phải chịu trách nhiệm thanh toán.

4. Trường hợp đồng hồ nước bị hư hỏng hoặc có sự khiếu nại của Bên tiêu thụ nước thì Bên cung cấp nước sẽ căn cứ khối lượng nước tiêu thụ bình quân của 3 tháng trước liền kề để tính lượng nước mà Bên tiêu thụ nước phải thanh toán;

5. Sử dụng nước sai mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Số tiền bồi thường sẽ bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm mục đích sử dụng nước cộng với tiền lãi tính trên số tiền chênh lệch theo mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng mà Bên cung cấp nước có Tài khoản ghi trong Hợp đồng này tại thời điểm thanh toán cho khoảng thời gian tính từ ngày Bên tiêu thụ nước sử dụng nước sai mục đích đến ngày Bên tiêu thụ nước chấm dứt hành vi vi phạm do sử dụng nước sai mục đích.

6. Gây sự cố cho Hệ thống cấp nước hoặc có hành vi làm hư hỏng Hệ thống cấp nước, đồng hồ đo nước. Số tiền bồi thường sẽ bằng giá trị bù đắp lại phần hư hỏng của Hệ thống cấp nước, đồng hồ đo nước và các thiệt hại thực tế phát sinh khác mà Bên cung cấp nước phải gánh chịu do vi phạm của Bên tiêu thụ nước.

7. Có hành vi trộm cắp nước dưới mọi hình thức. Trong trường hợp này, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật, Bên tiêu thụ nước phải bồi thường thiệt hại cho Bên cung cấp nước với mức bồi thường bằng giá trị khối lượng nước bị lấy cắp, thất thoát nhân với mức Giá cung cấp nước sinh hoạt cao nhất của Bên A.

ĐIỀU 6. CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

- Bên tiêu thụ nước không có nhu cầu sử dụng nước;
- Bên cung cấp nước không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ cung cấp nước theo quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho Bên tiêu thụ nước ba mươi (30) ngày trước thời điểm chấm dứt.

- Bên tiêu thụ nước là pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản hoặc là cá nhân bị chết, nguyên nhân là đã chết mà không có người thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên tiêu thụ nước theo hợp đồng.

- Bên tiêu thụ nước vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ đã cam kết và những quy định hiện hành khác.

- Chấm dứt theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

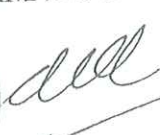
1. Hợp đồng này được sửa đổi, bổ sung khi Bên tiêu thụ nước có thay đổi về nhu cầu, mục đích sử dụng nước, chuyển tên cho tổ chức hay cá nhân khác hoặc có sự thay đổi do yêu cầu quản lý của Bên cung cấp nước;

2. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn, quyết định của Nhà nước cũng như UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ nước sạch. Nếu vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau và được thực hiện theo Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

4. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã ghi trong hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước;

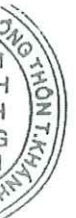
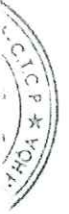
5. Hợp đồng này gồm 5 (năm) trang, từ số trang 1 đến trang số 5 (không kể bìa) hợp đồng được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản, có giá trị pháp lý như nhau./.

BÊN CUNG CẤP NƯỚC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hiếu



BÊN TIÊU THỤ NƯỚC
GIÁM ĐỐC
Ký, ghi rõ họ tên

Nguyễn Văn Hoàng





Mẫu số 03/BB-TCLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đã... (Kính), ngày ... 06 tháng 1... năm 2024
Số: ... 01... /2024/HĐLD

HỢP ĐỒNG

Về việc thi công lắp đặt đường ống và đồng hồ nước

Căn cứ Giấy đăng ký lắp đặt đường ống, đồng hồ sử dụng nước ngày ... 09 tháng 12... năm 2023... của khách hàng: ... Nguyễn Văn Hoàng ... (Kính) - TN 2
Căn cứ hồ sơ Thiết kế - dự toán số 01/2024 được duyệt ngày 09/11/2024

1. Khách hàng sử dụng nước (gọi tắt là Bên A)

- Ông (bà): ... Nguyễn Văn Hoàng ...
- Địa chỉ: ... Trần Thủy - Hòa Lâm ...
- Số CCCD: 12.50.23.4.72 ... Ngày cấp: 24/11/2009
- Nơi cấp: ... C. A. ... Khánh Hòa ... Điện thoại: 02583755286

2. Bên cung cấp nước (gọi tắt là bên B):

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

- Đại diện ký hợp đồng là Ông: Nguyễn Ngọc Hiếu - Phó Giám đốc
- Địa chỉ: Tầng 5, Nhà liên cơ số 85 (1242) đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- MST: 4200700951 - Điện thoại: 0258.3560330-3560527
- Tài khoản số: 601.10.00.029698.8 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa.

Sau khi bàn bạc, hai bên đã thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm Bên A:

Chuẩn bị mặt bằng trước khi Bên B tổ chức thi công, thực hiện công tác giám sát phần thi công lắp đặt và cùng Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có); kiểm tra xác nhận các khối lượng công việc/vật tư lắp đặt thực tế do Bên B thực hiện, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình thi công; thanh toán kinh phí cho Bên B theo đúng qui định tại Điều 2 của hợp đồng này.

2. Trách nhiệm Bên B:

Tổ chức nhân lực, thi công lắp đặt đường ống và đồng hồ nước cho Bên A theo hồ sơ thiết kế - dự toán và đúng qui trình, qui phạm; đảm bảo chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật theo qui định, bảo hành phần việc đã thực hiện trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu nếu có sự cố xảy ra do chất lượng vật tư và

kỹ thuật lắp đặt, Bên B không có trách nhiệm bảo hành nếu do các nguyên nhân khách quan hoặc do việc quản lý, sử dụng của Bên A gây ra.

Điều 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Tổng giá trị hợp đồng tạm tính theo dự toán (đính kèm): 1.575.000.000 đồng
Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn.

- Sau khi hợp đồng được ký, Bên A tạm ứng cho Bên B 100% giá trị hợp đồng tạm tính, sau khi thi công hoàn thành hai bên sẽ thanh quyết toán trên cơ sở Biên bản nghiệm thu và hóa đơn lắp đặt.

Điều 3. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Ngày chính thức khởi công chậm nhất là sau 01... ngày, kể từ khi Bên A tạm ứng đủ chi phí dự toán hợp đồng quy định tại Điều 2 nêu trên và bàn giao mương đào đặt ống đúng yêu cầu kỹ thuật (nếu có) cho Bên B;

- Hoàn thành: 1 ngày, kể từ ngày khởi công.

Điều 4. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những thỏa thuận giấy đăng ký lắp đặt và trong hợp đồng đã ký, nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì bị xử phạt theo các quy định hiện hành của nhà nước về ký kết và thực hiện hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc hoặc thay đổi thì hai bên cùng nhau trao đổi và điều chỉnh bổ sung hợp đồng cho phù hợp, trên nguyên tắc cùng có lợi.

Hợp đồng này gồm 2 trang, có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 1 bản, Bên B giữ 01 bản; Hợp đồng đã được hai bên thông qua và thống nhất ký tên./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên) GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hoàng

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hiếu



Mẫu số 04/BB-TCLĐ

TRUNG TÂM
NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH
MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điền...*Khánh*..., ngày...*17*... tháng...*01*... năm 20*24*...
Số:..*01*.../2024/TL/HĐLĐ

BIÊN BẢN

Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thi công lắp đặt đường ống và đồng hồ nước

Căn cứ Hợp đồng số:..*01*.../20*24*/TCLĐ đã ký ngày..*06*.../0*1*.../20*24*..

Thành phần tham gia nghiệm thu gồm:

I. Khách hàng sử dụng nước (gọi tắt là Bên A): *Xi nghiệp gặt người Điền Khánh*

Ông (bà): ..*Nguyễn Văn Tuấn*.....

Địa chỉ: ..*Tên...Thị trấn...Huyện Lâm*.....

II. Bên cung cấp nước (gọi tắt là Bên B):

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

Ông: Nguyễn Ngọc Hiếu Phó Giám đốc

Ông (Bà): ..*Nguyễn Đức Hòa*..... Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Ông: ..*Nguyễn Văn Bình*... p. Trưởng trạm QLCTCN

Ông: ..*Nguyễn Văn Hùng*... Đội trưởng Đội thi công

Sau khi kiểm tra khối lượng lắp đặt hoàn thành thực tế, hai bên thống nhất tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với các nội dung sau:

1. Khối lượng và giá trị thanh toán: theo bảng quyết toán đính kèm

- Giá trị thanh quyết toán:

+ Giá trị hợp đồng đã ký :.....*1.575.000*..... đồng;

+ Giá trị quyết toán thanh lý hợp đồng :.....*1.575.000*..... đồng;

+ Số tiền Bên A đã tạm ứng cho Bên B :.....*1.575.000*..... đồng;

+ Số tiền Bên A thanh toán tiếp cho Bên B :.....*1*..... đồng;

+ Số tiền Bên B phải hoàn trả cho Bên A :.....*1*..... đồng;

- Hai bên thanh toán dứt điểm bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong thời hạn 3 ngày sau khi ký kết biên bản này.

2. Chất lượng:

- Thi công theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Biên bản xử lý kỹ thuật ngày.....tháng.....năm 20..... (nếu có).

- Đồng hồ nước đã kiểm định và bấm chỉ:

+ Kiểu:..*MU-Hung TM*...+ Số hiệu:..*13-4020-26*...+ Chi số:..*122*... (m³)

3. Trách nhiệm:

a) Khách hàng sử dụng nước:

- Bảo quản đường ống, đồng hồ nước và các phụ kiện đã lắp đặt;
- Kịp thời báo cho Bên cung cấp nước những sự cố xảy ra;
- Chịu mọi chi phí khắc phục hư hỏng, thay thế do việc quản lý, sử dụng của Bên A gây ra.

b) Bên cung cấp nước:

- Chịu trách nhiệm bảo hành kỹ thuật trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu;

- Hết thời gian bảo hành, mọi hư hỏng, thay thế do khách quan thuộc phạm vi quản lý vận hành khai thác thì Bên B chịu trách nhiệm khắc phục.

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung trên và các thỏa thuận theo Giấy đăng ký lắp đặt, đồng thời tiến hành ký kết Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt.

Biên bản lập thành 03 bản: Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 02 bản.

Biên bản được hai bên thông qua và thống nhất ký tên./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hoàng

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hiếu

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VSMT NÔNG THÔN
TRẠM CẤP NƯỚC DIÊN XUÂN - DIÊN LÂM
QUYẾT TOÁN CHI PHÍ LẬP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG, ĐỒNG HỒ VÀO HỘ SỬ DỤNG NƯỚC HOÀN THÀNH

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng số: **CL/2024/TL/HĐLD**, ngày **07/04/2024**)

Đơn vị sử dụng: **Xí Nghiệp Gạch Ngói Diên Khánh - TN20 (03 hộ chung)**

Địa chỉ: **Thôn Thượng - Diên Lâm**

STT	Mã hiệu đơn giá	Liệt kê công việc	Thương hiệu, nhãn mác	Đơn vị	K.lg	Đơn giá (đ)		Vật liệu (VL)	Thành tiền (đ)		
						Vật liệu	Nhân công		Lắp đặt (NC ₁)	Nhân công (NC ₂)	
											Hồ đầu nối
A. Cùm đầu nối:											
1	BB.83501	Đại khởi thủy HDPE D50 x 1"	Fish	cái	0,33	40.000	27.480	13.200	9.068		
2	BB.75403	Khâu răng ngoài PVC D34	Đệ Nhất	cái	0,33	5.200	13.740	1.716	4.534		
3	BB.75101	Van PVC D34 (đầu nguồn)	Chiuongs	cái	0,33	40.200	6.412	13.266	2.116		
4	BB.75403	Khâu răng trong PVC D34	Đệ Nhất	cái	0,33	5.300	13.740	1.749	4.534		
5	BB.75403	Khâu răng ngoài HDPE D32 x 1"	Fish	cái	1,33	20.000	13.740	26.600	18.274		
6	BB.75403	Tê HDPE D32	Fish	cái	0,33	50.000	13.740	16.500	4.534		
7	BB.75403	Nối HDPE D32	Fish	cái	0,66	31.000	13.740	20.460	9.068		
8	BB.88103	Nút bịt HDPE D32	Fish	cái	0,33	18.000	0	5.940	0		
9	BB.41103	Ống PVC D34, dày 2,1 mm	Đệ Nhất	m	0,06	12.150	0	729	0		
10	BB.45253	Ống HDPE-PE100 D32, dày 3 mm	Đệ Nhất	m	7,66	18.800	0	144.008	0		
B. Cùm đồng hồ:											
11	BB.85101	Đồng hồ nước 15 ly (Vô đồng)	Itron	cái	1,00	436.500	164.067	436.500	164.067		
12	BB.86601	Van góc 1 chiều, tay khóa hợp kim (DN15)	Novo	cái	1,00	116.000	24.859	116.000	24.859		
13	BB.75401	Co răng trong PVC D21	Đệ Nhất	cái	1,00	3.500	9.160	3.500	9.160		
14	BB.75402	Khâu răng trong PVC D27	Đệ Nhất	cái	1,00	3.400	11.450	3.400	11.450		
C. Đường ống dẫn:											
15	BB.41102	Ống PVC D27, dày 1,9 mm	Đệ Nhất	m	0,30	12.400	0	3.720	0		
16	BB.41101	Ống PVC D21, dày 1,7 mm	Đệ Nhất	m	1,50	8.800	0	13.200	0		
17	BB.75403	Co răng trong PVC D34	Đệ Nhất	cái	1,00	7.200	13.740	7.200	13.740		
18	BB.75101	Côn PVC D34/27	Đệ Nhất	cái	1,00	4.200	6.412	4.200	6.412		
19	BB.75101	Co PVC D21	Chiuongs	cái	3,00	3.000	6.412	9.000	19.236		
20	BB.75101	Van PVC D21	Chiuongs	cái	1,00	20.700	6.412	20.700	6.412		
21	AB.11413	Đào hồ đầu nối đất cấp 3 (0,7x0,7x0,7)/3 m3		m3	0,11		357.926		39.372		
22	AB.13111	Đắp đất hồ đầu nối (0,7x0,7x0,7)/3 m3		m3	0,11		105.494		11.604		
D. Vật tư khác:											
23	TT.KD	Keo dán ống 25g	Bình Minh	tuýt	1,00	5.200	0	5.200	0		
24	TT.CS	Cao su non	Malaysia	cuộn	2,00	4.000	0	8.000	0		
Cộng									307.466	50.976	0

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN

STT	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN (đồng)		KÝ HIỆU
			Lắp đặt & đào đắp hố đầu nối	Đào, đắp đường ống	
1	Chi phí vật liệu	VL	874.788	874.788	VL
2	Chi phí nhân công	NC1+NC2	358.442	358.442	NC
	- Chi phí nhân công lắp đặt	NC1	307.466	307.466	NC1
	- Chi phí nhân công đào đắp	NC2	50.976	50.976	NC2
	Chi phí trực tiếp	VL+NC	1.233.230	1.233.230	T
3	Chi phí chung	Tx5,5%	67.828	67.828	C
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	(T+C) x 5,5%	71.558	71.558	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	T + C + TL	1.372.616	1.372.616	G
5	Chi phí khảo sát	7.573 đ/m x 7,66m	58.009	58.009	KS
6	Chi phí thiết kế và dự toán	2,07% x 1,2 x 0,8 x G	27.277	27.277	TK
	Giá trị dự toán trước thuế	G+KS+TK	1.457.901	1.457.901	TT
7	Thuế giá trị gia tăng	TT x 8%	116.632	116.632	GTGT
	Giá trị dự toán sau thuế	TT + VAT	1.574.533	1.574.533	GXD
	Làm tròn:		1.575.000	1.575.000	

Bảng chữ: Một triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Đội thi công

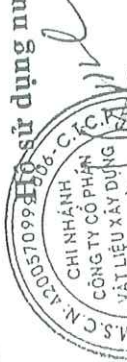
Trạm QLCTCN

Phụ Trách Trạm

Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Thanh Bình

Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Văn Dũng

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Tên phương tiện đo:

Object:

Kiểu:

Type:

Cơ sở sản xuất:

Manufacturer

Đặc trưng đo lường:

Specifications

Số: A.148166.23

Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí

Cold potable water

Multimag TMII

Số: 23402026

ITRON - INDONESIA

Năm (Year): 2023

Đường kính danh định: DN15 mm

Nominal Diameter:

Phạm vi đo: Qn = 1,5 m³/h

Measuring range:

Cấp/ Class: B

Phê duyệt mẫu: 1136/QĐ-TĐC ngày 14/06/2021

Sample approval:

Nơi sử dụng:

Place

Người/ Đơn vị sử dụng:

User

Phương pháp thực hiện:

Method of verification

Kết Luận:

Conclusion

Sai số tại QIII: -0.02 %

Tem kiểm định số

Verification stamp N°

Có giá trị đến(*)

Valid until

Đồng hồ nước lạnh. Quy trình kiểm định

ĐLVN 17: 2017

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Complying with the metrological requirements

Sai số tại QII: -1 %

Sai số tại QI: 0 %

23A148166

30/11/2028

Tp. HCM, ngày 08 tháng 11 năm 2023

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verified by

Lê Công Trí

GIÁM ĐỐC

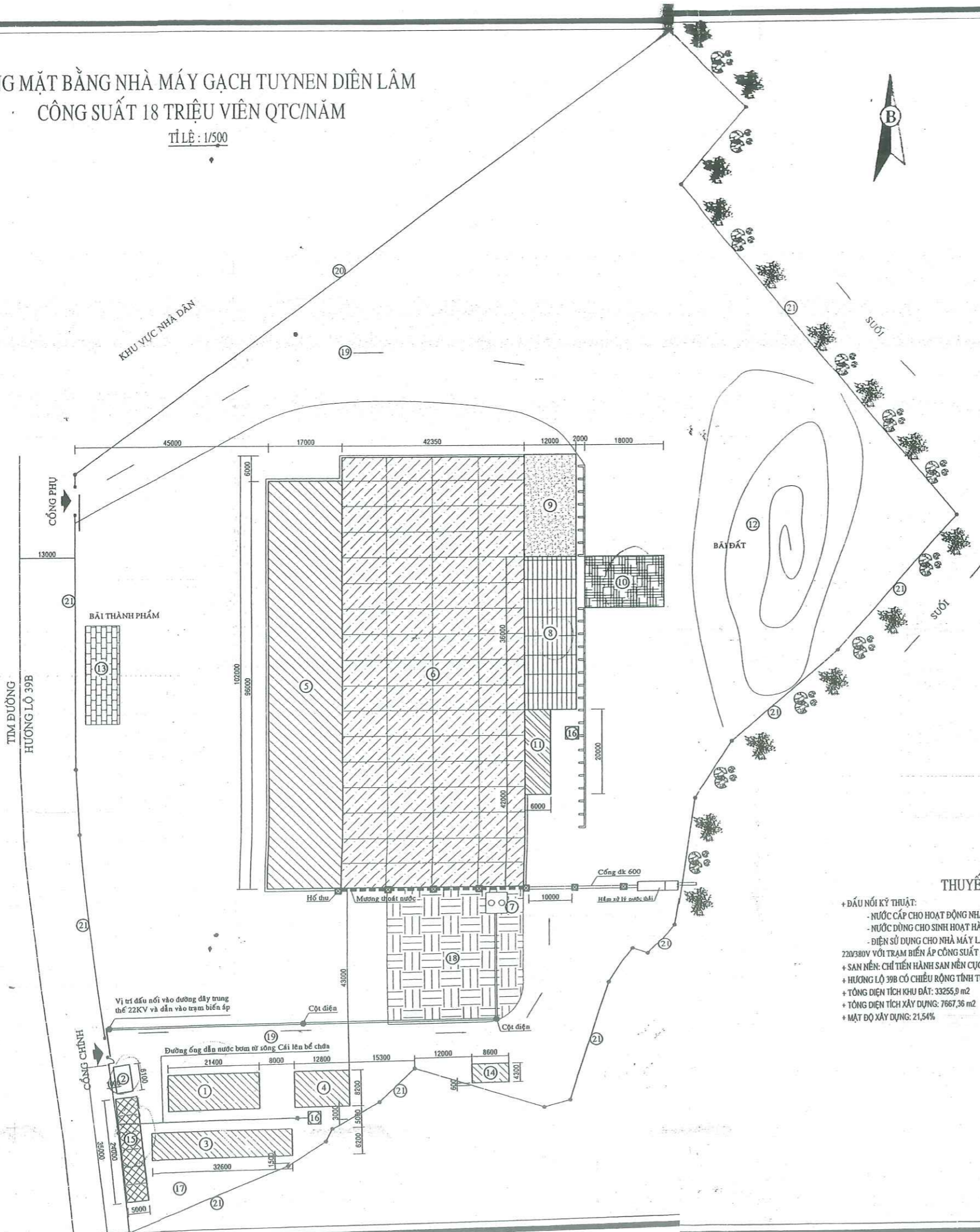
Director



Trương Lưu Đan Duy

(*) Với điều kiện tôn trọng nguyên tắc sử dụng (With respectfulness of rules of use and maintenance)

TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY GẠCH TUYNEN DIÊN LÂM
 CÔNG SUẤT 18 TRIỆU VIÊN QTC/NĂM
 TỈ LỆ : 1/500



CHÚ THÍCH :

STT	HANG MỤC	DIỆN TÍCH (m ²)
1	NHÀ LÀM VIỆC	75,48
2	NHÀ BẢO VỆ	23,38
3	NHÀ Ở CÔNG NHÂN	272,32
4	NHÀ ĂN, BẾP	134,36
5	NHÀ BẢO CHE LÒ NUNG SẤY	1.532,36
6	NHÀ PHƠI GẠCH MỘC	4.274,84
7	TRẠM BIẾN ÁP 220, 4KV-500 KVA	
8	NHÀ CỆ BIÊN TẠC HÌNH	<32,30
9	NHÀ CHỨA THAN	288,00
10	NHÀ CHỨA ĐẤT	216,00
11	NHÀ CƠ ĐIỆN, KHO DUNG CỤ	120,00
12	BÃI CHỨA ĐẤT	
13	BÃI THÀNH PHẨM	
14	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN	36,98
15	NHÀ ĐỂ XE, GARAGE	120
16	ĐÀI NƯỚC (2 CK)	
17	SÂN THỂ THAO	
18	SÂN PHƠI NGOÀI TRỜI	
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ	
20	TƯỜNG GẠCH BÊN CAO 3m - L=171,4m	
21	TƯỜNG GẠCH BÊN CAO 1,6m - L=440,0m	
	CỔNG TƯỜNG RẠC MẮT TIỀN - L=177,8m	

THUYẾT MINH KỸ THUẬT

- + ĐẦU NỐI KỸ THUẬT:
 - NƯỚC CẤP CHO HOẠT ĐỘNG NHÀ MÁY DÙNG NƯỚC ĐÓM TỪ SÔNG CÁI LÊN VÀO BỂ CHỨA
 - NƯỚC DÙNG CHO SINH HOẠT HÀNG NGÀY DÙNG NƯỚC GIẾNG KHOAN TẠI CHỖ
 - ĐIỆN SỬ DỤNG CHO NHÀ MÁY LẤY TỪ ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ 22KV CHẠY TRƯỚC NHÀ MÁY, HẠ ÁP CÒN 220/380V VỚI TRẠM BIẾN ÁP CÔNG SUẤT 500KVA.
- + SAN NỀN: CHỈ TIẾN HÀNH SAN NỀN CỤC BỘ PHỤC VỤ CHO VIỆC XÂY DỰNG TỪNG HANG MỤC.
- + HƯỚNG LỘ 39B CÓ CHIỀU RỘNG TÍNH TỪ TİM ĐƯỜNG 13M KỂ CẢ HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ
- + TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: 33255,9 m²
- + TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 7667,36 m²
- + MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 21,54%

INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.C.H	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG. VẼ	CHECK KIỂM	APPROV. DUYỆT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA
 ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: 194-196 TRẦN QUÍ CÁP - TP. NHA TRANG - KHÁNH HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG CAM RANH
 29 PHẠM VĂN ĐỒNG - CAM RANH - KHÁNH HÒA
 ĐT: 0909.301906 - 09.0555 FAX: 058.9566335

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR: Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC - PRESIDED BY: Kts. LÊ TẤN LÊ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU - PRESIDED BY: Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

KIỂM TRA - CHECK BY: Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

THIẾT KẾ - DESIGNER: Ks. LÂM NGUYỄN KHAI

CÔNG TRÌNH - PROJECT: NHÀ MÁY GẠCH TUYNEN 18 TỶ NĂM DIÊN LÂM

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: XÃ DIÊN LÂM - HUYỆN DIÊN KHÁNH

HANG MỤC - ITEM: MẶT BẰNG TỔNG THỂ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)	<input type="checkbox"/> THAM KHẢO (For consult)
<input checked="" type="checkbox"/> THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)	<input type="checkbox"/> THI CÔNG (For Construction)
<input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT (For approval)	<input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG (As-Built)

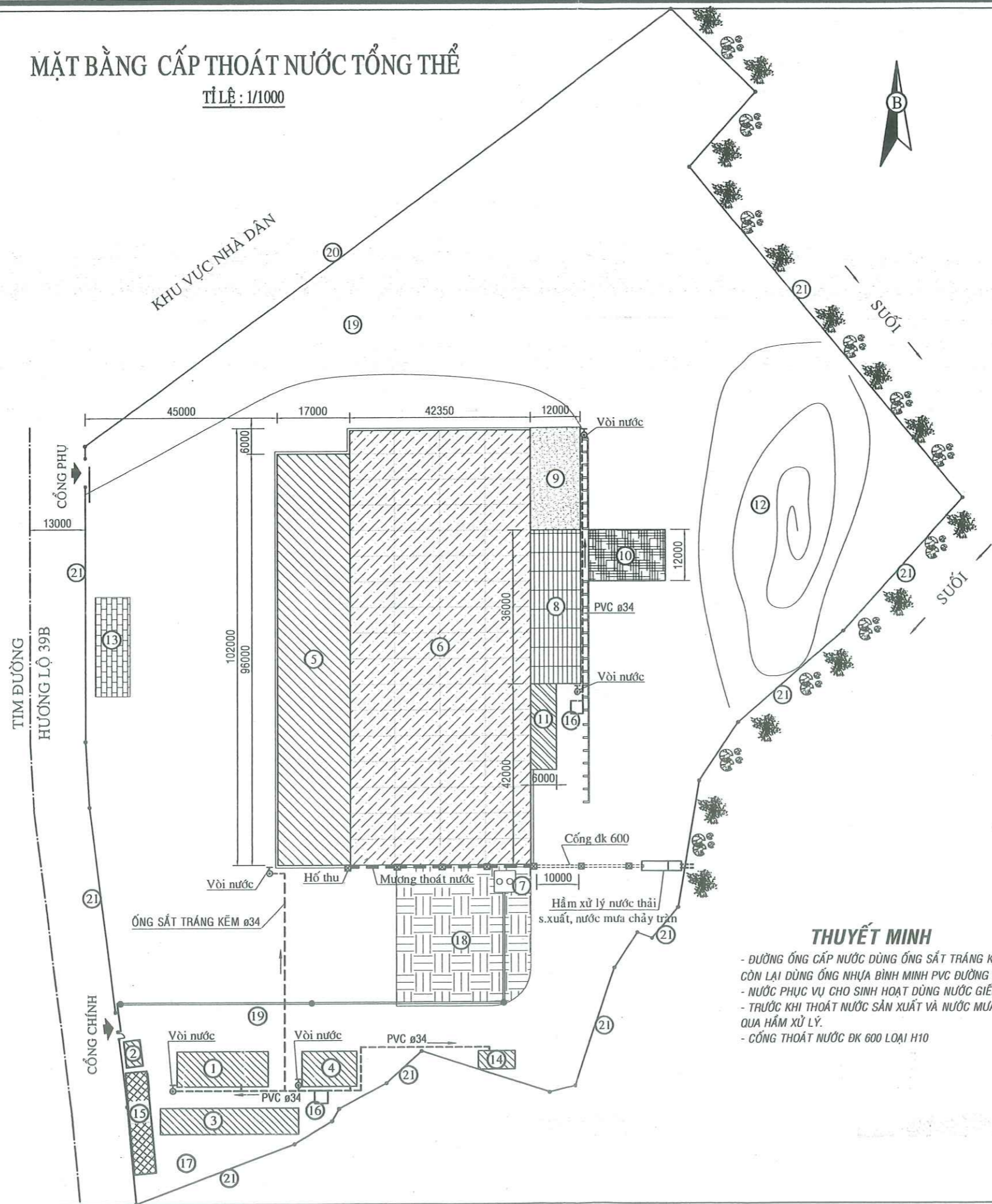
TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE: MẶT BẰNG TỔNG THỂ

KH-BẢN VẼ - DRAWING NO.: 1/4 TỈ LỆ - SCALE

NG. HOÀN THÀNH - COMPLETION DATE: 12/2008

MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ

TỈ LỆ : 1/1000



THUYẾT MINH

- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC DÙNG ỐNG SẮT TRẮNG KẼM ĐƯỜNG KÍNH 34mm CHẠY QUA ĐƯỜNG, CÒN LẠI DÙNG ỐNG NHỰA BÌNH MINH PVC ĐƯỜNG KÍNH 34mm.
- NƯỚC PHỤC VỤ CHO SINH HOẠT DÙNG NƯỚC GIẾNG, CHO SẢN XUẤT DÙNG NƯỚC SÔNG.
- TRƯỚC KHI THOÁT NƯỚC SẢN XUẤT VÀ NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN RA BÊN NGOÀI NƯỚC SẼ ĐƯỢC QUA HẦM XỬ LÝ.
- CỐNG THOÁT NƯỚC ĐK 600 LOẠI H10

INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV H CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION ĐIỂN GIẢI	DRAW NG VẼ	CHECK KIỂM	APPRV DUYỆT
Δ					
Δ					
Δ					
Δ					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA
 ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
 194-196 TRẦN QUÍ CÁP - TP NHA TRANG - KHÁNH HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG CAM RANH
 CÔNG TY
 TRẦN CHU THINH - CAM LỘC - CAM RANH - KHÁNH HÒA
 TEL: (050) 951506 - 951536 FAX: 050.956535
 GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
 Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

CHỦ TRƯỞNG KIẾN TRÚC - PRESIDED BY

KTs. LÊ TẤN LÊ

CHỦ TRƯỞNG KẾT CẤU - PRESIDED BY

Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

KIỂM TRA - CHECK BY

Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

THIẾT KẾ - DESIGNER

Ks. LÂM NGUYỄN KHẢI

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

NHÀ MÁY GẠCH TUYỀN 18 TR/V NĂM DIỆN LÂM

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:

XÃ DIỆN LÂM - HUYỆN DIỆN KHÁNH

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

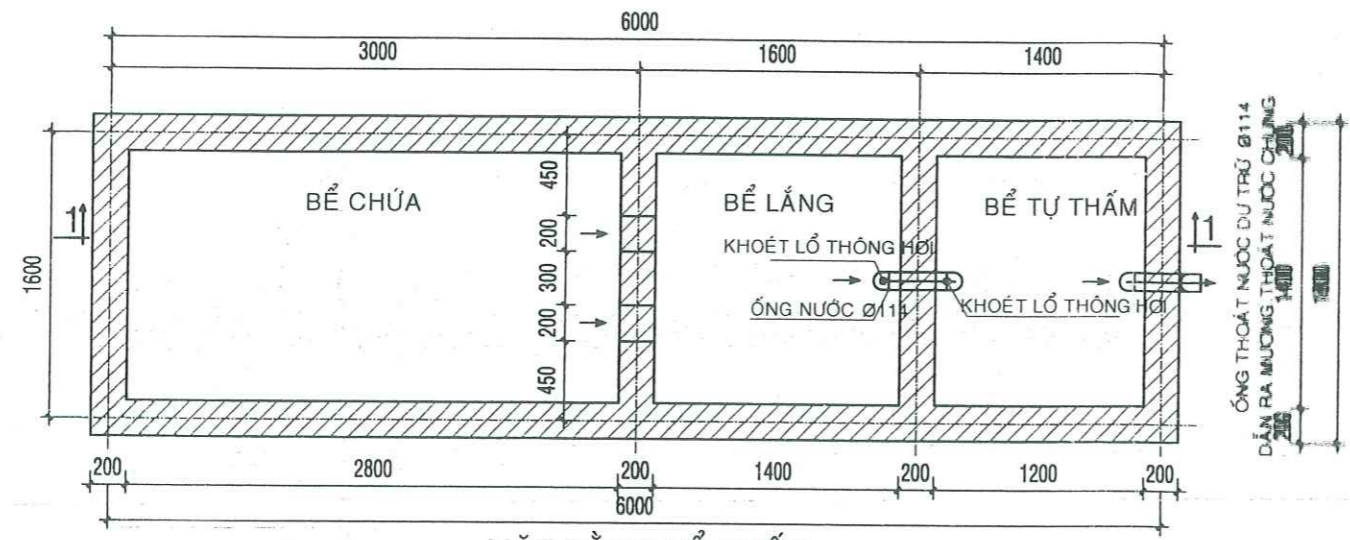
- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary) | <input type="checkbox"/> THAM KHẢO (For consult) |
| <input checked="" type="checkbox"/> THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission) | <input type="checkbox"/> THI CÔNG (For Construction) |
| <input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT (For approval) | <input type="checkbox"/> HỒN CÔNG (As-Built) |

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE:

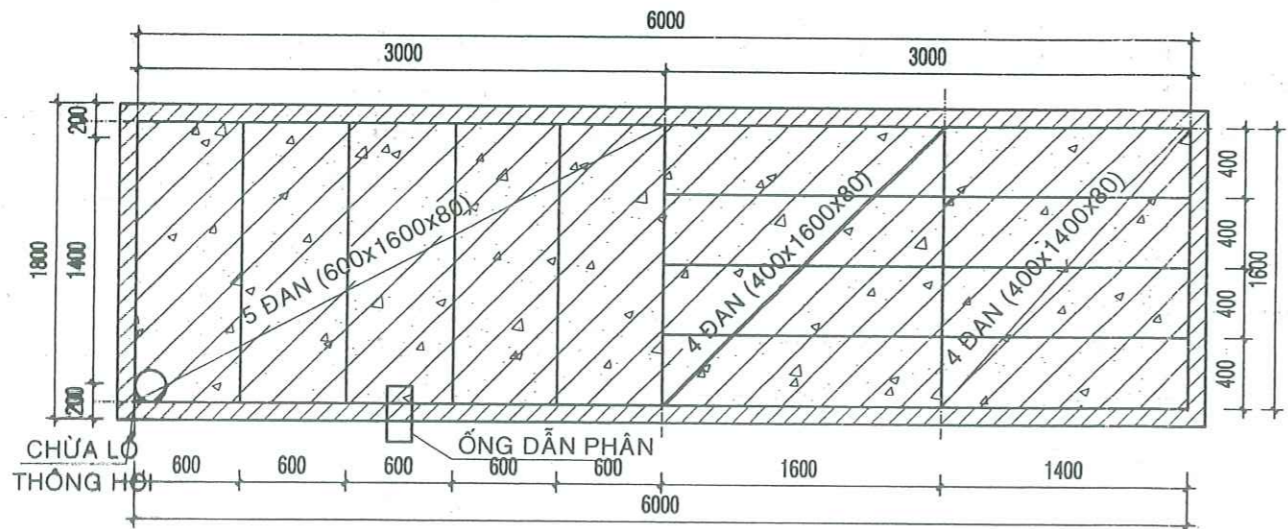
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ

KH-BẢN VẼ - DRAWING NO: 34 TỈ LỆ - SCALE

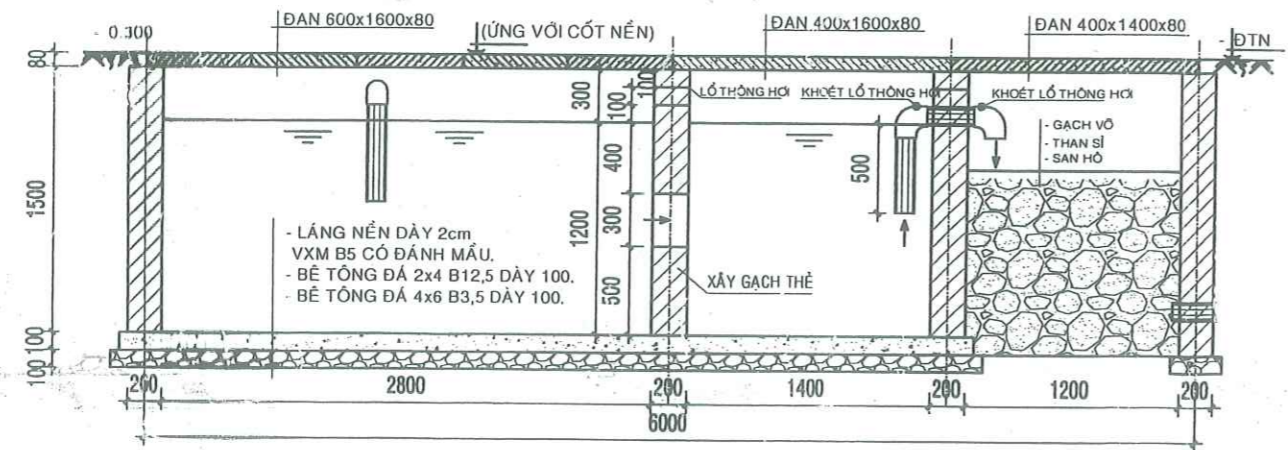
NG. HOÀN THÀNH - COMPLETION DATE: 12/2008



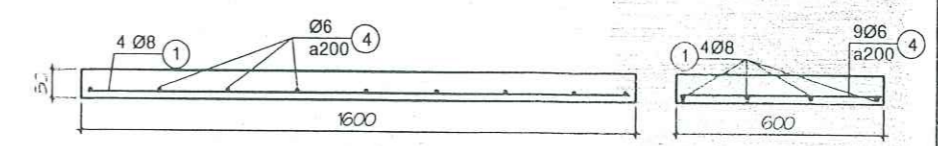
MẶT BẰNG BỂ PHỐT



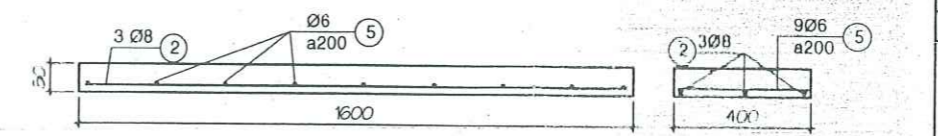
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐẠN BỂ PHỐT



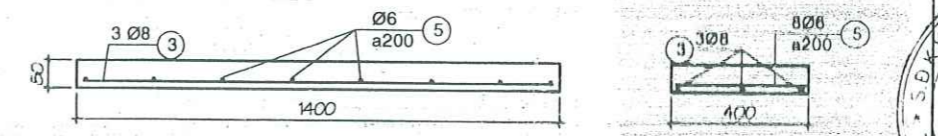
MẶT CẮT 1-1



ĐẠN 600x1600x80 (SL : 05CK)



ĐẠN 400x1600x80 (SL : 04CK)



ĐẠN 400x1400x80 (SL : 04CK)

BẢNG THỐNG KÊ THÉP ĐẠN

TÊN CK	TT	QUY CÁCH	φ (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ THANH	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG KHỐI LƯỢNG (kg)
	1	1560	8	1560	4	20	31.2	12.27
	2	1560	8	1560	3	12	18.7	7.35
	3	1360	8	1360	3	12	16.3	6.4
	4	570	6	570	9	45	25.7	5.7
	5	370	6	370	17	68	25.2	5.6

37.32 KG

INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H/C	DATE	DESCRIPTION	DRAW. NG. VẼ	CHECK. KIỂM	APPROV. DUYỆT
Δ					
Δ					
Δ					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: 194-198 TÂN QUÍ CẤP - TP. NHA TRANG - KHÁNH HÒA

CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG CAM RANH

TRÁCH NHIỆM HỒ SƠ: (1) 278 PHẠM CHÍ THINH - CAM RANH - KHUẤT HÒA
 TEL: (056) 951100 - 951535 - FAX: (056) 956533

GIÁM ĐỐC (DIRECTOR): NGUYỄN TIẾN TRUNG

CHỦ TRƯ KIẾN TRÚC - PRESIDED BY: KTS. LÊ TẤN LÊ

CHỦ TRƯ KẾT CẤU - PRESIDED BY: Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

KIỂM TRA - CHECK BY: Ks. NGUYỄN TIẾN TRUNG

THIẾT KẾ - DESIGNER: Ks. LÂM NGUYỄN KHẢI

CÔNG TRÌNH - PROJECT: NHÀ MÁY GẠCH TUYỀN 18 TIV/ NĂM DIÊN LÂM

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: XÃ DIÊN LÂM - HUYỆN DIÊN KHÁNH

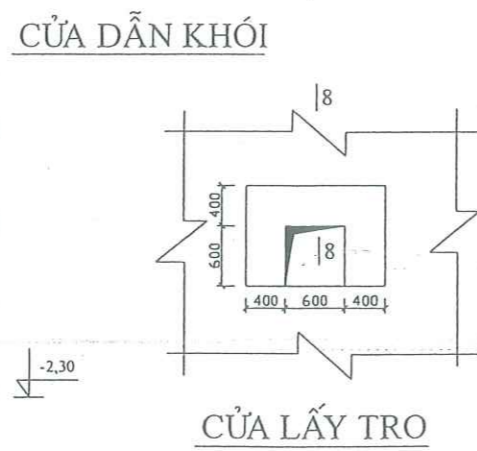
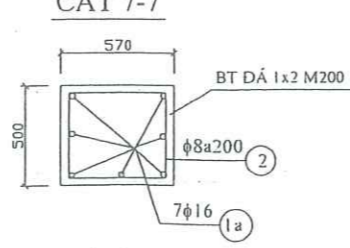
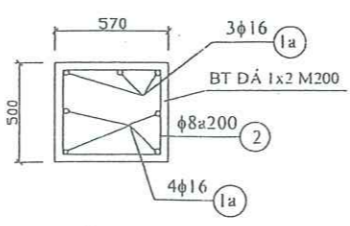
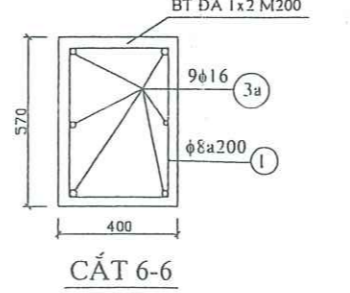
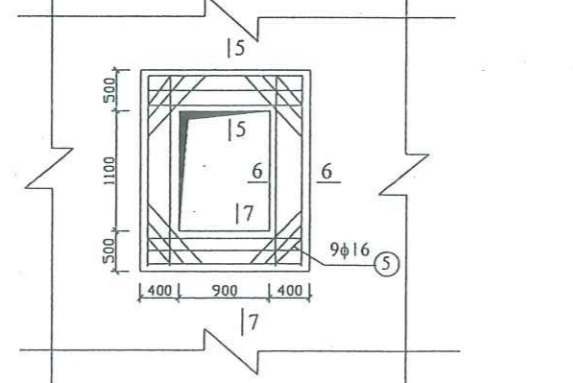
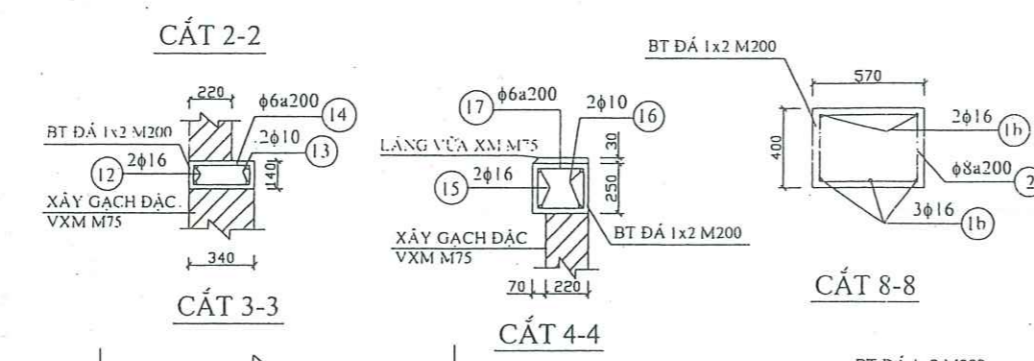
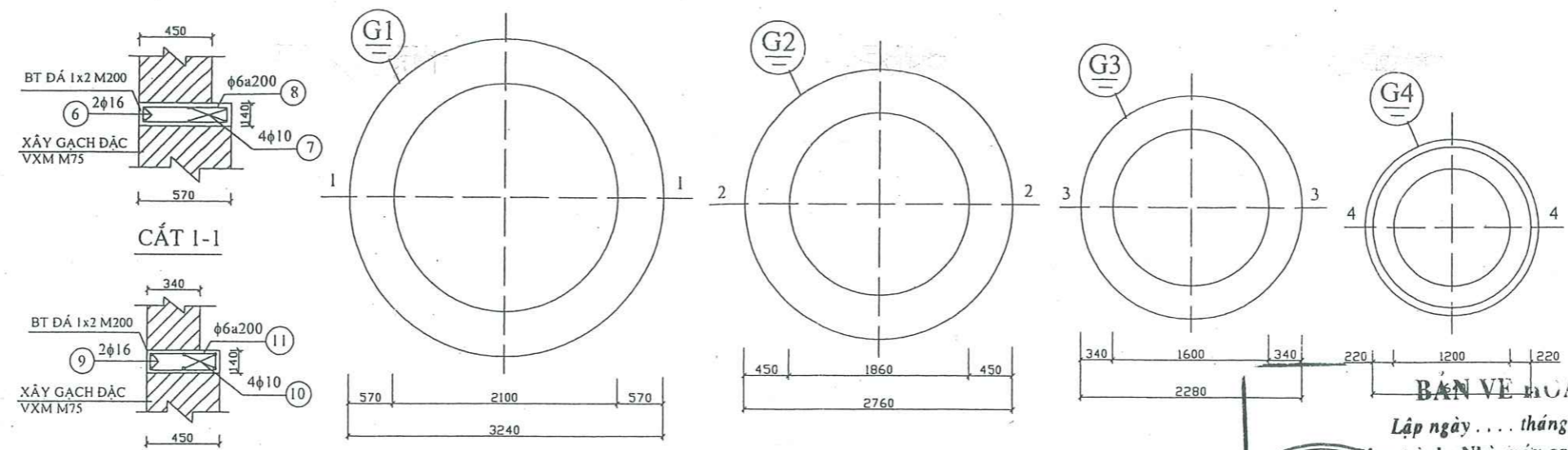
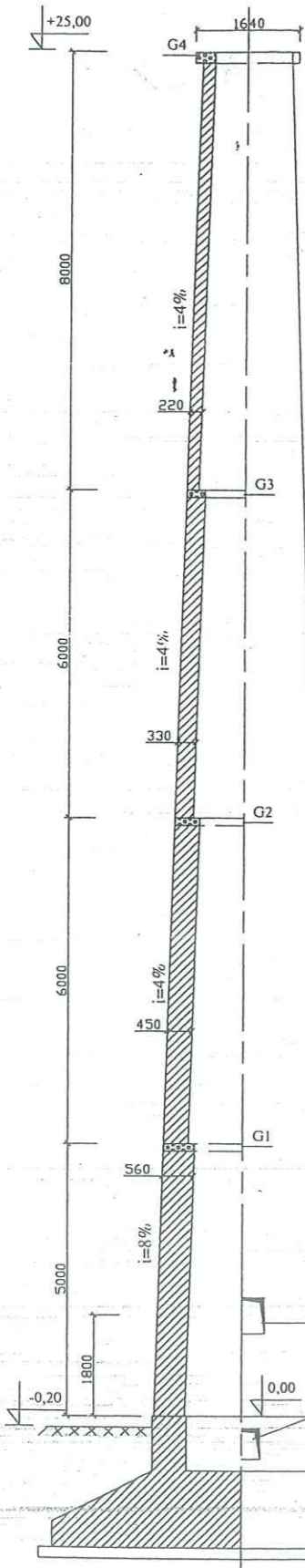
HẠNG MỤC - ITEM: NHÀ VỆ SINH

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

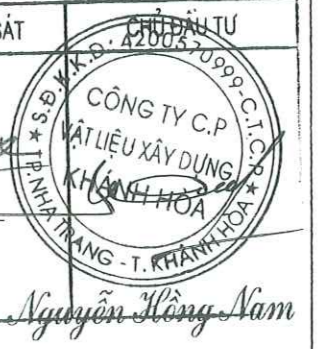
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)	<input type="checkbox"/> THẨM KHẢO (For consult)
<input checked="" type="checkbox"/> THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)	<input type="checkbox"/> THI CÔNG (For Construction)
<input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT (For approval)	<input type="checkbox"/> HẠM CÔNG (As - Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE: HẦM TỰ HOẠI

KI-BẢN VẼ - DRAWING NO: 4H | TỈ LỆ - SCALE



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày... tháng... năm 20...
Công trình: Nhà máy gạch Tuynel Diên Lâm



CẦU KIẾN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG-KÍCH THƯỚC	CHỈT ĐÁI (m)		TRỌNG LƯỢNG		
			TOÀN BỘ	GIẢM ĐỐC			
GIẢNG G1	6	3200/2400	16	2	32,85		
	7	500x100x500	10	4	19,8		
	8	500x100x500	6	45	13		
GIẢNG G2	9	2700/2000	16	8	28,2		
	10	500x100x390	10	4	17,3		
	11	500x100x390	6	40	9		
GIẢNG G3	12	2240/1840	16	2	23,5		
	13	500x100x390	10	2	7,8		
	14	500x100x390	6	36	7		
GIẢNG G4	15	1840/1240	16	2	19,9		
	16	500x100x390	10	2	5,6		
	17	500x100x390	6	32	6,8		
CỬA DẪN KHÓI-CỬA LẤY TRO	1	a 1400	16	2x5	1,4	19,6	31
		b 1300		5	1,3	6,5	10
	2	450	8	2x5	2,0	20	8
		500					
3	a 1900	16	2x6	1,9	22,8	36	
	b 1700		2x6	1,7	20,4	32,3	
5	2000x800	16	4x9	1,0	3,6	57	
	350		8	2x5	1,8	18	7,2
4	500	40	2x4		12,4	5	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THẠCH BÀN
Phường Thạch Bàn - Quận Long Biên - TP. Hà Nội

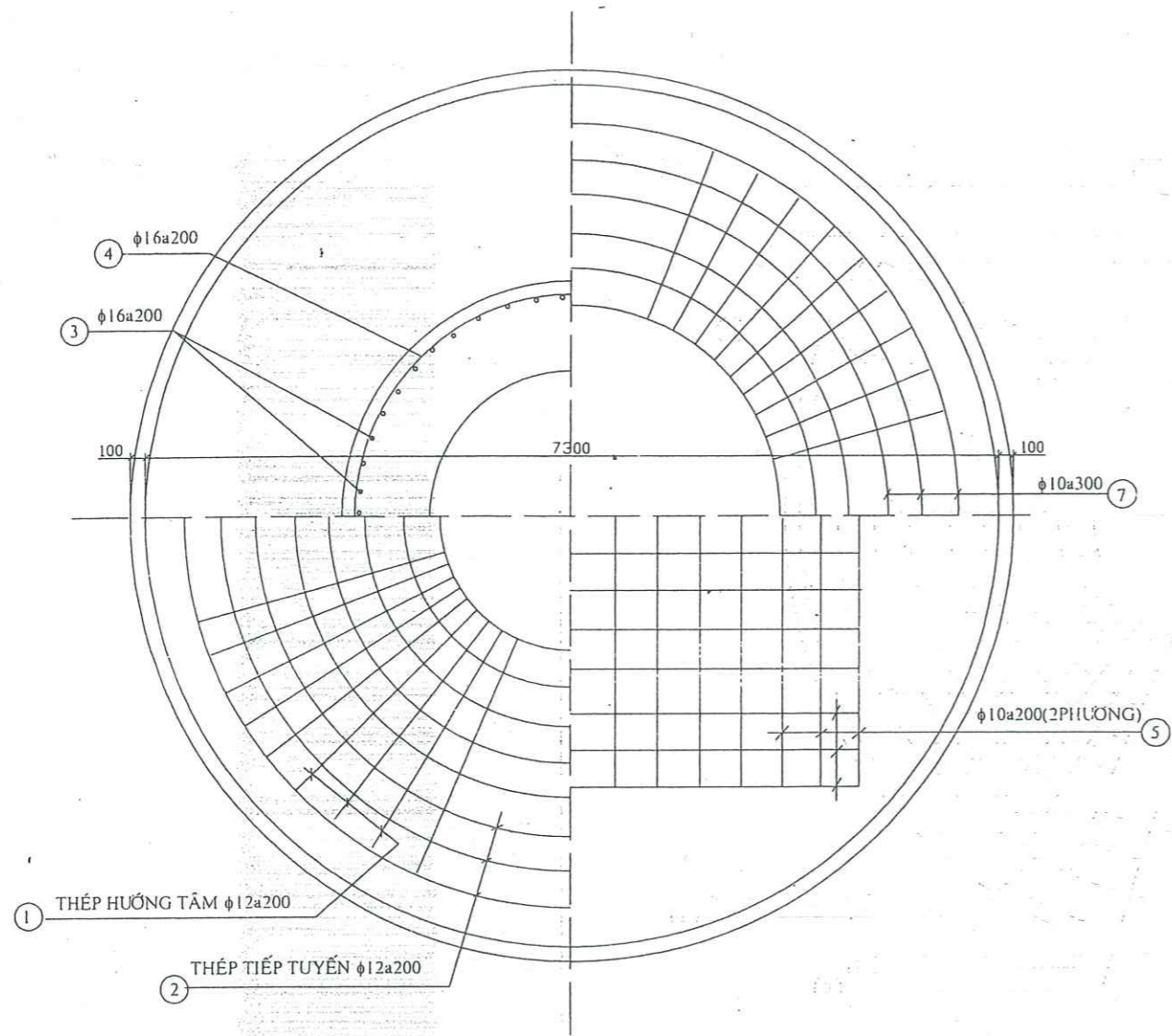
GIÁM ĐỐC: CHỦ VĂN CHÍ
CHỦ NHIỆM T.K: CHỦ VĂN CHÍ
CHỦ TRÌ T.K: DƯƠNG HỒNG XUYẾN
THIẾT KẾ: CHU THANH TÙNG
KIỂM TRA: HÀN MINH TỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL DIÊN LÂM

HẠNG MỤC: ỔNG KHÓI
MẶT ĐỨNG-MẶT CẮT, CHI TIẾT

GIẢI ĐOẠN: TK, BVTC
NGÀY HT: 01/2010

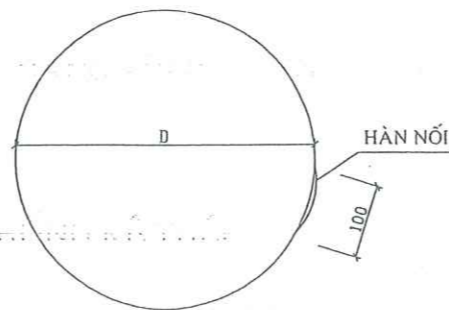
TỈ LỆ: S.H.B.V
KC: 01



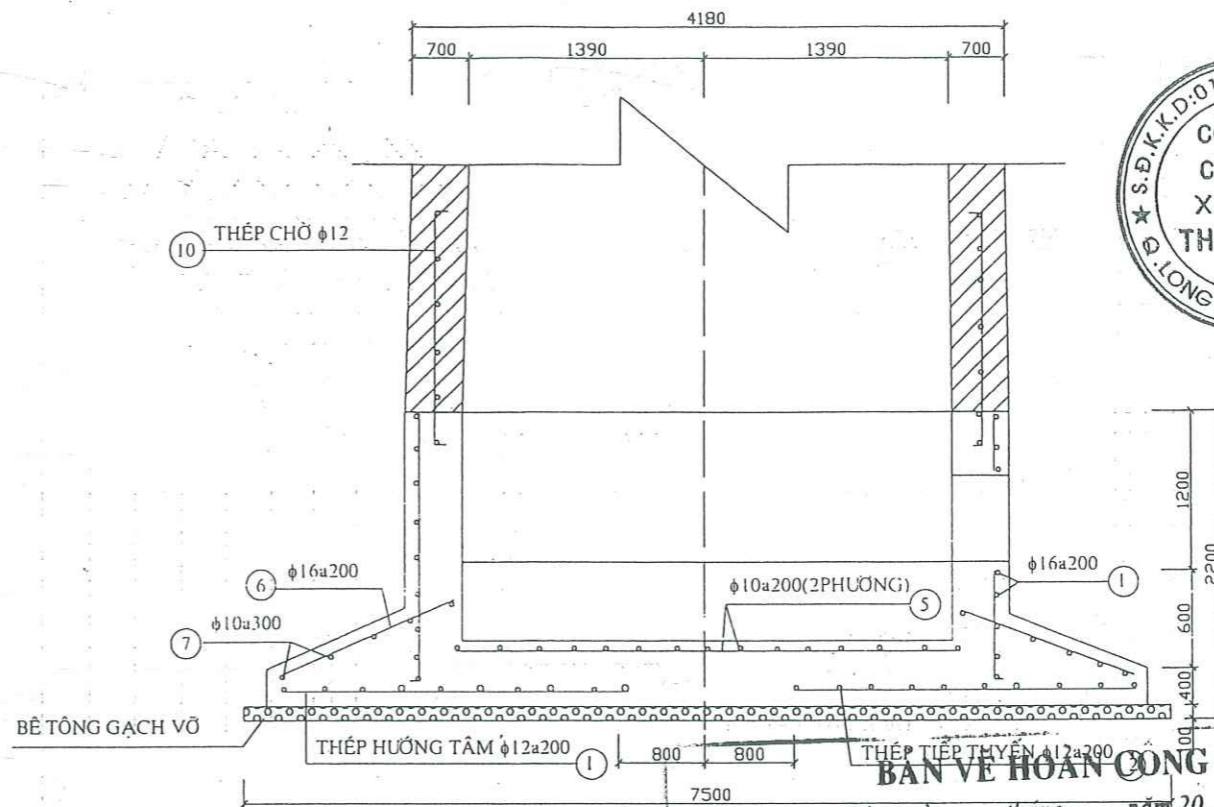
MẶT BẰNG THÉP MÓNG

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	φ	SỐ THANH	L mm		
THÉP MÓNG	1	3000 500	12	116	3000	349	310
	2	CV=14000 Dtb=4460	12	16	14500	232	209
	3	100 L 2100 500	16	64	2200	134,5	213
	4	CV=12700 Dtb=4050	16	11	13200	145,2	229,5
	5	3200	10	2x16	3200	102,5	63,5
	6	2500 500	10	77	2500	192,5	119
	7	CV=15000 Dtb=1800	10	8	15500	155	95,6
ĐÁI XÂY	8	Dtb=2500	10	115	7950	914,5	564
NÁP HỐ	9	980	10	20	980	19,6	12
THÉP CHỖ	10	900-1400-1900-2400 100	12	54	Tb 1850	100	90



ĐẶT THÉP TRONG KHỐI XÂY CỨ 3 LỚP ĐẶT 1 THÉP φ10



Lập ngày tháng năm 20...

Công trình: Nhà máy gạch Tuynel Điện Lâm

--	--

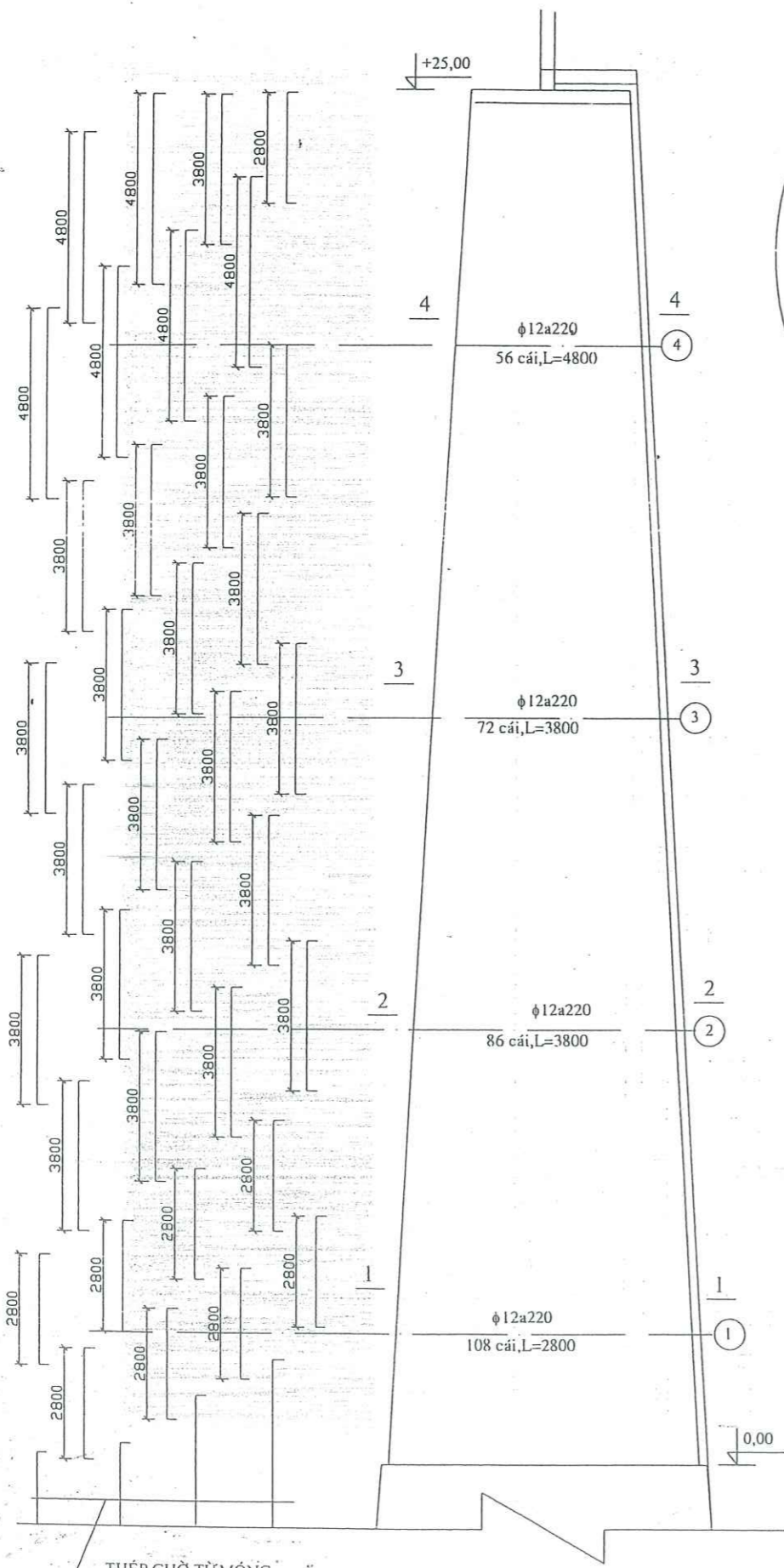
CHÚ THÍCH: GIÁM ĐỐC

CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG ĐỊNH BẰNG 1.5 KG/CM2 KHI THI CÔNG NẾU THẤY NÉN YẾU CẦN LIÊN HỆ VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐỂ CÓ BIỆN PHÁP SỬ LÝ

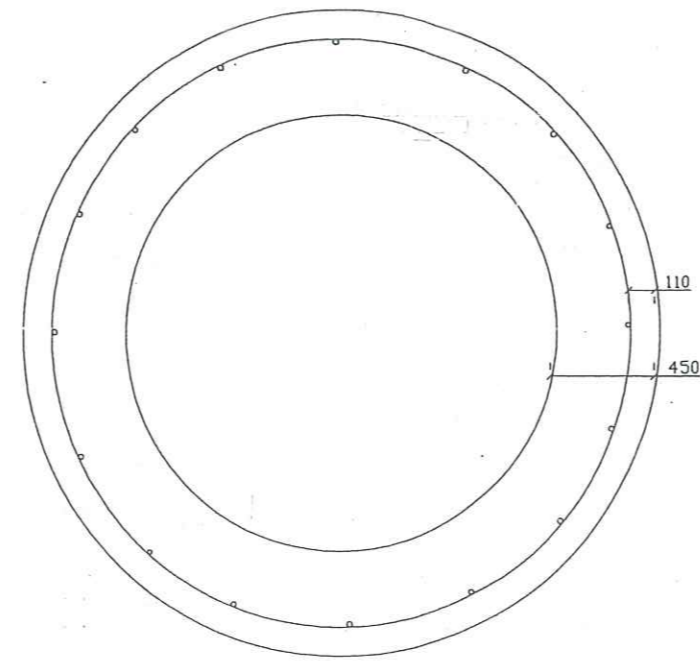
BÊ TÔNG MÓNG CỘT, GIẰNG M200 CỐT THÉP AI RA = 2100KG/CM2 AI RA = 2800KG/CM2

TƯỜNG ỐNG KHỐI XÂY GẠCH ĐỎ M75 VXM M50

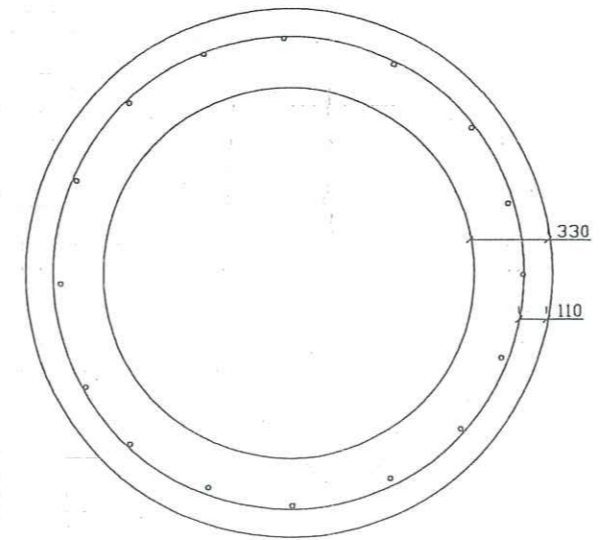
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THẠCH BÀN Phường Thạch Bàn, Q. Long Biên - TP. Hà Nội		CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL ĐIỆN LÂM		
GIÁM ĐỐC	CHỦ SÀN CH	HẠNG MỤC: ỐNG KHỐI		
CHỦ NHIỆM T.K	CHỦ SÀN CH	KẾT CẤU MÓNG		
CHỦ TRÌ T.K	DUYNG HỒNG XUYẾN	GIẢI ĐOẠN : TK.BVTC	TỈ LỆ	S.H.B.V
THIẾT KẾ	CHU THANH TÙNG	NGÀY HT : 01/2010		KC: 02
KIỂM TRA	HÀN MINH TỬ			



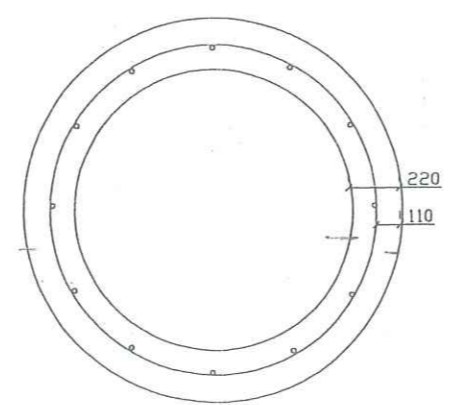
SƠ ĐỒ BỐ TRÍ THÉP DỌC



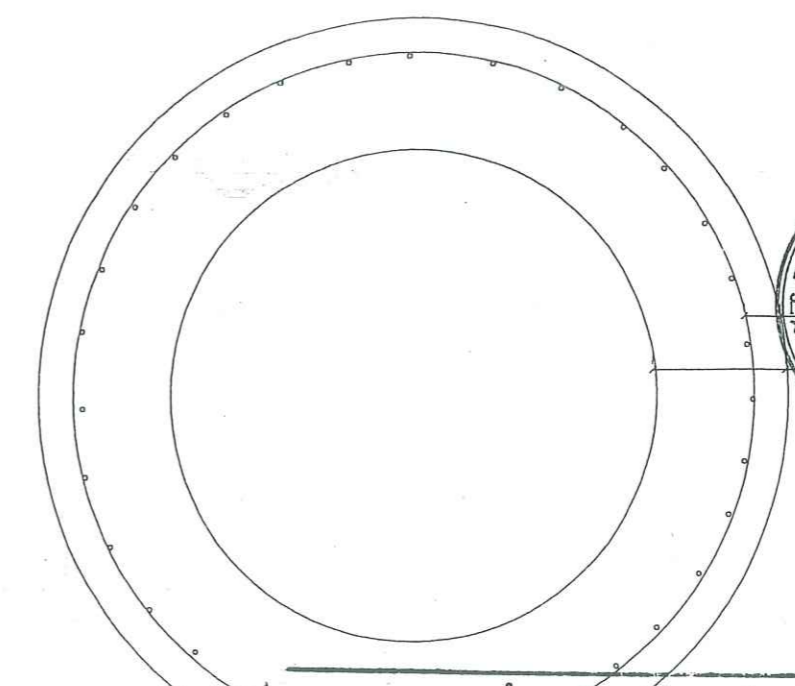
MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày... tháng... năm 20...

Công trình: Nhà máy gạch Tuynel Điện Lâm



ĐƠN VỊ GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC THỐNG KÊ THÉP

Nguyễn Hồng Nam

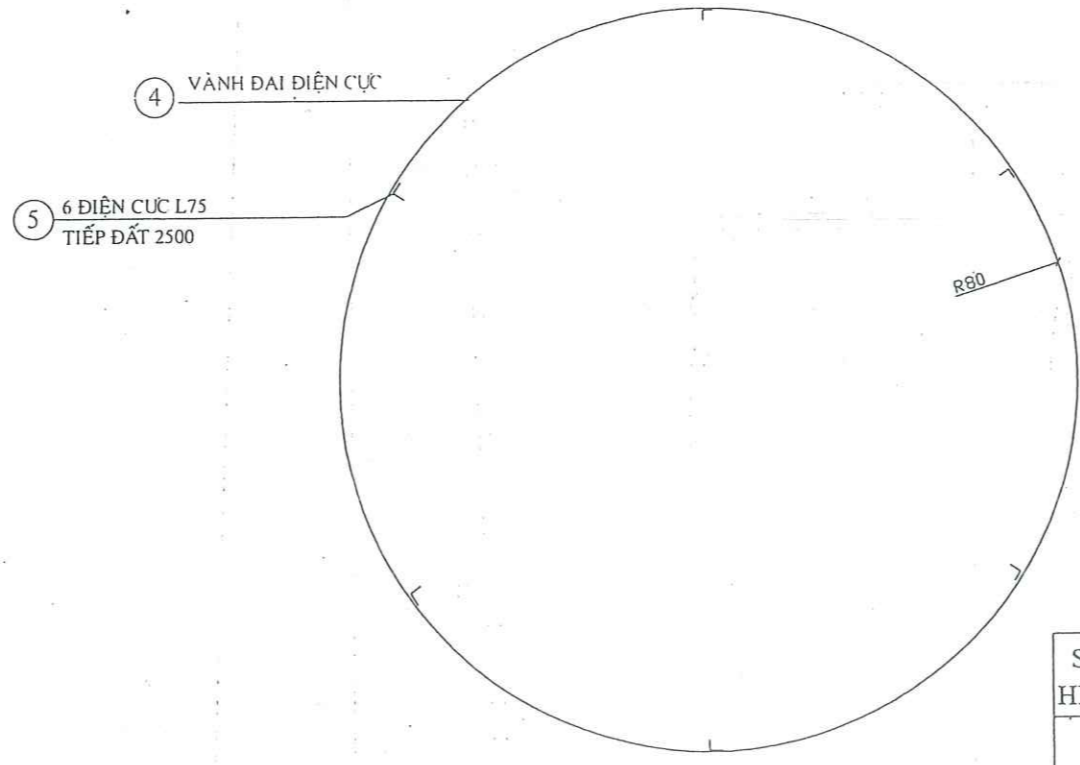
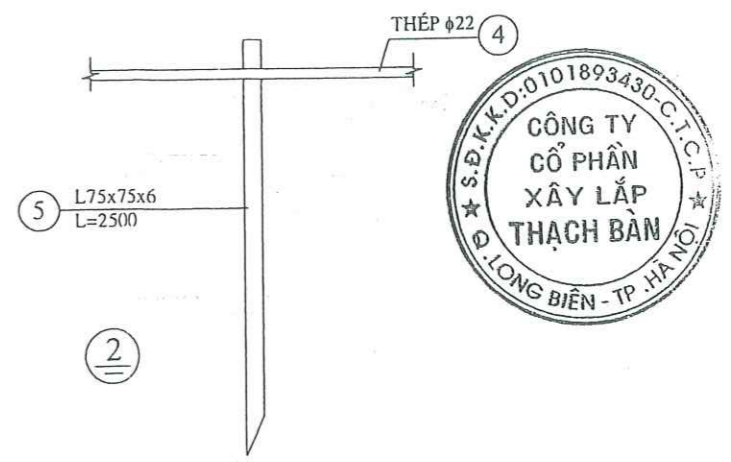
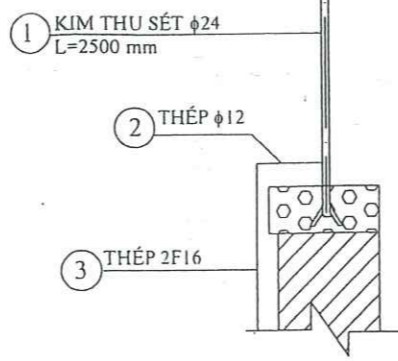
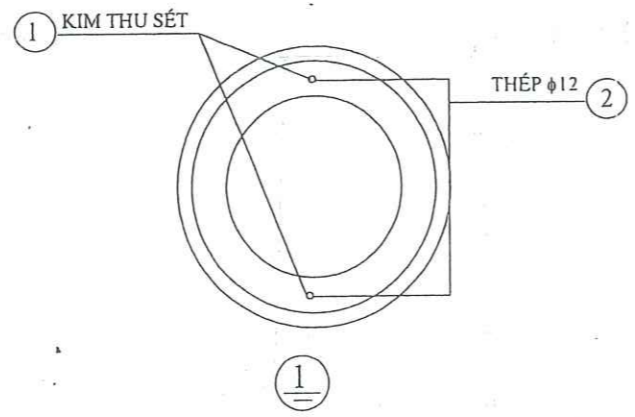
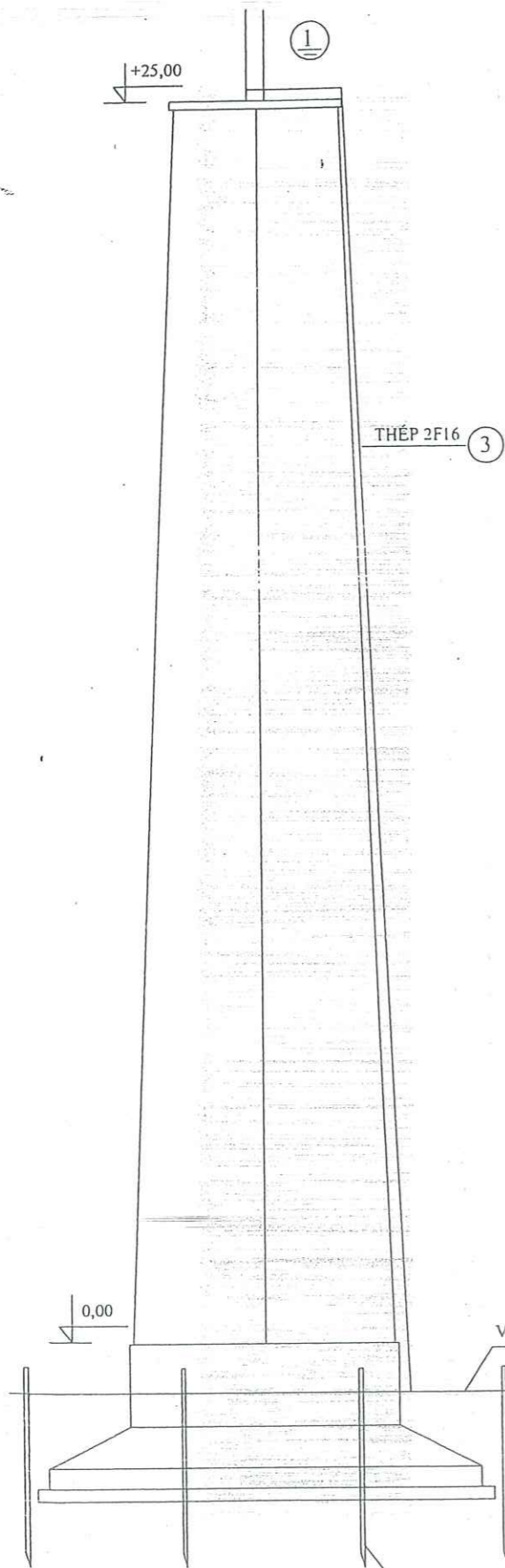
SỐ HIỆU	QUY CÁCH	φ	L mm	SỐ THANH	Σ m	Σ kg
1	2800 100	12	3000	108	324	288
2	3800 100	12	4000	86	344	305
3	3800 100	12	4000	72	288	256,5
4	4800 100	12	5000	56	280	249

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THẠCH BÀN
Phường Thạch Bàn - Q. Long Biên - TP. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL ĐIỆN LÂM

GIÁM ĐỐC	CHỦ ĐẦU TƯ
CHỦ NHIỆM T.K	CHỦ YAN CH
CHỦ TRỊ T.K	DƯƠNG HỒNG XUYẾN
THIẾT KẾ	CHU THANH TÙNG
KIỂM TRA	HÀN MINH TỬ

HẠNG MỤC: ỐNG KHÓI		
SƠ ĐỒ BỐ TRÍ THÉP DỌC		
GIẢI ĐOẠN : TK.BVTC	TỈ LỆ	S.H.B.V
NGÀY HT : 01/2010		KC: 03



MẶT BẰNG TIẾP ĐẤT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Lập ngày tháng năm 20
 Công trình: Nhà máy gạch Tuynel Diên Lâm

 GIÁM ĐỐC <i>Phạm Hồng Mạnh</i>	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ Nguyễn Hồng Nam
---------------------------------------	--

THỐNG KÊ THÉP

SỐ HIỆU	QUY CÁCH	φ	L mm	SỐ THANH	Σ m	Σ Kg
1	KIM THU SÉT	24	2500	2	5,0	18
2	_____ 6000 _____	12	6000	1	6	9,4
3	_____ 27000 _____	16	27000	2	54	85
4	R=3750	22		1	24	71
5	L75x75x6		2500	6	15	120

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THẠCH BÀN Phường Thạch Bàn - Q. Long Biên - TP. Hà Nội		CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL DIÊN LÂM		
GIÁM ĐỐC	CHỦ VẤN CHÍ	HẠNG MỤC: ỐNG KHÓI		
CHỦ NHIỆM T.K	CHỦ VẤN CHÍ	MẶT BẰNG CHỐNG SÉT		
CHỦ TRÌ T.K	DƯƠNG HỒNG XUYẾN			
THIẾT KẾ	CHU THANH TÙNG	GIẢI ĐOẠN : TK.BVTC	TỈ LỆ	S.H.B.V
KIỂM TRA	HÀN MINH TỬ	NGÀY HT : 01/2010		KC: 04